

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21/05/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/08/2017)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 4.87/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2017)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Trụ sở chính: Tầng 3, tòa nhà lô T2, Khu CN Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: (84-60) 3868119 Fax: (84-60) 3868901

Website: www.dientruongthinh.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Trụ sở: Tầng 6, tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024 39 445 474 Fax: 024 39 445 475

Website: www.nsi.com.vn

Chi nhánh: Lầu 1 Tòa nhà 105-107 đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 38217262 Fax: (84-28) 38217305

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Lê Thị Hạnh

Chức vụ: TV Ban Kiểm Soát

Điện thoại: (84-60) 3868119

Fax: (84-60) 3868901



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21/05/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/08/2017)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	TTE
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	28.490.400 cổ phần <i>(Hai mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm cổ phần)</i>
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	284.904.000.000 đồng <i>(Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng)</i>

Tổ chức kiểm toán**Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam**

Địa chỉ: Lầu 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 phố Nguyễn Trãi, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: (84-24) 3783 2121 Fax: (84-24) 3783 2122

Website: www.epvietnam.vn

Công ty TNHH Kiểm toán Vaco – Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-28) 3840 6618 Fax: (84-28) 3840 6616

Website: www.vaco.com.vn

Tổ chức tư vấn**Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia**

Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số điện thoại: (84-24)39 445 474 - Fax: (84-24) 39 445 475

Website: www.nsi.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù.....	10
3.1. Rủi ro thanh khoản:.....	10
3.2. Rủi ro phát triển năng lượng mới.....	10
3.3. Rủi ro về vận hành, an toàn lao động.....	10
3.4. Rủi ro về thời tiết.....	11
3.5. Rủi ro về vấn đề độc quyền.....	11
4. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	13
1. Tổ chức niêm yết.....	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.1 Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết.....	15
1.2 Quá trình hình thành và phát triển.....	16
1.3 Quá trình tăng vốn của Công ty.....	17
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	18
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, cổ đông sáng lập và Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/10/2018.....	24
3.1 <i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty</i>	24
3.2 <i>Danh sách cổ đông sáng lập</i>	24
3.3 <i>Cơ cấu cổ đông</i>	24
4. Danh sách những công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	24
5. Hoạt động kinh doanh.....	25
5.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	25
5.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	31

5.3	Nguyên vật liệu.....	366
5.4	Chi phí sản xuất.....	377
5.5	Trình độ công nghệ.....	43
5.6	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	44
5.7	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	45
5.8	Hoạt động Marketing.....	46
5.9	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	46
5.10	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	46
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	47
7.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	59
7.1	<i>So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp trong cùng ngành và Vị thế của công ty trong ngành.....</i>	<i>59</i>
7.2	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	<i>61</i>
7.3	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....</i>	<i>622</i>
8.	Chính sách đối với người lao động.....	633
9.	Chính sách cổ tức	644
10.	Tình hình hoạt động tài chính.....	655
11.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	76
12.	Tài sản	911
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận trong năm tiếp theo	92
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	93
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	94
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	94
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	95
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	1033
1.	Tổ chức tư vấn.....	1033
2.	Tổ chức kiểm toán.....	1033
3.	PHỤ LỤC.....	1033

DANH SÁCH BẢNG BIỂU

BIỂU

Biểu 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	19
Biểu 2: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố (hợp nhất).....	43
Biểu 3: Cơ cấu chi phí tính trên doanh thu (hợp nhất).....	432

BẢNG

Bảng 1: Danh sách các nhà máy phát điện của Công ty.....	23
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông TTE.....	24
Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu thuần của sản phẩm, giá trị dịch vụ Công ty mẹ.....	31
Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu thuần hợp nhất.....	32
Bảng 5: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ.....	344
Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận gộp Hợp nhất.....	34
Bảng 7: Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.....	37
Bảng 8: Chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	38
Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của Công ty mẹ.....	41
Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố hợp nhất.....	42
Bảng 11: Một số thông số kỹ thuật chính của các nhà máy.....	44
Bảng 12: Các hợp đồng lớn đang thực hiện.....	46
Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.....	47
Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.....	47
Bảng 15: So sánh một số doanh nghiệp thủy điện đã niêm yết và đang giao dịch trên thị trường UPCOM (số liệu tại 31/12/2017).....	60
Bảng 16: Cơ cấu lao động tại Công ty.....	63
Bảng 17: Thời gian khấu hao tài sản cố định.....	65
Bảng 18: Các khoản phải nộp theo luật định.....	69
Bảng 19: Lợi nhuận đã trích lập các quỹ.....	70
Bảng 20: Vay và nợ thuê tài chính.....	70
Bảng 21: Thông tin các khoản vay tại ngày 30/09/2018.....	71
Bảng 22: Các khoản phải thu.....	72
Bảng 23: Các khoản phải trả.....	73

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty	74
Bảng 25: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.....	76
Bảng 26: Thành viên Ban kiểm soát của Công ty	85
Bảng 27: Tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2018	91
Bảng 28: Hiện trạng đất đai của Công ty (hợp nhất).....	91
Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh (hợp nhất) của Công ty	92
Bảng 30: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng.....	95
Bảng 31: Bảng tính giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/E (tại ngày 30/9/2018).....	98
Bảng 32: Bảng tính giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/B (tại ngày 30/9/2018).....	99

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

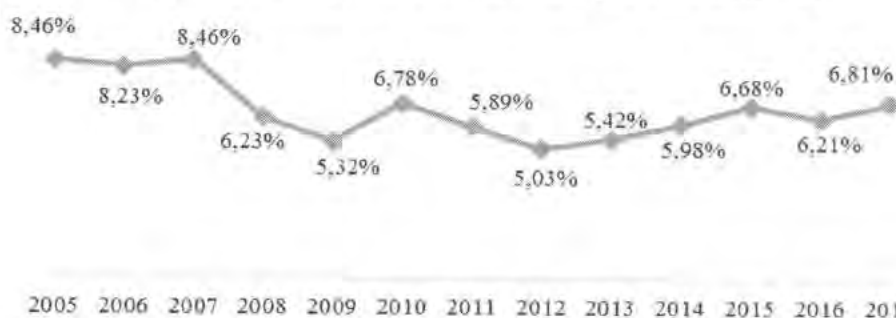
1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Việt Nam là một trong những nước có nền kinh tế phát triển năng động trong khu vực Châu Á với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2017 là khoảng 6,58%. Theo số liệu đã được công bố của Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2017 đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua. Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137; Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

Số liệu công bố của Tổng cục Thống kê đã cho biết tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng năm 2018 là 7,08% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 đến nay. Cũng theo dự báo của lãnh đạo Tổng cục thống kê, xu hướng tăng trưởng 6 tháng cuối năm sẽ thấp hơn nhưng nếu tận dụng được các năng lực, tiềm năng hiện có thì hoàn toàn có thể đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,7% của cả năm 2018

Tuy nhiên, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia cũng lưu ý những khó khăn của năm 2018, trong đó có việc thương mại toàn cầu nói chung và xuất khẩu của Việt Nam nói riêng sẽ chịu tác động bởi sự thay đổi chính sách thương mại của Mỹ. Trong nước, các vấn đề nội tại của nền kinh tế như trình độ công nghệ thấp, đất đai, tài nguyên đang dần cạn kiệt trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá. Với những yếu tố thuận lợi cùng sự quyết tâm của một “Chính phủ kiến tạo và hành động để phục vụ người dân và doanh nghiệp”, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn là rất tích cực, tuy nhiên về trung và dài hạn, nó sẽ phụ thuộc chủ yếu vào các chính sách của Chính phủ và tốc độ thâm thấu của các chính sách tốt vào nền kinh tế. Chính sách của Chính phủ có thể được thiết kế tốt nhưng việc gỡ bỏ các rào cản, cản trở và sức ý thể chế để chính sách tốt có tác động hiệu quả tích cực lên nền kinh tế, lên hoạt động của các doanh nghiệp, qua đó tạo sức bật của nền kinh tế.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, nhu cầu điện trong xã hội ngày càng tăng cao. Hiện nay và trong ngắn hạn nguồn cung sản lượng điện trong nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện. Ngày 18/3/2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 428/QĐ-Ttg Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có tính đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII điều chỉnh), xác định mục tiêu phát triển ngành điện là đáp ứng đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016-2030. Cụ thể nhu cầu về điện thương phẩm: Năm 2020 Khoảng 235 - 245 tỷ kWh; năm 2025 Khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 Khoảng 506 - 559 tỷ kWh và nhu cầu về Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 Khoảng 265 - 278 tỷ kWh; năm 2025 Khoảng 400 - 431 tỷ kWh và năm 2030 Khoảng 572 - 632 tỷ kWh.

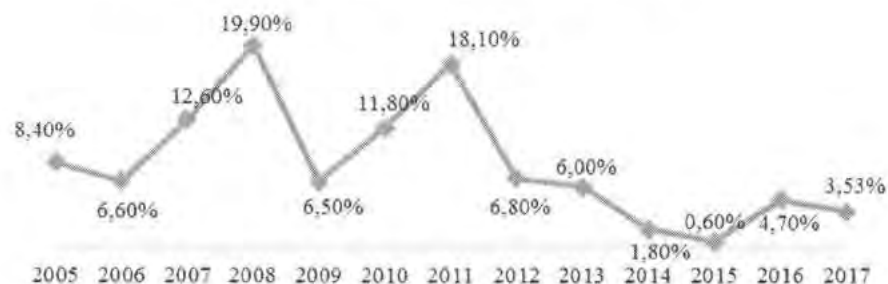
Với nhu cầu tiêu thụ điện năng toàn quốc ngày càng tăng, Quy hoạch điện VII điều chỉnh cũng đã xác định ưu tiên phát triển ngành thủy điện nhằm đưa Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện vừa và nhỏ, thủy điện tích năng) từ gần 17.000 MW hiện nay lên khoảng 21.600 MW vào năm 2020, khoảng 24.600 MW vào năm 2025 (thủy điện tích năng 1.200 MW) và khoảng 27.800 MW vào năm 2030 (thủy điện tích năng 2.400 MW), đồng thời ưu tiên phát triển các nguồn điện vừa và nhỏ tại các vùng, miền trong cả nước nhằm đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện tại chỗ và giảm tổn thất trên hệ thống điện quốc gia cũng như đảm bảo tính kinh tế của các dự án, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho từng vùng và cả nước.

Như vậy, với triển vọng phát triển kinh tế trung dài hạn, nhu cầu điện của cả nước hiện nay là rất lớn, Nhà nước đã và đang đẩy mạnh đa dạng hóa các hình thức đầu tư phát triển nguồn điện nhằm tăng cường cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Lạm phát

Từ mức lạm phát hai con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát giảm xuống mức 6,8% (năm 2012) và còn 3,53% (năm 2017). Lạm phát thấp là cơ sở để NHNN giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng, đáp ứng nhu cầu trong hầu hết mọi lĩnh vực và kích thích tiêu dùng. Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng nhanh trở lại.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong năm 2018, Chính phủ tiếp tục đặt mục tiêu chỉ số lạm phát (CPI) bình quân 4% nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Theo đánh giá của Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia lạm

phát năm 2018 sẽ chịu nhiều áp lực hơn năm 2017, xuất phát chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công và giá thực phẩm. Theo dự báo của World Bank, lạm phát trung bình cả năm 2018 của Việt Nam có thể vào khoảng 4% và trong 2 năm tiếp theo vẫn giữ nguyên tốc độ này.

Lãi suất

Trong vòng 02 năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện một loạt động thái điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành và lãi suất tiền gửi tối đa bám sát các chỉ tiêu định hướng của Chính phủ. Với chính sách ổn định lãi suất và duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp trong suốt năm 2017 đã tiếp tục hỗ trợ sản xuất – kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát được lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hầu hết các tổ chức tín dụng đánh giá mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2018, trong đó, một số ít tổ chức tín dụng dự báo mặt bằng lãi suất có thể tăng nhưng là mức tăng rất nhẹ (bình quân khoảng 0,2%) trong năm tới. Với mặt bằng lãi suất như hiện tại là điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp cận với nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý để giải ngân cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai một cách hiệu quả.

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp. Hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, với đặc điểm chi phí đầu tư ban đầu lớn, Công ty hiện đang phải sử dụng vốn vay từ các ngân hàng thương mại để tài trợ cho các dự án nhà máy thủy điện. Do vậy những biến động trong lãi suất sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của Công ty.

Các nhà máy thủy điện của Công ty hiện đã hoàn tất quá trình đầu tư và đưa vào vận hành thương mại, đem về nguồn doanh thu ổn định đảm bảo bù đắp hiệu quả cho các khoản chi phí, bao gồm chi phí lãi vay hàng năm của Công ty. Trong trường hợp lãi suất trên thị trường gia tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, Công ty sẽ ưu tiên sử dụng nguồn thu từ phát điện để giảm dư nợ vay tín dụng qua đó kiểm soát chi phí lãi vay ở mức an toàn.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Với vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và an ninh năng lượng, ngành Điện Việt Nam chịu sự quản lý mạnh mẽ của Nhà nước. Luật điện lực số 28/2004/QH 11 và Luật sửa đổi Luật điện lực số 24/2012/QH13 hiện là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực điện lực. Cùng với hệ thống văn bản hướng dẫn, các chiến lược phát triển ngành đã được Chính phủ phê duyệt, ngành Điện Việt Nam đã và đang có một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và đồng bộ. Cùng với sự điều chỉnh của Luật điện lực, Công ty còn là đối tượng điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường Chứng khoán

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Chính vì vậy để hạn chế rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cập nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

hệ thống phát luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo những thay đổi để kịp thời tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho đội ngũ quản lý cũng như cán bộ của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải điện nên sẽ chịu một số các yếu tố rủi ro đặc thù của ngành như (i) rủi ro thanh khoản (ii) rủi ro phát triển năng lượng mới, (iii) rủi ro kỹ thuật vận hành, an toàn lao động, (iv) rủi ro thời tiết, (v) rủi ro về vấn đề độc quyền.

3.1. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi doanh nghiệp mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn. Rủi ro này xuất phát từ nhu cầu vốn ban đầu lớn và thời gian đầu tư xây dựng kéo dài khi thực hiện các dự án nhà máy thủy điện.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh hiện có 04 nhà máy đã vận hành phát điện bao gồm Nhà máy Thủy điện Đắk Ne; Nhà máy Thủy điện Tà Vi; nhà máy Thủy điện Đắk Pia (trực thuộc công ty con- Công ty TNHH Trung Việt) và nhà máy Thủy điện Đắk Bla 1 (trực thuộc công ty con – Công ty TNHH Trung Việt). Các nhà máy điện này hiện đã đưa vào phát điện thương mại, đem lại nguồn thu ổn định, đáp ứng được kế hoạch thanh toán nợ của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành việc tìm kiếm thêm các nguồn vay nợ khác có lãi suất thấp hơn nhằm đa dạng hóa các nguồn vốn tài trợ cho phát triển. Do vậy rủi ro thanh khoản của Công ty là không đáng kể.

3.2. Rủi ro phát triển năng lượng mới

Hiện nay nước ta có 2 nguồn sản xuất điện năng chủ yếu là thủy điện và nhiệt điện. Thời gian gần đây một số dự án sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng hạt nhân được ứng dụng nhiều hơn, tạo thêm nguồn cung cấp điện năng. Tuy nhiên những nguồn năng lượng mới này hoặc thiếu sự quy hoạch, lộ trình phát triển rõ ràng hoặc khả năng trình độ công nghệ của Việt Nam chưa đủ để phát triển nên khả năng thay thế thủy điện và nhiệt điện là chưa cao.

Với nhu cầu tiêu thụ điện năng toàn quốc ngày càng tăng, Quy hoạch điện VII điều chỉnh cũng đã xác định ưu tiên phát triển ngành thủy điện nhằm đưa Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện vừa và nhỏ, thủy điện tích năng) từ gần 17.000 MW hiện nay lên khoảng 27.800 MW vào năm 2030, đồng thời ưu tiên phát triển các nguồn điện vừa và nhỏ tại các vùng, miền trong cả nước nhằm đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện tại chỗ và giảm tổn thất trên hệ thống điện quốc gia cũng như đảm bảo tính kinh tế của các dự án, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho từng vùng và cả nước.

Với việc vận hành và hướng tới đầu tư các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, các dự án thủy điện của Công ty hiện vẫn đang được là đối tượng khuyến khích đầu tư, do vậy rủi ro về các sản phẩm thay thế là chưa đáng kể.

3.3. Rủi ro về vận hành, an toàn lao động

Thông thường rủi ro vận hành đối với các nhà máy thủy điện hoạt động lâu năm là điều không thể tránh khỏi và rất tốn kém chi phí để sửa chữa. Tuy nhiên, các nhà máy thủy điện đang vận hành của Công ty đều là nhà máy mới đầu tư (như nhà máy Thủy điện Đắk Bla 1) hoặc đã được đầu tư sửa chữa lớn, đồng thời các tổ máy đạt các thông số kỹ thuật theo yêu cầu thiết kế,

đảm bảo an toàn khi vận hành do vậy sẽ ít có rủi ro về vận hành máy móc thiết bị trong sản xuất. Ngoài ra, Các nhà máy thủy điện đều phải tuân thủ theo quy trình vận hành hồ chứa do Bộ Công Thương ban hành cho từng nhà máy. Những quy trình này được ban hành trên cơ sở đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình thủy điện, chủ động để phòng mọi bất trắc với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm và giới hạn mực nước hồ chứa ở mức an toàn tùy thuộc vào thiết kế công trình thủy điện cũng như địa lý của từng khu vực. Nhờ vậy Công ty hạn chế tối đa được rủi ro việc xả lũ làm ảnh hưởng đến người dân.

Ngoài ra, Công ty cũng đầu tư đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát an toàn lao động, tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cũng như các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc, thực hiện lập đầy đủ các phương án, biện pháp, kỹ thuật an toàn trước và trong khi sản xuất. Đồng thời tổ chức cán bộ giám sát kỹ thuật an toàn đầy đủ và thực hiện tốt mạng lưới an toàn có hệ thống đảm bảo hạn chế đến mức tối thiểu sự cố hoặc tai nạn lao động xảy ra.

3.4. Rủi ro về thời tiết

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của Nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước cung cấp. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế ảnh hưởng lớn đến sản lượng điện sản xuất của Nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như: lũ quét và mưa lớn có thể gây ảnh hưởng thiệt hại về đường xá và các công trình bê tông của nhà máy gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Khi mới đi vào sản xuất, Công ty phải chịu các khoản định phí cao trong một thời gian dài như chi phí khấu hao và chi phí lãi vay. Trong khi sản lượng của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ điều kiện khí hậu, lượng mưa trong năm. Điều này tạo rủi ro lớn cho Công ty trong việc duy trì các khoản lợi nhuận theo kế hoạch đã đề ra.

Để hạn chế những rủi ro về thời tiết, Công ty luôn đề cao việc cập nhật, theo dõi thông tin thời tiết, chủ động điều chỉnh kế hoạch vận hành nhà máy cũng như lên phương án phòng tránh nhằm hạn chế tối đa những thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi. Bên cạnh đó Công ty cũng chủ động tham gia bảo hiểm tài sản nhằm giảm thiểu thiệt hại kinh tế. Đồng thời các nhà máy thủy điện của Công ty đều có hồ chứa đảm bảo tích nước đủ công suất phát điện giờ cao điểm mùa khô do đó hiệu quả phát điện của các nhà máy luôn được đảm bảo trong điều kiện thời tiết mùa khô. Với đặc thù là các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, giá bán điện của Công ty áp dụng theo biểu phitránh được do Bộ Công Thương ban hành hàng năm, trong đó giá bán điện giờ cao điểm mùa khô được cộng thêm giá công suất, do vậy giá bán điện giờ cao điểm mùa khô thường cao hơn gấp 4 lần so với giờ bình thường, tận dụng được lợi thế này nên doanh thu của Công ty luôn đảm bảo kế hoạch đề ra trong mùa khô.

3.5. Rủi ro về vấn đề độc quyền

Cũng giống như các Công ty kinh doanh điện khác trong ngành, Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh cũng chịu sự ràng buộc của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN). Trong ngành điện Việt Nam hầu như EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn, do đó có rất nhiều những bất cập trong việc phát triển nguồn cung điện như:

- Chưa có cơ chế giá bán điện cho từng loại nhà máy dẫn đến việc đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài EVN có khó khăn, qua nhiều khâu và thường kéo dài;
- Giá bán điện chịu phụ thuộc vào quyết định của EVN, do đó xuất hiện nguy cơ giá EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư và lãi vay;
- Việc độc quyền của EVN gây cản trở đáng kể việc thu hút nguồn đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, do đó, gây cản trở rất lớn cho việc phát triển ngành điện, vốn là ngành có chi phí đầu tư rất lớn.
- Ngoài ra, việc Công ty được Trung tâm điều độ A0 xếp lịch phát điện vào giờ cao điểm hay giờ thường, quyết định giá bán điện cao hay thấp, ảnh hưởng đến doanh thu của các công ty thủy điện.

Hiện nay Việt Nam đang nỗ lực xây dựng thị trường phát điện cạnh tranh, qua đó tạo thị trường cạnh tranh lành mạnh, thu hút sự hơn nữa sự đầu tư của các thành phần kinh tế trong xã hội tham gia phát triển ngành điện lực.

TTE hiện đang quản lý, vận hành và khai thác 04 nhà máy thủy điện. Các nhà máy thủy điện của Công ty đều có công suất phát điện dưới 30MW, được gọi là thủy điện nhỏ (TĐN). Khác với những nhà máy thủy điện khác, TĐN là đối tượng được nhà nước khuyến khích và hỗ trợ phát triển theo chiến lược phát triển điện lực quốc gia. Theo quy định tại Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09/10/2014 của Bộ Công Thương quy định về trình tự xây dựng, áp dụng biểu giá chi phí tránh được và ban hành hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ (gọi tắt là Thông tư 32), các nhà máy TĐN sẽ được EVN mua lại toàn bộ điện phát ra với giá mua được quy định trong Biểu giá chi phí tránh được do Bộ Công thương ban hành hàng năm. Chính vì vậy TTE hiện ít bị tác động của rủi ro về vấn đề độc quyền.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của Công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra có thể làm chậm tiến độ kinh doanh hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn) đến Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Ông Trần Quang Chung Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Khoa Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Hữu Điền Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Hoàng Minh Sang Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Ông Hồ Anh Dũng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh cung cấp.

III. DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- **UBCK** : Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- **HSX** : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- **VSD** : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- **Tổ chức niêm yết** : Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
- **Công ty** : Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
- **TTE** : Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
- **ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông
- **HDQT** : Hội đồng quản trị
- **BTGD** : Ban Tổng Giám đốc
- **TGD** : Tổng Giám đốc
- **BKS** : Ban Kiểm soát
- **CBCNV** : Cán bộ công nhân viên
- **Điều lệ Công ty** : Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
- **CP** : Cổ phần
- **BCTC** : Báo cáo tài chính
- **DT** : Doanh thu
- **CTCP** : Công ty Cổ phần
- **Thuế TNDN** : Thuế thu nhập doanh nghiệp
- **Thuế TNCN** : Thuế thu nhập cá nhân
- **Thuế GTGT** : Thuế giá trị gia tăng
- **ĐVT** : Đơn vị tính
- **VND** : Việt Nam Đồng
- **Giấy CNĐKDN** : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- **MW** : Công suất phát điện, trong đó 1MW = 1 triệu W
- **Kwh** : Công suất tiêu thụ điện trong 1 giờ
- **Nlm** : Công suất thiết kế
- **Quy hoạch điện VII điều chỉnh**: Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có tính đến năm 2030 điều chỉnh, được Thủ tướng chính phủ ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-Ttg ban hành ngày 18/3/2016.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1 Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết**

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
Tên nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: TTE..JSC
Trụ sở chính: Tòa nhà lô T2, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Điện thoại: (84-60) 3868119 Fax: (84-60) 3868901
Văn phòng đại diện: Tầng 4 tòa nhà Rico 363 Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Website: www.dientruongthinh.com.vn hoặc www.dientruongthinh.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6101177237 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21/05/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/08/2017.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5: 284.904.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tư tỷ chín trăm lẻ tư triệu đồng)

Vốn thực góp: 284.904.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tư tỷ chín trăm lẻ tư triệu đồng)

Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21/05/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/08/2017:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Khi đủ điều kiện, phù hợp quy hoạch và được cấp phép);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Sản phẩm dịch vụ chính: điện

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (TTE) tiền thân là Nhà máy Thủy điện Đăk Ne và được tách ra từ Công ty cổ phần Tấn Phát. TTE được đăng ký lần đầu ngày 21/05/2014 với tên gọi là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne và vốn điều lệ 25.384.000.000 đồng.

Tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 25.384.000.000 đồng lên 83.384.000.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Tháng 5 năm 2016, ông Hồ Ngọc Sung đã không còn là Cổ đông sáng lập Công ty và thay thế là ông Nguyễn Văn Quân. Công ty đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp lần 2 do thay đổi cổ đông sáng lập vào ngày 16/5/2016.

Tháng 6 năm 2016, Công ty đã thực hiện thành công tăng vốn lần thứ 2 nâng mức vốn điều lệ lên 253.904.000.000 đồng, theo hình thức hoán đổi cổ phần lấy phần vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt, nắm giữ 98% Vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt qua đó tham gia đầu tư, vận hành và kinh doanh các nhà máy điện Đăk Pia, thủy điện Đăk Bla 1.

Đến tháng 8 năm 2016, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu và chào bán cho các cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ của Công ty là 284.904.000.000 đồng. Công ty đã sử dụng nguồn tiền từ việc tăng vốn này để mua lại nhà máy Tà Vi vào tháng 12/2016 và chính thức đưa nhà máy vào hoạt động từ tháng 1/2017.

Tháng 8/2017, Công ty hoàn tất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne thành Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đang trực tiếp vận hành 04 nhà máy thủy điện với tổng công suất phát điện là 28,3 MW/h, tổng sản lượng điện bình quân hàng năm phát ra khoảng 176,6 triệu kwh, cụ thể như sau: Nhà máy thủy điện Đăk Ne (8,1 MW/h); nhà máy Thủy điện Tà Vi (3,0 MW/h; nhà máy thủy điện Đăk Pia (2,2 MW/h) và nhà máy thủy điện Đăk Bla1 (15 MW/h).



Nhà máy thủy điện Đăk Ne nằm trên sông Đăk Ne là một nhánh của sông Đăk Bla, thuộc phần thượng lưu của sông Sê San. Với quy mô công suất thiết kế 8.1 MW/h, nhà máy thủy điện Đăk Ne là công trình thủy hiệu quả cao trong số các công trình thủy điện trên toàn quốc.



Nhà máy thủy điện Đăk Pia được xây dựng trên nhánh suối Đăk Pia, là một nhánh suối nhỏ bắt nguồn từ đỉnh núi cao 1546m. Suối Đăk Pia có độ dốc rất lớn nhiều thác ghềnh nên thuận lợi cho khai thác thủy điện nhỏ. Nhà máy có công suất phát điện là 2,2 MW/h.



Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 là bậc thang thứ 2 thuộc hạ lưu công trình thủy điện Thượng Kon Tum nằm trên dòng sông Đăk Bla nổi tiếng khắp Tây Nguyên với công suất thiết kế 15 MW/h.

Suối Nước Ta Vin là nhánh nhỏ thượng nguồn của sông Tranh có diện tích lưu vực tính đến cửa ra là 53,4km² đến tuyến đập là 37,1km². Nhà máy thủy điện Tà Vi nằm ở thượng nguồn lòng hồ thủy điện Sông Tranh 2 thuộc địa phận xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Với công suất là 3 MW/h

1.3 Quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 03 lần tăng vốn cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung tăng vốn	Trước khi tăng vốn (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn sau phát hành (triệu đồng)	Mục đích phát hành	Cơ quan chấp thuận
5/2014	Thành lập công ty		25.384	25.384	CTCP Thủy Điện ĐăkNe được hình thành do tách nhà máy thủy điện ĐăkNe khỏi CTCP Tấn Phát	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum theo GCNDKKD lần đầu số 6101177237 ngày 21/5/2014
1/2015	Tăng vốn lần một Chào bán riêng lẻ, giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần	25.384	58.000	83.384	Bổ sung vốn lưu động Công ty, sửa chữa nhà máy Đăk Ne	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum theo GCNDKKD thay đổi lần 1 ngày 28/1/2015

Thời gian	Nội dung tăng vốn	Trước khi tăng vốn (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn sau phát hành (triệu đồng)	Mục đích phát hành	Cơ quan chấp thuận
6/2016	Tăng vốn lần 2: Chào bán riêng lẻ để hoán đổi phần vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt	83.384	170.520	253.904	Hoán đổi phần vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt. Công ty TNHH Trung Việt hiện đang sở hữu và điều hành 02 nhà máy thủy điện: Đăk Pía và Đăk Bla 1	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum theo GCNDKKD thay đổi lần 3 ngày 15/6/2016
8/2016	Tăng vốn lần 3: - Chi trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu - Chào bán cho CĐHH với giá 10.000 đồng/cổ phần	253.904	31.000	284.904	Mua nhà máy thủy điện Tà Vi bằng nguồn tiền phát hành thêm và vay ngân hàng	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum theo GCNDKKD thay đổi lần 4 ngày 30/8/2016

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

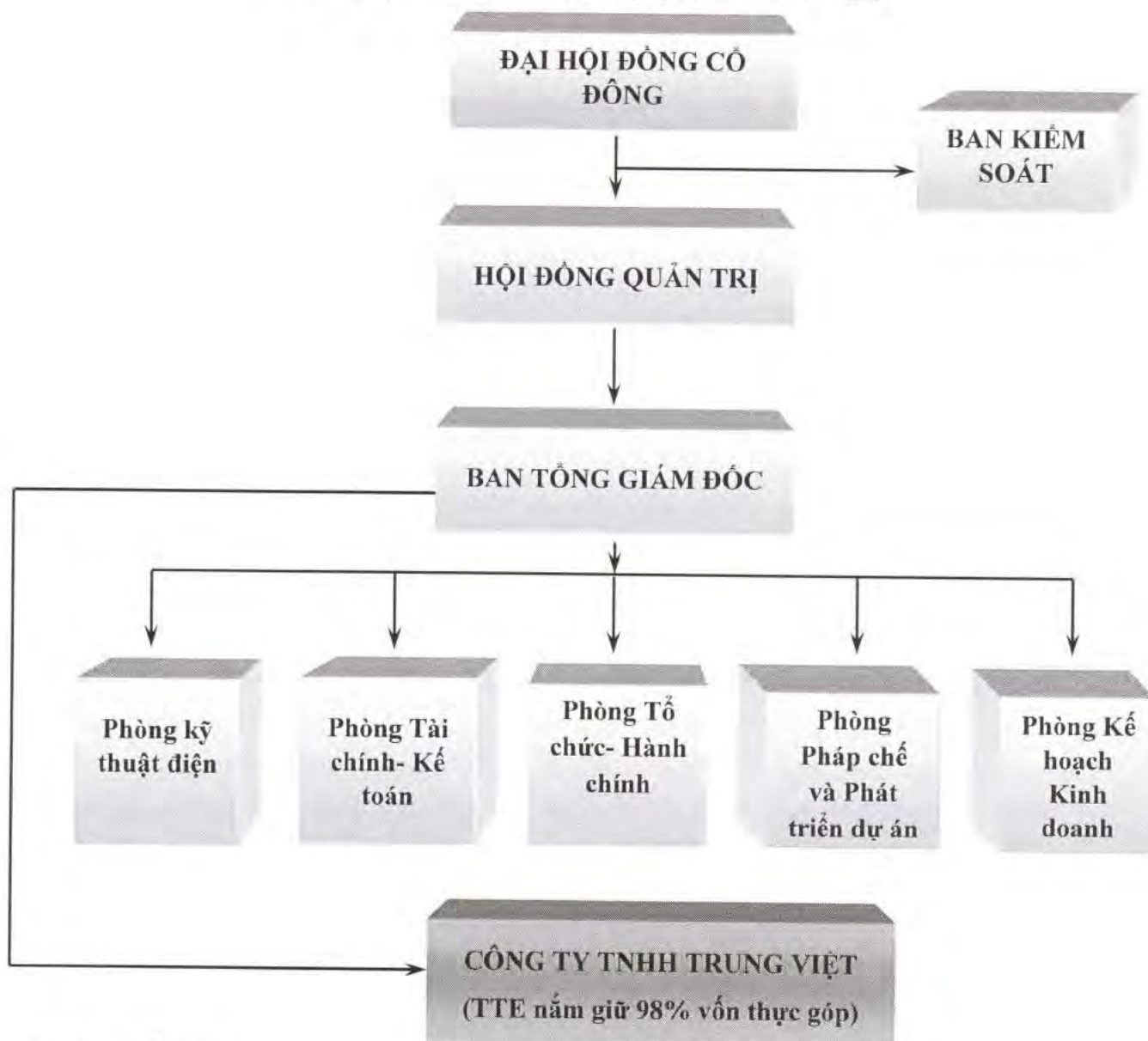
Công ty có 01 Công ty con (Thông tin chi tiết về công ty con xem tại Mục 5/IV trong Bản cáo bạch này).

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, thông qua các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và các Kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Biểu 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



❖ **Ban kiểm soát**

Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý công ty;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

❖ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHCĐ. Hội đồng quản trị gồm 07 người, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty là 05 năm. Vai trò của HĐQT là xác định các chiến lược, kế hoạch và các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHCĐ thông qua. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
- Quyết định kế hoạch và phát triển kinh doanh hàng năm;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị công nghệ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;
- Quyết định phương án đầu tư của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHCĐ;
- Các chức năng khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ.

❖ Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban nghiệp vụ là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

❖ Các phòng ban chức năng

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do phòng ban mình phụ trách, cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

- Lập sổ theo dõi thu nhập cá nhân và tính thu nộp thuế TNCN.
- Tính toán trích nộp đầy đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo luật định;
- Tổ chức thực hiện chi trả cổ tức theo đúng Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, chi trả vốn vay, lãi vay theo quy định.
- Đề xuất phương án nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản của Công ty.
- Thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo đúng quy định của pháp luật. Đề xuất trích lập các quỹ trình HĐQT, TGD Công ty quyết định.
- Thực hiện sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo yêu cầu của HĐQT, TGD Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.
- Tổ chức kiểm kê tài sản theo định kỳ hàng năm; thực hiện đánh giá lại tài sản Công ty theo quy định của Nhà nước và trong trường hợp cần thiết.
- Theo dõi đơn đốc việc thực hiện quyết toán các hợp đồng kinh tế của Công ty và các công nợ. Đề xuất phương án thu hồi và xử lý những khoản nợ tồn đọng.
- Lưu giữ, bảo quản hồ sơ hình thành trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng theo đúng quy định bảo mật.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Giám đốc.

▪ Phòng Kỹ thuật điện

Chức năng: Giúp việc cho Ban Tổng giám đốc và các Ban quản lý dự án về chuyên môn khi triển khai dự án.

Nhiệm vụ:

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc.
- Tham gia vào công tác khảo sát và thiết kế, lập hồ sơ dự án.
- Tham gia thẩm tra, thẩm định và phê duyệt hồ sơ dự án.
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác lựa chọn nhà thầu.
- Phối hợp với các Ban quản lý dự án về các công tác xử lý kỹ thuật tại hiện trường.
- Quản lý, nghiệm thu kỹ thuật các giai đoạn và hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.
- Quản lý công tác kiểm định, bảo hành, bảo trì và sự cố giai đoạn khai thác công trình.

▪ Phòng Kế hoạch – Kinh doanh

Chức năng: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty, chủ trì thực hiện công tác kế hoạch, quản trị chi phí; quản lý giá; hợp đồng kinh tế; quản lý, sử dụng vật tư.

Nhiệm vụ

- Cung cấp vật tư cho các công trình theo nhu cầu.
- Tổng hợp theo dõi việc sử dụng vật tư của từng công trình.
- Kiểm kê định kỳ.
- Phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tham mưu, đề xuất giải pháp cho lãnh đạo Công ty để khắc phục, điều hòa kịp thời, phù hợp với tình hình thị trường thực tế.

- Làm đầu mối với các đối tác trong việc thực hiện tiến độ công việc gia công sản xuất, sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị, thuê dịch vụ ngoài.
- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, theo dõi giám sát công tác cải tạo, nâng cấp mở rộng, sửa chữa định kỳ các tài sản cố định của Công ty.
- Tham gia đầu tư mua sắm thiết bị mới, mua vật tư, phụ tùng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của Công ty.
- Trực tiếp theo dõi, quản lý, sử dụng, vận hành, làm đầu mối với nhà cung cấp dịch vụ: các hệ thống máy móc, thiết bị được phân công: hệ thống cấp điện, thang máy; hệ thống cấp nước... của Công ty.

▪ **Phòng Pháp chế và Phát triển dự án**

Chức năng: Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác đảm bảo về mặt pháp lý cho doanh nghiệp, thường được xếp vào là một bộ phận thuộc khối các phòng, ban có chức năng hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhiệm vụ

- Tư vấn và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến thành lập doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, sáp nhập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp...theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tham mưu cho các Phòng, Ban đối với các Hợp đồng kinh tế do các Phòng, Ban trực tiếp thực hiện.
- Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, chuyển các Phòng, Ban có liên quan.
- Tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ tụng hành chính, dân sự.
- Kiểm tra và xử lý các văn bản của các cơ quan, ban ngành liên quan đến các dự án theo quy định của pháp luật khi được phân công.

Bảng 1: Danh sách các nhà máy phát điện của Công ty

STT	Nhà máy thủy điện	Công suất thiết kế	Sản lượng điện lượng bình quân
1	Công ty mẹ (TTE)		
1.1	Nhà máy thủy điện Đăkne (thuộc địa phận xã Đăk Tô Lung, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum)	N _{lm} = 8.1 MW/h	71,2 triệu kWh/năm
1.2	Nhà máy thủy điện Tà Vi (thuộc địa phận xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam)	N _{lm} = 3 MW/h	12 triệu kwh/năm
2	Công ty con (Công ty TNHH Trung Việt)		
2.1	Nhà máy thủy điện Đăk Pía (thuộc địa phận xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum)	N _{lm} = 2.2 MW/h	11,4 triệu kWh/năm
2.2	Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 (thuộc địa phận xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum)	N _{lm} = 15 MW/h	82 triệu Kwh/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, cổ đông sáng lập và Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/10/2018

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Không có

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh chính thức đăng ký kinh doanh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21/05/2014. Theo quy định hiện hành, cổ đông sáng lập sẽ hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 03 năm, tính từ ngày 21/05/2014.

Tính đến thời điểm hiện nay, Cổ phiếu của Cổ đông sáng lập không còn hạn chế chuyển nhượng, và công ty không còn Cổ đông sáng lập.

3.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông TTE

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	327	28.490.400	284.904.000.000	100
1	Tổ chức	6	2.360.000	23.600.000.000	8,28
2	Cá nhân	321	26.130.400	261.304.000.000	91,72
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	327	28.490.400	284.904.000.000	100

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông Công ty tại ngày 10/10/2018)

4. Danh sách những công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

❖ Công ty mẹ: Không có

❖ Công ty con, những Công ty mà Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

▪ Công ty TNHH Trung Việt

- Trụ sở chính: Lô T2 Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam
- Điện thoại: (84-60)2470 576 Fax: (84-60)3868 901
- Vốn điều lệ đăng ký: 174.000.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 174.000.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư tỷ đồng)
- Giá trị phần vốn góp Công ty nắm giữ: 170.520.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng) tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 98% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Trung Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100221010 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 22/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/06/2016. Với hoạt động kinh doanh chính: sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung Việt những năm gần đây:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	9T/2018
Tổng tài sản	581.923.972.118	674.102.494.614	658.393.999.944
Vốn chủ sở hữu	174.057.006.599	181.593.997.044	188.498.241.552
Doanh thu thuần	16.707.560.068	41.782.275.512	45.700.496.039
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	597.276.891	10.297.991.757	7.719.891.747
Lợi nhuận khác	-623.196.338	-853.760.997	-41.048.967
Lợi nhuận trước thuế	-25.919.447	9.444.230.760	7.678.842.780
Lợi nhuận sau thuế	-145.374.825	7.536.990.445	7.281.094.030

Nguồn: BCTC Công ty TNHH Trung Việt đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC Q3/2018

❖ Công ty năm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, phân phối và truyền tải điện thông qua bốn (04) nhà máy thủy điện: nhà máy thủy điện Đăk ne (trực thuộc Công ty mẹ), nhà máy thủy điện Tà vi (trực thuộc công ty mẹ), nhà máy thủy điện Đăk Pia (trực thuộc Công ty con), nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 (trực thuộc công ty con).

Bên cạnh đó, Công ty TNHH Trung Việt (công ty con) còn có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh khác là thương mại vật tư xây dựng, thi công xây lắp. Đây là hoạt động mang tính chất ổn định lâu dài của Công ty trong việc tìm kiếm các nguồn thu từ việc thi công và làm Chủ đầu tư các dự án, với đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu nhiều kinh nghiệm thi công các dự án thủy điện vừa và nhỏ ở khu vực Miền Trung Tây nguyên thì trong những năm tiếp theo Công ty sẽ mở rộng việc tìm kiếm thị trường để có thể làm nhà thầu thi công các dự án vừa và nhỏ trong khu vực.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Các nhà máy thủy điện của Công ty hiện nay đều có công suất dưới 30MW nên được xem là các thủy điện nhỏ (TĐN). Trong Quy hoạch phát triển điện VII điều chỉnh, các nhà máy TĐN tại các địa phương là đối tượng được khuyến khích phát triển nhằm khai thác tiềm năng thủy điện nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng tại địa phương và giảm hao hụt trong truyền tải điện. Theo quy định tại Thông tư 32/2014/TT-BCT ngày 9/10/2014, các nhà máy TĐN được EVN mua lại toàn bộ sản lượng điện với giá bán được xác định tại Biểu giá chi phí tránh được, được Bộ Công thương ban hành hàng năm.

Cũng theo quy định tại Thông tư 32, biểu giá chi phí tránh được sẽ chưa bao gồm phần thuế tài nguyên nước, tiền dịch vụ môi trường rừng và bên mua điện có trách nhiệm thanh toán cho các nhà máy TĐN. Thời gian mua điện cũng linh hoạt hơn theo các giờ cao điểm, thấp điểm, bình thường trong mùa khô và mùa mưa. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) – bên mua sẽ chịu trách nhiệm mua hết sản lượng điện của các nhà máy thủy điện nhỏ với thời gian hợp đồng là 20 năm và gia hạn theo thỏa thuận.

Theo Quyết định số 341/QĐ-BCT ngày 24/01/2018 của Bộ Công thương, Biểu giá chi phí tránh được năm 2018 như sau:

Giá điện năng (đ/Kwh)	Mùa khô				Mùa mưa		
	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Phần điện năng dư (**)
Miền Bắc	617	618	624	617	625	632	316
Miền Trung	615	617	622	615	622	630	315
Miền Nam	641	643	648	640	648	656	328
Giá công suất cho cả ba miền (đ/Kwh) (*)	2.306						

(*) Giá công suất cho cả ba miền được cộng vào giá bán điện trong giờ cao điểm mùa khô, các giờ khác không được cộng vào. Do vậy, giá bán điện giờ cao điểm mùa khô thường cao hơn gấp 4 lần so với giờ bình thường, tận dụng được lợi thế này nên doanh thu của Công ty luôn đảm bảo kế hoạch đề ra trong mùa khô.

Theo Điều 4 Thông tư 32/2014/TT-BCT ngày 09/10/2014 quy định về trình tự xây dựng, áp dụng biểu giá chi phí tránh được và ban hành hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ, thì Trình tự xây dựng, phê duyệt và công bố Biểu giá chi phí tránh được như sau:

- Biểu giá chi phí tránh được được xây dựng và công bố hàng năm
- Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bên mua, Bên bán và các nhà máy điện khác để cập nhật cơ sở dữ liệu, thực hiện tính toán, lập Biểu giá chi phí tránh được cho năm kế tiếp theo phương pháp quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (Thông tư 32/2014/TT-BCT), trình Cục Điều tiết điện lực.
- Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm:

- Thẩm định các thông số đầu vào, kết quả tính toán Biểu giá chi phí tránh được hàng năm do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện lập. Trường hợp cần thiết, có thể mời các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thẩm định;
- Nghiên cứu, đề xuất và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định Biểu giá chi phí tránh được ở mức hợp lý nhằm khuyến khích sản xuất điện từ Năng lượng tái tạo, đồng thời đảm bảo Biểu giá chi phí tránh được phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn;

(**) Điện năng dư là toàn bộ lượng điện năng sản xuất trong mùa mưa vượt quá lượng điện năng với hệ số phụ tải trong mùa mưa là 0,85. Hệ số phụ tải là tỷ số giữa lượng điện năng sản xuất thực tế với lượng điện năng có thể sản xuất ở chế độ vận hành 100% công suất định mức trong một khoảng thời gian nhất định (năm, mùa, tháng, ngày)

Tình hình hoạt động của bốn (04) nhà máy thủy điện được trình bày bên dưới.

Nhà máy Thủy điện Đắk Ne (trực thuộc Công ty mẹ)

Nhà máy thủy điện Đắk Ne nằm trên sông Đắk Ne là một nhánh của sông Đắk Bla, thuộc phần thượng lưu của sông Sê San. Sông chảy theo hướng Bắc Nam, hợp lưu với sông Đắk Ne (chảy theo hướng Bắc Đông Bắc) và sông Đắk Akôi (chảy theo hướng Bắc Tây Bắc) ở phía hạ lưu, tạo thành dòng chính sông Đắk Bla.

Được khởi công từ cuối năm 2007 với tổng vốn đầu tư trên 320 tỷ đồng, Nhà máy Thủy điện Đắk Ne tọa lạc tại Đắk tơ lung, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đang góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lao động là đồng bào người dân tộc tại địa phương. Đặc biệt, Đắkne là nhà máy thủy điện đầu tiên của Tây Nguyên đăng ký triển khai thành công dự án CDM (Là các dự án triển khai theo cơ chế phát triển sạch, được liên hợp quốc phê duyệt trong khuôn khổ của nghị định thư Kyoto chống biến đổi khí hậu. Thông qua dự án CDM, Thủy điện Đắk Ne nhận chứng chỉ giảm phát thải hiệu ứng nhà kính).

Tổng mức đầu tư:	320 tỷ đồng
Công suất thiết kế:	N _{lm} = 8.1 MW/h
Sản lượng điện lượng BQ:	71.178 triệu kWh/năm
Năm bắt đầu vận hành thương mại:	Tháng 10 năm 2010
Doanh thu phát điện năm 2017:	73.282.971.847 đồng (bao gồm VAT)

Nhà máy thủy điện Đắk Ne có hồ chứa nước. Dung tích hồ chứa:

- + Dung tích ứng với MNDBT (V_{tp}): 0,280 x10⁶ m³
- + Dung tích chết (V_c): 0,160 x10⁶ m³.
- Dung tích hữu ích (V_{hi}): 0,120 x10⁶ m³

Bên trong nhà máy thủy điện Đắk Ne

Được đưa vào vận hành từ tháng 10 năm 2010 Nhà máy thủy điện Đắk Ne có hiệu quả về kinh tế rõ rệt, do nguồn nước, lưu vực chịu ảnh hưởng của hai miền khí hậu Đồng bằng và Tây Nguyên. Giá bán điện giờ cao điểm mùa khô rất cao so với mùa mưa (theo quy định tại Thông tư 32/2014/TT-BCT ngày 9/10/2014 thì mùa khô được tính từ đầu tháng 11 đến hết tháng 6 năm sau), trong khi đó mùa mưa Tây nguyên từ tháng 4 đến tháng 11, do đó trong thời gian tháng 4,5,6 và tháng 11 hàng năm, nguồn nước phát điện thực tế từ giờ cao điểm mùa mưa sẽ được tính theo giá bán điện giờ cao điểm mùa khô, nên sản lượng điện trong các tháng này cao và doanh thu bán điện tăng gần hai đến ba lần so với các Nhà máy thủy điện cùng công suất hoặc so với một đơn vị MW.

Thủy điện Tà Vi (trực thuộc Công ty mẹ)

Suối Nước Ta Vin là nhánh nhỏ thượng nguồn của sông Tranh có diện tích lưu vực tính đến cửa ra là 53,4km² đến tuyến đập là 37,1km². Dự án thủy điện Tà Vi nằm ở thượng nguồn lòng hồ thủy điện Sông Tranh 2 thuộc địa phận xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Vị trí Nhà máy thủy điện Tà Vi nằm ngay trên trục đường Quốc lộ 40B nối liền từ thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đến thị trấn Đắk Tô tỉnh Kon Tum, (cách Tam kỳ 70km và cách Đắk Tô 130km)

Việc xây dựng công trình Thủy điện Tà Vi nhằm khai thác tối đa cột nước và lượng nước trên suối Nước Ta Vin để phát điện, góp phần bổ sung thêm nguồn điện cho lưới điện khu vực, đặc biệt là tỉnh Quảng Nam, chủ động được nguồn điện cho lưới điện khu vực khi có sự cố lưới điện Quốc gia.

Nhà máy thủy điện Tà Vi được đầu tư xây dựng từ tháng 6 năm 2009 và sửa chữa lớn từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2016. Cuối năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đã đàm phán và mua lại, một số thông số kỹ thuật của nhà máy như sau:

Công suất thiết kế:	N _{lm} = 3 MW/h
Sản lượng điện lượng BQ:	11.985.654 kwh/năm
Năm bắt đầu vận hành thương mại:	Tháng 11 năm 2011
Doanh thu phát điện năm 2017:	14.626.098.271 đồng (bao gồm VAT)

Nhà máy thủy điện Tà Vi có hồ chứa nước. Dung tích hồ chứa:

- + Dung tích toàn bộ hồ chứa: $116,6 \times 10^3 \text{ m}^3$
- + Dung tích hữu ích (Vhi) : $75,5 \times 10^3 \text{ m}^3$

Hình ảnh nhà máy thủy điện Tà Vi



Nhà máy thủy điện ĐăkPia (trực thuộc Công ty TNHH Trung Việt)

Nhà máy thủy điện ĐăkPia do Công ty TNHH Trung Việt làm chủ đầu tư được khởi công xây dựng từ năm 2010 và hoàn thành đưa vào vận hành kinh doanh từ tháng 10 năm 2012 với tổng mức đầu tư của dự án đã được kiểm toán là 79.808.741.814 đồng.

Nhà máy thủy điện Đăk Pia được xây dựng trên nhánh suối Đăk Pia, thuộc địa phận xã Đăk Kôi - huyện Kon Rẫy - tỉnh Kon Tum, cách đường QL24 đi theo theo tuyến đường liên xã khoảng 25km. Suối Đăk Pia là một nhánh suối nhỏ bắt nguồn từ đỉnh núi cao 1546m, chảy theo hướng Tây Tây Nam, đổ về sông Đăk A Kôi. Suối Đăk Pia có độ dốc rất lớn nhiều thác ghềnh nên thuận lợi cho khai thác thủy điện nhỏ. Địa hình khu vực công trình khá thuận lợi, diện tích chủ yếu là đồi núi cao, địa hình rất dốc. Đoạn sông Đăk Pia từ vùng tuyến công trình đầu mối đến nhà máy dài khoảng 3.2 km, cao độ lòng sông chênh lệch đến từ 700-1075m, với độ dốc lòng sông 10,1%.

Việc xây dựng công trình thủy điện Đăk Pia nhằm khai thác tối đa cột nước và lượng nước trên suối Đăk Pia để phát điện, để đáp ứng cho nhu cầu phụ tải khu vực đặc biệt là tỉnh Kon Tum, chủ động được nguồn điện cho huyện Kon Rẫy.

Tổng mức đầu tư:	80 tỷ đồng
Công suất thiết kế:	N _{lm} = 2.2 MW/h
Sản lượng điện lượng BQ:	11.431.216 kWh/năm
Năm bắt đầu vận hành thương mại:	Tháng 10 năm 2012
Doanh thu phát điện năm 2017:	15.766.339.898 đồng (bao gồm VAT)
Nhà máy thủy điện Đăk Pia có hồ chứa nước. Dung tích hồ chứa:	
+ Dung tích ứng với MNDBT (V _{tp}):	0,0293 x 10 ⁶ m ³
+ Dung tích chết (V _c):	0,0120 x 10 ⁶ m ³
Dung tích hữu ích (V _{hi}):	0,0158 x 10 ⁶ m ³

Nhà máy thủy điện Đăkpia



Bên trong nhà máy thủy điện Đăk Pia



Thủy điện Đăk Bla 1 – Nguồn sáng mới (trực thuộc Công ty TNHH Trung Việt)



Thủy điện Đăk Bla 1 là bậc thang thứ 2 thuộc hạ lưu công trình thủy điện Thượng Kon Tum nằm trên dòng sông Đăk Bla nổi tiếng khắp Tây Nguyên vì dòng nước nơi đây chảy ngược lên hướng Tây và gắn liền với nhiều huyền thoại của đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây.

Với tổng công suất lắp đặt máy đạt 15MW/h và điện lượng sản xuất bình quân nhiều năm là 82,001 triệu Kwh, nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 là công

trình đứng thứ nhất thuộc huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Một số thông số cụ thể của dự án như sau:

Công suất lắp đặt máy:	N _{lm} = 15 MW/h
Điện lượng sản xuất bình quân:	82,001 triệu Kwh/năm
Số tổ máy:	02 - Loại turbine _ Kaplan trực đứng

Tổng thời gian xây dựng: 02 năm
 Năm bắt đầu vận hành thương mại: Tháng 4 năm 2018
 Diện tích sử dụng đất: 145,83ha
 Tổng mức đầu tư: 640,38 tỷ đồng
 Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 có hồ chứa nước. Dung tích hồ chứa:
 + Dung tích ứng với MNDBT (Vtp) : $4,6 \times 10^6 \text{ m}^3$
 + Dung tích chết (Vc) : $3.832 \times 10^6 \text{ m}^3$

Dung tích hữu ích (Vhi) : $0,768 \times 10^6 \text{ m}^3$

Thủy điện Đăk Bla 1 đáp ứng một phần nhu cầu điện năng trong khu vực, giảm bớt tình hình thiếu hụt điện năng của hệ thống điện, đặc biệt là vào giờ cao điểm và trọng điểm.

5.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần

Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu thuần của sản phẩm, giá trị dịch vụ Công ty mẹ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Nhà máy thủy điện	Năm 2016			Năm 2017			9T/2018		
	S. lượng (Kwh)	Doanh thu thuần (1.000 đ)	Tỷ trọng/ DTT	Sản lượng (Kwh)	Doanh thu thuần (1.000đ)	Tỷ trọng/ DTT	Sản lượng (Kwh)	Doanh thu thuần (1.000đ)	Tỷ trọng/ DTT
Đăk Ne	67.799.363	59.549.454	100%	67.228.038	66.620.883	83,4%	48.141.044	50.174.041	90,89%
Tà Vi	-	-	0%	11.176.483	13.296.453	16,6%	3.501.603	5.028.545	9,11%
Cộng	67.799.363	59.549.454	100%	78.404.521	79.917.336	100%	51.642.647	55.202.586	100%

(Nguồn: TTE, báo cáo tài chính kiểm toán 2016, 2017 và Quý 3/2018 Công ty mẹ)

Nhìn chung, Doanh thu thuần của Công ty mẹ với sự đóng góp từ Đăk Ne và Tà Vi có sự tăng trưởng qua trong giai đoạn 2016 - 2017. Năm 2017 ghi nhận tốc độ tăng trưởng 34,2% so với năm 2016, tương đương 20,4 tỷ đồng so với năm 2016. Nguyên nhân chính là do:

- Từ năm 2017 Công ty mẹ đưa nhà máy thủy điện Tà Vi vào hoạt động, đóng góp 13,3 tỷ đồng trong tổng doanh thu thuần công ty mẹ năm 2017. Tuy nhiên, mức đóng góp này chỉ chiếm khoảng 16,6% trên tổng doanh thu thuần, do Nhà máy thủy điện Tà Vi có công suất thấp (3MW/h), vì vậy sản lượng điện sản xuất ra thấp hơn so với nhà máy thủy điện Đăk Ne (công suất 8,1MW/h)
- Doanh thu thuần năm 2017 của nhà máy thủy điện Đăkne có ghi nhận khoản thuế phí dịch vụ môi trường khoảng 7 tỷ đồng. Cơ sở ghi nhận khoản này vào Doanh thu thuần năm 2017 là theo Công văn số: 2189/TCT-DNL ngày 4/6/2015 của Tổng cục thuế gửi Tập đoàn điện lực Việt Nam và Cục thuế Kon Tum về chính sách thuế GTGT đối với sản phẩm điện, trong đó

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

nêu rõ thuế phí dịch vụ môi trường được cấu thành trong giá điện. Do vậy Công ty đã hạch toán khoản này trong Doanh thu thuần.

- Ngoài ra, giá bán điện bình quân năm 2017 tăng 22% so với năm 2016 do sản lượng điện giờ cao điểm mùa khô năm 2017 cao hơn sản lượng điện giờ cao điểm mùa khô năm 2016. Sản lượng điện giờ cao điểm mùa khô những năm gần đây cao hơn năm trước là do những năm gần đây lượng mưa ngày càng nhiều nên hồ chứa nước tích đủ nước cho mùa khô để sản xuất điện trong giờ cao điểm mùa khô. Thêm vào đó, trong mùa khô các nhà máy tập trung phát điện vào giờ cao điểm để tăng doanh thu vì giá phát điện giờ cao điểm mùa khô cao hơn rất nhiều so với những giờ khác (do giá bán điện giờ cao điểm mùa khô được cộng thêm giá công suất). Mùa mưa ở Tây Nguyên từ tháng 4 đến hết tháng 11 trong khi đó Mùa khô theo quy định trong biểu phí chỉ phí tránh được do Bộ Công thương ban hành là từ tháng 11 đến hết tháng 6 năm sau, nên theo chu kỳ 8 tháng mùa khô để tính giá điện thì Công ty thực tế chỉ có 4 tháng là mùa khô thực tế (tháng 12, tháng 1, tháng 2 và tháng 3), còn lại là mùa mưa.

Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2018, doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 71,2% kế hoạch năm 2018, nguyên nhân chủ yếu là do sụt giảm trong doanh thu thuần của nhà máy điện Tà Vi. Theo đó, sản lượng và doanh thu bán điện của nhà máy Tà Vi 9 tháng 2018 chỉ đạt 25,1% và 32,4% kế hoạch năm 2018 do ảnh hưởng tiêu cực của cơn bão vào cuối năm 2017, Nhà máy thủy điện Tà Vi phải tạm ngừng hoạt động để sửa chữa nhỏ lẻ kéo dài nhiều ngày nhằm khắc phục hậu quả đợt bão lũ cuối năm 2017 và công tác sửa chữa ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy, tới thời điểm tháng 8/2018 nhà máy Tà Vi đã hoạt động ổn định trở lại, tổng chi phí sửa chữa khoảng 300 triệu đồng. Sản lượng và doanh thu bán điện nhà máy thủy điện Đắk Ne lần lượt đạt 70,4% và 80,9% kế hoạch năm 2018.

Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu thuần hợp nhất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Nhà máy	Năm 2016			Năm 2017			9T/2018		
	S. lượng (Kwh)	Doanh thu thuần	Tỷ trọng/DTT	Sản lượng (Kwh)	Doanh thu thuần	Tỷ trọng/DTT	Sản lượng (Kwh)	Doanh thu thuần	Tỷ trọng/DTT
Doanh thu bán điện	76.993.483	65.814.233	95,46%	90.559.766	94.250.372	77,45%	96.830.674	100.903.082	100%
Đắk Ne	67.799.363	59.549.454	86,37%	67.228.038	66.620.883	54,74%	48.141.044	50.174.041	49,72%
Tà Vi (*)	-	-	-	11.176.483	13.296.453	10,93%	3.501.603	5.028.545	4,98%
Đắk Pía	9.194.120	6.264.779	9,09%	12.155.245	14.333.036	11,78%	8.281.774	10.288.647	10,20%
Đắk Bla I (**)	-	-	-	-	-	-	36.906.253	35.411.849	35,09%
Doanh thu khác (***)		3.133.574	4,54%		27.449.239	22,55%		-	-
Tổng Doanh thu thuần		68.947.807	100%		121.699.611	100%		100.903.082	100%

Nguồn: TTE, BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

(*): Nhà máy thủy điện Tà Vi được TTE hoàn tất mua lại cuối năm 2016 và đóng góp doanh thu từ năm 2017

(**): Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 chính thức phát điện thương mại từ tháng 4 năm 2018

(***): Doanh thu khác là doanh thu bán vật tư xây dựng của Công ty TNHH Trung Việt

Tổng doanh thu thuần Hợp nhất năm 2017 tăng 76,5%, tương ứng với 52,8 tỷ đồng so với năm 2016. Nguyên nhân chính là do:

- Doanh thu khác tăng 24,3 tỷ đồng do trong năm 2017 Công ty con của Công ty thực hiện hợp đồng bán vật tư xây dựng cho CTCP Tư vấn xây dựng Tân Phước với giá trị khoảng 27 tỷ đồng;
- Doanh thu thuần từ nhà máy thủy điện Tà Vi khoảng 13 tỷ đồng. Do nhà máy Tà Vi và Đăk Pia có công suất thiết kế lần lượt là 3MW/h với 2,2MW/h, sản lượng điện phát ra thấp hơn so với nhà máy Đak Ne, do vậy sự đóng góp vào doanh thu bán điện hợp nhất năm 2017 của 2 nhà máy lần lượt là 10,93% và 11,78%.
- Doanh thu thuần từ nhà máy điện Đăk Pia năm 2017 tăng khoảng 8 tỷ đồng so với năm 2016, nguyên nhân chính là do năm 2016, Công ty TNHH Trung Việt trở thành công ty con của TTE vào tháng 6/2016, do vậy doanh thu thuần hợp nhất năm 2016 chỉ được tính từ sau thời điểm trở thành Công ty con.
- Doanh thu thuần năm 2017 bao gồm thuế và phí tài nguyên môi trường theo hướng dẫn tại Công văn 2189/TCT-DNL ngày 4/6/2015 của Tổng cục thuế gửi Tập đoàn điện lực Việt Nam và Cục thuế Kon Tum về chính sách thuế GTGT đối với sản phẩm điện trong khi Doanh thu thuần năm 2016 không bao gồm thuế và phí tài nguyên môi trường theo hướng dẫn tại Công văn số 56131/CT-HTr ngày 27/08/2015 của Cục thuế Thành phố Hà Nội gửi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ tài chính: Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước cần được loại trừ ra khi ghi nhận doanh thu bán điện. Giá trị khoản thuế và phí tài nguyên môi trường ghi nhận vào Doanh thu thuần năm 2017 khoảng 7 tỷ đồng.

Doanh thu thuần giai đoạn 9 tháng đầu năm chỉ bao gồm doanh thu bán điện. Trong 9 tháng 2018, Công ty TNHH Trung Việt chưa thực hiện quyết toán giá trị vật tư cung cấp cho CTCP Tư vấn xây dựng Tân Phước nên Doanh thu khác chưa được ghi nhận cho giai đoạn này. Công ty sẽ thực hiện quyết toán giá trị vật tư cung cấp vào 31/12/2018.

Doanh thu bán điện 9 tháng đầu năm 2018 đạt 69,1% so với kế hoạch cả năm 2018, nguyên nhân chính ảnh hưởng của sự sụt giảm doanh thu bán điện từ nhà máy thủy điện Tà Vi. Sản lượng và doanh thu bán điện của nhà máy Tà Vi 9 tháng 2018 chỉ đạt 25,1% và 32,4% kế hoạch năm 2018 do ảnh hưởng của cơn bão vào cuối năm 2017. Nhà máy thủy điện Tà Vi phải tạm ngừng hoạt động để sửa chữa nhỏ lẻ kéo dài nhiều ngày nhằm khắc phục hậu quả đợt bão lũ cuối năm 2017 và công tác sửa chữa ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy, tới thời điểm tháng 8/2018 nhà máy Tà Vi đã hoạt động ổn định trở lại

Ngoài ra, Tháng 04/2018, Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1 chính thức phát điện thương mại. Tính đến hết quý III/2018, doanh thu thuần từ Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1 được ghi nhận là trên 35 tỷ đồng, góp phần đáng kể vào việc gia tăng lợi nhuận sau thuế của Công ty so với cùng kỳ năm 2017

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 5: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Nhà máy	Năm 2016	Tỷ trọng/Lợi nhuận gộp	Năm 2017	Tỷ trọng/Lợi nhuận gộp	9T/2018	Tỷ trọng/Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận gộp	37.003.446	100,0%	44.076.105	100,0%	28.125.396	100,0%
Nhà máy thủy điện Đăk Ne	37.003.446	100,0%	35.661.024	80,9%	27.479.308	97,7%
Nhà máy thủy điện Tà Vi	-	0,0%	8.415.081	19,1%	646.088	2,3%
Lợi nhuận sau thuế (*)	9.931.554	16,7%	10.102.713	12,6%	799.500	1,4%

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3 năm 2018

(*) Tỷ trọng Lợi nhuận sau thuế/Tổng Doanh thu thuần

Công ty mẹ mua nhà máy thủy điện Tà Vi cuối năm 2016 và đưa nhà máy vào hoạt động từ đầu năm 2017, đem về lợi nhuận gộp cho Công ty mẹ khoảng 8,4 tỷ đồng. Đây là nguyên nhân chính cho việc Lợi nhuận gộp Công ty mẹ năm 2017 tăng 19,1% so với năm 2016.

Đóng góp chủ yếu vào lợi nhuận gộp Công ty mẹ là nhà máy thủy điện Đăk Ne với khoảng 80,9% (năm 2017) và 97,7% (9 tháng 2018), nguyên nhân chính là do nhà máy thủy điện Đăk Ne có công suất thiết kế lớn (8,1MW/h) trong khi nhà máy thủy điện Tà Vi chỉ có công suất thiết kế 3MW/h, do vậy sản lượng bình quân nhà máy thủy điện Đăk Ne lớn hơn sản lượng bình quân nhà máy thủy điện Tà Vi, kéo theo lợi nhuận gộp nhà máy thủy điện Đăk Ne lớn hơn.

Lợi nhuận gộp 9 tháng 2018 đạt 56,3% kế hoạch năm 2018, Lợi nhuận gộp 9 tháng năm 2018 chưa đạt như kỳ vọng là do nhà máy thủy điện Tà Vi chịu ảnh hưởng từ cơn bão cuối năm 2017 và phải tạm dừng hoạt động nhiều ngày để sửa chữa. Nhà máy thủy điện Tà Vi chỉ hoạt động ổn định lại từ khoảng tháng 8/2018

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 9 tháng năm 2018 chỉ đạt khoảng 799,5 triệu, nguyên nhân chính là do trong Quý 3/2018 doanh thu bán điện giảm. Theo biểu giá chi phí tránh được, Quý 3 được tính là giai đoạn mùa mưa, (không được áp dụng cộng giá công suất) nên Doanh thu bán điện từ tháng 7 đến tháng 10 thường rất thấp trong khi giá vốn và các chi phí khác không thay đổi. Ngoài ra việc doanh thu nhà máy thủy điện Tà Vi sụt giảm do tạm ngừng hoạt động cũng ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ 9 tháng năm 2018.

Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận gộp Hợp nhất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp từ bán điện	40.840.276	100%	52.670.101	90,39%	55.398.778	100%

Nhà máy thủy điện Đăk Ne	37.003.446	90,61%	35.661.024	61,20%	27.479.308	49,60%
Nhà máy thủy điện Đăk Pía	3.836.830	9,39%	8.593.996	14,75%	5.717.953	10,32%
Nhà máy thủy điện Tà Vi	-	-	8.415.081	14,44%	646.088	1,17%
Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	-	-	-	-	21.555.429	38,91%
Lợi nhuận gộp từ Hoạt động kinh doanh khác	-	-	5.598.061	9,61%	-	-
Tổng cộng	40.840.276	100%	58.268.162	100%	55.398.778	100%

Nguồn: BCTC Hợp Nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2017 tăng 42,7%, tương đương 17,4 tỷ đồng so với lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2016. Nguyên nhân chính là do:

- Trong năm Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận gộp từ doanh thu khác khoảng 5,6 tỷ đồng. Đây là khoản lợi nhuận từ việc Công ty TNHH Trung Việt bán vật tư xây dựng cho CTCP Tân Phước. Năm 2016 Công ty TNHH Trung Việt bán vật tư cho CTCP Tân Phát với giá bằng giá vốn, nên Doanh thu khác này không đem lại lợi nhuận gộp cho Công ty, nguyên nhân bán bằng giá vốn là do số vật tư này là số vật tư còn dư ra sau khi Công ty TNHH Trung Việt thực hiện thi công xây lắp cho đối tác.
- Nhà máy Tà Vi được đưa vào vận hành năm 2017 và đem về 8,4 tỷ đồng lợi nhuận gộp cho Công ty trong năm 2017.
- Ngoài ra, việc tăng sản lượng bán điện giờ cao điểm mùa khô cũng góp phần vào việc lợi nhuận gộp Công ty năm 2017 tăng so với năm 2016. Giá bán điện giờ cao điểm mùa khô cao gấp khoảng 4 lần so với các giờ khác theo quy định tại biểu giá chi phí tránh được do Bộ Công thương ban hành hàng năm trong khi các chi phí khác trong năm hầu như không đổi, do vậy lợi nhuận gộp năm 2017 tăng so với năm 2016.

Lợi nhuận gộp hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 là 55,4 tỷ đồng, đạt 60,5% lợi nhuận gộp kế hoạch năm 2018. Lợi nhuận gộp không đạt như kỳ vọng là do nhà máy Thủy điện Tà Vi phải tạm dừng hoạt động nhiều ngày để sửa chữa do chịu ảnh hưởng từ cơn bão cuối năm 2017, nhà máy thủy điện Tà Vi chỉ hoạt động ổn định lại từ tháng 8/2018. Mặc dù mới được đưa vào hoạt động từ tháng 4/2018, Đăk Bla 1 đã đóng góp lớn nhất vào lợi nhuận gộp hợp nhất 9 tháng năm 2018 với 21,56 tỷ đồng. Nhà máy Đăk Bla 1 được đánh giá là điểm sáng mới của TTE do công suất thiết kế là 15MW/h, cao gần gấp đôi công suất thiết kế của Đăk Ne (8,1MW/h), và kết quả sau 6 tháng hoạt động (từ tháng 4/2018 – tháng 9/2018) của nhà máy Đăk Ne là đóng góp 38,91% vào tổng lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty. Hai nhà máy Tà Vi và Đăk Pía có công suất thấp hơn nhiều (lần lượt 3MW/h và 2,2MW/h) nên đóng góp ít hơn vào lợi nhuận gộp hợp nhất.

Trong 9 tháng năm 2018, CTCP Tân Phước và Công ty TNHH Trung Việt chưa thực hiện quyết toán số lượng vật tư Công ty TNHH Trung Việt bán cho CTCP Tân Phước nên Công ty chưa ghi nhận doanh thu khác và lợi nhuận gộp từ doanh thu khác này. Trung Việt sẽ thực hiện quyết toán số lượng vật tư với CTCP Tân Phước vào ngày 31/12/2018.

5.3 Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu: Nguyên liệu đầu vào của các nhà máy thủy điện là nguồn nước thiên nhiên đổ vào hồ chứa. Vì vậy lưu lượng và độ ổn định của nguồn nước cùng với điều kiện thời tiết là những yếu tố quan trọng nhất quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của các nhà máy thủy điện.
- Sự ổn định của các nguồn cung cấp và ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:
 - Như đã nêu ở trên, do nguồn nguyên liệu đầu vào của các nhà máy thủy điện là nguồn nước thiên nhiên đổ vào hồ chứa, nên Công ty không chịu ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới doanh thu và lợi nhuận.
 - Các nhà máy thủy điện của Công ty được xác định là Thủy điện nhỏ do công suất của nhà máy nhỏ hơn hoặc bằng 30W trở xuống, được ưu đãi từ chính phủ với biểu giá chỉ phí tránh được đối với bên bán, do vậy Doanh thu của Công ty không bị ảnh hưởng bởi giá bán nhưng sẽ bị ảnh hưởng bởi sản lượng điện bán ra do ảnh hưởng từ nguồn nước thiên nhiên đổ vào hồ chứa.
 - Nguồn nước thiên nhiên đổ vào hồ chứa phụ thuộc trực tiếp vào điều kiện thời tiết, cụ thể là mùa khô và mùa mưa. Đặc điểm vận hành của các hồ chứa nước:

Hồ chứa nước của 4 nhà máy Đăk Ne, Đăk Pia, Đăk Bla1 và Tà Vi đều có chức năng điều tiết theo ngày. Tuy nhiên việc vận hành hồ chứa nước của các nhà máy được điều chỉnh theo mùa.

Vận hành trong các tháng mùa khô: hầu hết mùa khô rơi vào các tháng từ tháng 12 đến hết tháng 3 năm sau (4 tháng), khi lưu lượng nước đầu nguồn về hồ chứa giảm dần so với các tháng mùa mưa và mực nước hồ chứa xuống gần mực nước chết thì các nhà máy thực hiện dừng phát điện trong các giờ bình thường và thấp điểm hoặc phát điện với công suất thấp, tiến hành tích nước và tập trung phát điện vào giờ cao điểm trong ngày để sản lượng phát điện giờ cao điểm đạt mức lớn nhất có thể, vì đơn giá bán điện vào giờ cao điểm cao hơn rất nhiều so với phát điện vào giờ bình thường hoặc vào giờ thấp điểm.

Vận hành trong các tháng mùa mưa: từ tháng 4 đến hết tháng 11 (8 tháng), đơn giá bán điện vào giờ cao điểm, giờ bình thường và giờ thấp điểm vào mùa mưa có đơn giá tương đương nhau. Lưu lượng nước đầu nguồn về hồ chứa tăng dần so với các tháng mùa khô, khi lưu lượng nước qua nhà máy vượt quá lưu lượng cho phép, các nhà máy sẽ phát điện với công suất tối đa với thời gian 24/24h các ngày trong các tháng mùa mưa, phần lưu lượng còn lại xả nước qua các tổ máy phát điện, tự tràn qua tràn tự do (tràn tự do là đập tràn để giữ nước lại tạo cột nước) và đóng mở cửa van đập tràn cho đến khi tất cả van đập tràn mở hoàn toàn. Trong trường hợp vận hành bình thường từ thời điểm lũ vào hồ đến khi đạt đỉnh, việc vận hành hồ chứa phải đảm bảo tổng lưu lượng xả qua công trình về hạ du không được lớn hơn lưu lượng tự nhiên vào hồ với sai số cho phép là 50% chênh lệch tổng lưu lượng xả của trình tự đó so với trình tự mở cửa van đập tràn liền kề trước hoặc sau. Nhờ vào Công ty vận hành theo đúng quy trình nên tránh được rủi ro gây lũ, ảnh hưởng người dân. Tùy thuộc vào diễn biến thực tế dòng chảy đến hồ chứa mà các nhà máy cho điều chỉnh công suất phát điện tăng hoặc giảm sao cho phù hợp với thực tế lưu lượng nước về hồ chứa nhiều hay ít, với phương châm là tránh lãng phí, đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

5.4 Chi phí sản xuất

Bảng 7: Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chi phí	Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Giá trị	%/ DT	Giá trị	%/ DT	Giá trị	%/ DT
Chi phí giá vốn hàng bán	22.546.008	37,86%	35.841.231	44,85%	27.077.190	49,05%
Chi phí tài chính	25.447.187	42,73%	30.621.660	38,32%	23.272.991	42,16%
Chi phí quản lý DN	2.063.173	3,46%	2.533.932	3,17%	3.481.228	6,31%
Chi phí khác	17.006	0,03%	5.292.042	6,62%	79.325	0,14%
Tổng cộng chi phí	50.073.374	84,09%	74.288.865	92,96%	53.910.734	97,66%

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty cao hơn so với các Doanh nghiệp trong ngành, làm giảm sự cạnh tranh của Công ty với các đối thủ trong ngành, nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay Công ty khá cao trong cơ cấu chi phí. Công ty đang trong quá trình mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2016 Công ty đã phát hành cổ phiếu hoán đổi phần vốn vóp để gián tiếp sở hữu 2 nhà máy thủy điện Đắk Pía và Đắk Bla 1 (thông qua Công ty con là Trung Việt)

Công ty vay ngân hàng để đầu tư và sửa chữa nhà máy thủy điện Đắk Ne và mua nhà máy thủy điện Tà Vi. Nhà máy thủy điện Tà Vi được mua vào thời điểm cuối năm 2016 nên chi phí tài chính năm 2017 cao hơn chi phí tài chính 2016 khoảng 5 tỷ đồng. Nhà máy thủy điện Tà Vi đã hoạt động từ năm 2017 và đem lại doanh thu cho Công ty, do đó mặc dù giá trị chi phí tài chính tăng nhưng tỷ trọng cơ cấu chi phí tài chính trên tổng doanh thu giảm dần qua các năm.

Cùng với tăng trưởng doanh thu, tổng chi phí năm 2017 tăng 48% so với năm 2016. Tăng mạnh nhất là chi phí khác với giá trị tăng hơn 5,28 tỷ đồng. Chi phí khác là khoản chi phí phát sinh do chi phí sửa chữa công trình nhà máy thủy điện Đăkne (khoảng 5,2 tỷ đồng), chi phí này công ty chi trả và phần lớn sẽ thu lại được từ đơn vị bảo hiểm, khoản tiền thu được từ đơn vị bảo hiểm được hoạch toán vào thu nhập khác, trong năm 2017, thu nhập khác Công ty khoảng 5 tỷ đồng. Chi phí sửa chữa của nhà máy Tà Vi khoảng 300 triệu đồng không được bảo hiểm chi trả và sẽ được hoạch toán vào chi phí dài hạn của Công ty. Chi phí sửa chữa nhà máy Tà Vi thấp là do hư hại ít hơn so với nhà máy Đăk Ne.

Tổng chi phí 9 tháng năm 2018 bằng khoảng 72,6% chi phí cả năm 2017 cho thấy Công ty đang thực hiện tiết giảm chi phí để **đem lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động kinh doanh.**

Do ảnh hưởng của cơn bão cuối năm 2016, Nhà máy thủy điện Đăkne, Đăk Pía, Đăk Bla 1 bị thiệt hại hư hỏng về tài sản và cần phải sửa chữa. Hầu hết các chi phí sửa chữa này đều được bảo hiểm hoàn trả lại cho Công ty theo hợp đồng “Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản, đổ vỡ máy móc, công trình kỹ thuật dân dụng đã hoàn thành và bảo hiểm gián đoạn kinh doanh” (Đối với dự án Đăkbla 1 là hợp đồng “Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt và trách nhiệm đối với bên thứ 3” do năm 2016 nhà máy Đăk Bla 1

đang trong quá trình xây dựng, lắp đặt). Sau khi có phát sinh hư hỏng về tài sản, Công ty báo đơn vị bảo hiểm để xác định khối lượng công việc thực hiện sửa chữa (đơn vị sửa chữa do Công ty bảo hiểm chỉ định) và ghi nhận chi phí sửa chữa vào mục chi phí khác trong báo cáo tài chính, sau đó Công ty gửi Quyết toán sửa chữa cho đơn vị bảo hiểm và đơn vị bảo hiểm sẽ chi trả phần chi phí mà bảo hiểm chấp nhận (hầu hết các chi phí phát sinh), số tiền thu về từ đơn vị bảo hiểm Công ty ghi nhận vào mục thu nhập khác trong báo cáo tài chính.

Bảng 8: Chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chi phí	Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Giá trị	%/ DT	Giá trị	%/ DT	Giá trị	%/ DT
Chi phí giá vốn hàng bán	28.107.532	40,77%	63.431.448	52,12%	45.504.204	45,10%
Chi phí tài chính	27.616.326	40,05%	34.101.957	28,02%	41.780.355	41,41%
Chi phí quản lý DN	2.818.020	4,09%	3.072.794	2,52%	4.623.876	4,58%
Chi phí khác	265.451	0,39%	12.977.005	10,66%	123.703	0,12%
Tổng cộng chi phí	58.807.328	85,29%	113.583.204	93,33%	92.032.237	91,21%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

Tổng chi phí hợp nhất năm 2017 tăng 93,14% so với năm 2016, nguyên nhân chính là do chi phí bảo hiểm của các nhà máy Đăkne, Đak Pia và Đak Bla 1. Chi phí bảo hiểm các nhà máy được ghi nhận vào mục chi phí khác trong báo cáo tài chính. Tổng chi phí hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 bằng 81 % tổng chi phí năm 2017, đây là kết quả khá tích cực của Công ty trong việc tiết giảm chi phí (Từ tháng 4/2018 Công ty đưa nhà máy Đăkbla 1 đi vào vận hành nên giá vốn sẽ tăng lên do nhà máy Đăkbla 1 có giá trị đầu tư lớn).

Công ty vay ngân hàng để đầu tư, sửa chữa nhà máy thủy điện Đăk Ne và mua nhà máy thủy điện Tà Vi. Nhà máy thủy điện Tà Vi được mua vào thời điểm cuối năm 2016 nên chi phí tài chính năm 2017 cao hơn chi phí tài chính 2016 khoảng 6,5 tỷ đồng. Công ty vay ngân hàng để đầu tư và sửa chữa nhà máy thủy điện Đăk Ne và mua nhà máy thủy điện Tà Vi, nhà máy thủy điện Tà Vi đã hoạt động từ năm 2017 và đem lại doanh thu cho Công ty, thêm vào nữa 6 tháng đầu năm 2018 nhà máy Đak Bla 1 cũng đã đưa vào vận hành và đóng góp vào doanh thu hợp nhất của Công ty. Do đó mặc dù giá trị chi phí tài chính tăng nhưng tỷ trọng cơ cấu chi phí tài chính trên tổng doanh thu giảm dần qua các năm.

Chi phí khác năm 2017 tăng đột biến là do khoản chi phí bảo hiểm do mua lũ năm 2016 của nhà máy thủy điện Đak ne (khoảng 5,2 tỷ đồng), nhà máy thủy điện Đak Pia (khoảng 2,6 tỷ đồng) và nhà máy thủy điện Đak Bla 1 (khoảng 4,9 tỷ đồng). Phần lớn chi phí này được đơn vị bảo hiểm thanh toán lại cho Công ty và được hạch toán vào thu nhập khác.

Chính sách của Công ty liên quan đến việc mua bảo hiểm cho các tài sản của Công ty trong quá trình vận hành sản xuất kinh doanh:

Bốn nhà máy của Công ty đều đặt tại khu vực Miền Trung (Tà Vi) và Tây Nguyên (Đăkne, Đăk Pía, Đak Bla 1), là khu vực có khả năng lớn bị thiệt hại do thiên tai lũ quét. Do đó, Công ty luôn chú trọng việc mua bảo hiểm cho các tài sản của Công ty, đặc biệt là các tài sản thuộc các nhà máy thủy điện.

Chính sách của Công ty liên quan đến việc mua bảo hiểm cho các tài sản của Công ty như sau:

- Đối với Công trình xây dựng mới nhà máy thủy điện: Công ty mua “Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, lắp đặt và trách nhiệm đối với bên thứ 3” từ giai đoạn thi công xây dựng cho đến khi nhà máy thủy điện được đưa vào vận hành.
- Đối với các tài sản của Công ty trong quá trình vận hành sản xuất kinh doanh, Công ty mua “Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản, đổ vỡ máy móc, công trình kỹ thuật dân dụng đã hoàn thành và bảo hiểm gián đoạn kinh doanh”.
 - + Đối tượng được bảo hiểm là: thiết bị điện, thiết bị thủy lực, thiết bị cơ khí thủy công, đường ống áp lực, cụm đầu mối, nhà quản lý vận hành, nhà máy và kênh xả, cầu vận hành, đường quản lý vận hành, Kênh dẫn và Công trình trên kênh, Trần xả thừa, Bể áp lực, đường dây 110 và trạm biến áp...
 - + Thời hạn bảo hiểm là từ 12 tháng đến 18 tháng. Mọi hư hại trong thời hạn bảo hiểm mà không nằm trong “các nguyên nhân bị loại trừ” đều được bảo hiểm.
 - + “Các nguyên nhân bị loại trừ” bao gồm: tổn thất đối với tài sản được bảo hiểm gây ra bởi: thiết kế sai, khuyết tật của nguyên vật liệu hay tay nghề kém, khuyết tật ẩn tàng, ...
- Đánh giá và lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm: Công ty đánh giá và lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm theo các tiêu chí sau:
 - + Mức phí
 - + Năng lực tài chính
 - + Mối quan hệ với khách hàng

Công ty thường mua bảo hiểm từ Công ty Cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu, Công ty Cổ phần PVI,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Chi phí bảo hiểm, tổn thất phát sinh và số tiền được bảo hiểm bồi thường của Công ty từ năm 2016 đến nay như sau:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Nhà máy Đăkne	Nhà máy Tà Vi	Nhà máy ĐăkPia	Nhà máy ĐakBla 1	Tổng cộng
Phí bảo hiểm	1.770.695.502	327.347.925	339.682.584	2.414.950.895	4.852.676.905
2016	692.340.383	-	200.306.923	1.822.031.507	2.714.678.813
2017	697.087.779	158.129.105	139.375.661	-	994.592.545
2018	381.267.340	169.218.820	-	592.919.388	1.143.405.547
Tổn thất phát sinh	5.670.430.000	307.442.000	2.904.173.000	5.408.460.000	14.290.505.000
2016	-	-	-	-	-
2017	5.670.430.000	307.442.000	2.904.173.000	5.408.460.000	14.290.505.000
2018	-	-	-	-	-
Giá trị được bảo hiểm thanh toán	5.535.928.976	-	2.644.177.431	4.870.204.369	13.050.310.776
2016	-	-	-	-	-
2017	5.535.928.976	-	2.644.177.431	4.870.204.369	13.050.310.776
2018	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm được hoạch toán vào chi phí giá vốn của nhà máy trong báo cáo tài chính.
- Tổn thất phát sinh được ghi nhận vào chi phí khác trong báo cáo tài chính.
- Giá trị được bảo hiểm thanh toán được ghi nhận vào thu nhập khác trong báo cáo tài chính.
- Công ty mua nhà máy Tà Vi vào cuối năm 2016 nên từ năm 2017 mới phát sinh chi phí bảo hiểm cho nhà máy Tà Vi.
- Bảo hiểm nhà máy Đăk Pia có thời hạn từ 29/12/2017 đến 29/12/2018 nên chưa phát sinh chi phí bảo hiểm năm 2018
- Nhà máy Đăk Bla 1 được mua bảo hiểm xây dựng từ năm 2015 đến khi hoàn thành (tháng 4/2018) nên không phát sinh thêm chi phí bảo hiểm năm 2017. Năm 2018, sau khi nhà máy Đak Bla 1 được đưa vào hoạt động, Công ty mua “Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản, đồ vờ máy móc, công trình kỹ thuật dân dụng đã hoàn thành và bảo hiểm gián đoạn kinh doanh” cho nhà máy Đak Bla 1 từ 8/2018 đến 8/2019. Công trình đã hoàn thành vào tháng 4/2018 nhưng đến tháng 8/2018 mới mua được bảo hiểm vì phải chờ đơn vị tái thẩm bảo hiểm đánh giá rủi ro gián đoạn kinh doanh. (Do nhà máy Đăk Bla 1 là công trình mới xây dựng đầu tư, cần được đơn vị tái bảo hiểm thẩm định).
- Tổn thất năm 2017 của Nhà máy Tà Vi không được bảo hiểm chi trả vì tổn thất này nằm ở mức khấu trừ. Mức khấu trừ là mức mà Công ty phải tự gánh chịu trong các trường hợp có tổn thất xảy ra. Nếu những tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm có giá trị khắc phục nằm trong mức Khấu trừ thì Công ty sẽ tự chi trả. Trường hợp những tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm vượt mức khấu trừ, đơn vị bảo hiểm sẽ tính toán số tiền bồi thường và trừ đi mức Khấu trừ để thanh toán cho Công ty.

- Năm 2016 các nhà máy không có tổn thất phát sinh cần được bảo hiểm.
- Năm 2018 các nhà máy chưa có tổn thất phát sinh cần được bảo hiểm đến thời điểm hiện tại

Chi phí giá vốn

Đặc trưng của các doanh nghiệp kinh doanh thủy điện là chi phí đầu tư ban đầu rất lớn. Chính vì vậy chi phí khấu hao là chi phí chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí giá vốn hàng bán của Công ty. Trong năm 2016, Công ty TNHH Trung Việt đã đánh giá lại thời gian trích khấu hao đối với nhà máy thủy điện Đak Pía để phản ánh lợi ích kinh tế nhà máy thủy điện Đak Pía mang lại, việc này ảnh hưởng tích cực tới lợi nhuận hợp nhất khoảng 2,9 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, chi phí nhân công cũng là khoản chi phí đáng kể trong giá vốn hàng bán, thường chiếm 9% đến 10% tổng chi phí. Chi phí giá vốn theo yếu tố năm 2016, 2017 và 9 tháng/2018 của Công ty như sau:

Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của Công ty mẹ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chi phí giá vốn theo yếu tố	Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nguyên vật liệu	42.806	0,17%	44.645	0,12%	99.421	0,34%
Nhân công	2.594.587	10,54%	3.541.753	9,23%	2.647.549	9,02%
Khấu hao TSCĐ	20.371.673	82,76%	25.396.005	66,18%	18.616.758	63,42%
Dịch vụ mua ngoài (*)	1.174.265	4,77%	6.832.627	17,80%	6.400.330	21,80%
Chi phí bằng tiền khác (**)	431.728	1,75%	2.560.133	6,67%	1.589.703	5,42%
Tổng	24.615.059	100%	38.375.163	100%	29.353.761	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

(*) Chi phí dịch mua ngoài bao gồm tiền thuế tài nguyên nước, xăng xe, tiền điện, điện thoại, internet,...

(**) Chi phí bằng tiền khác bao gồm tiền phí Dịch vụ môi trường rừng, tiền công tác phí nhà máy, đường truyền nội hạt, vật tư nhỏ lẻ, kiểm định an toàn,....

Chi phí giá vốn năm 2017 tăng 55,9% so với chi phí giá vốn năm 2016, nguyên nhân chính là do trong chi phí giá vốn năm 2017 có ghi nhận thuế tài nguyên nước và phí dịch vụ môi trường rừng. Theo công văn số 2189/TCT-DNL ngày 04/06/2015 của Tổng cục thuế gửi Tập đoàn điện lực Việt Nam và Cục thuế Kon Tum về chính sách thuế GTGT đối với sản phẩm điện, thuế và phí dịch vụ tài nguyên môi trường được bao gồm trong giá bán điện. Tuy nhiên đây là khoản công ty phải nộp cho nhà nước nên Doanh thu và giá vốn đều ghi nhận khoản thuế và phí này. Ngoài ra, trong năm 2017 Công ty mua lại nhà máy Tà Vi nên chi phí giá vốn của nhà máy Tà Vi bao gồm trong chi phí giá vốn của Công ty.

Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố hợp nhất
Đơn vị tính: nghìn đồng

Chi phí giá vốn theo yếu tố	Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nguyên vật liệu	142.570	0,51%	102.459	0,23%	99.421	0,21%
Nhân công	3.589.476	12,92%	4.392.953	9,86%	3.986.473	8,22%
Khấu hao TSCĐ	22.185.317	79,83%	28.741.239	64,52%	29.786.384	61,62%
Dịch vụ mua ngoài (*)	1.236.263	4,45%	8.435.478	18,94%	12.259.332	25,33%
Chi phí bằng tiền khác (**)	638.351	2,30%	2.874.539	6,45%	2.268.332	4,62%
Tổng	27.791.977	100%	44.546.668	100%	48.399.942	100%

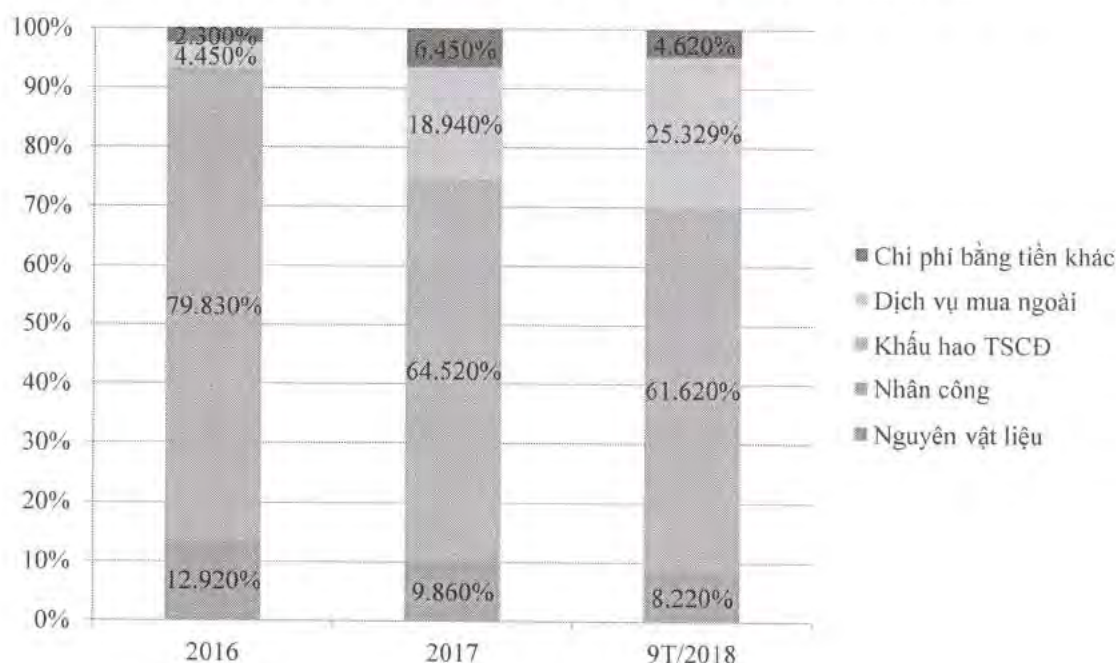
Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

() Chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm tiền thuế tài nguyên nước, xăng xe, tiền điện, điện thoại, internet, ...*

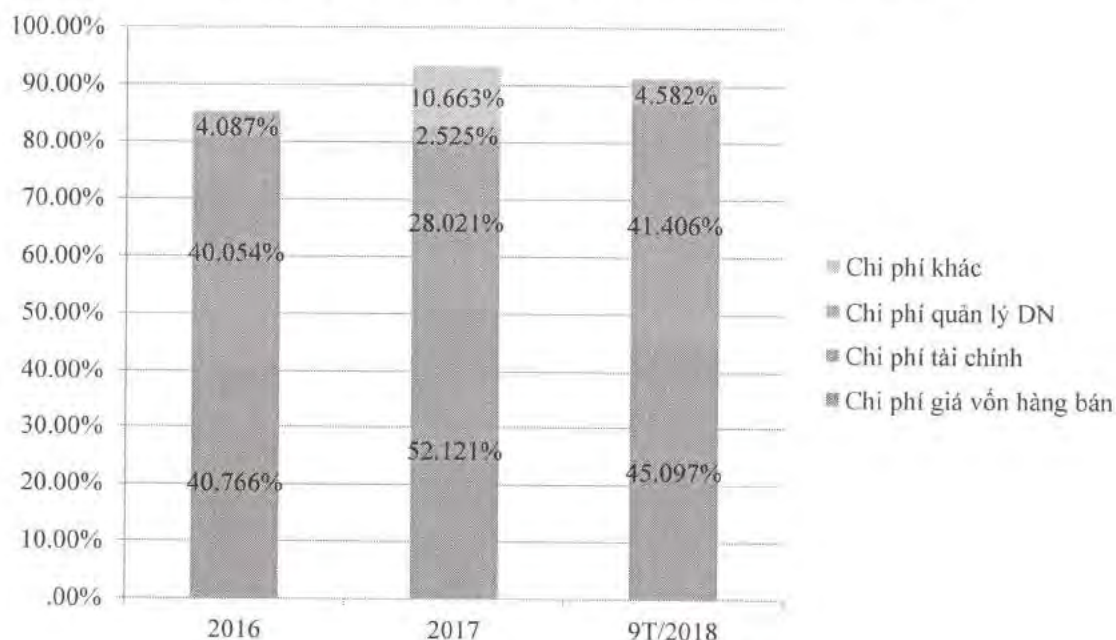
*(**) Chi phí bằng tiền khác bao gồm tiền phí Dịch vụ Môi trường rừng, tiền công tác phí nhà máy, đường truyền nội hạt, vật tư nhỏ lẻ, kiểm định an toàn, ...*

Chi phí giá vốn năm 2017 tăng 60,29% so với chi phí giá vốn năm 2016, nguyên nhân chính là do trong chi phí giá vốn năm 2017 có ghi nhận thuế phí môi trường. Theo công văn số 2189/TCT-DNL ngày 4/6/2015 của Tổng cục thuế gửi Tập đoàn điện lực Việt Nam và Cục thuế Kon Tum về chính sách thuế GTGT đối với sản phẩm điện, thuế và phí dịch vụ tài nguyên môi trường được bao gồm trong giá bán điện. Tuy nhiên đây là khoản công ty phải nộp cho nhà nước nên Doanh thu và giá vốn đều ghi nhận khoản thuế và phí này. Ngoài ra, trong năm 2017 Công ty mua lại nhà máy Tà Vi nên chi phí giá vốn của nhà máy Tà Vi bao gồm trong chi phí giá vốn của Công ty.

Biểu 2: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố (hợp nhất)



Biểu 3: Cơ cấu chi phí tính trên doanh thu (hợp nhất)



5.5 Trình độ công nghệ

Hệ thống máy móc thiết bị - công nghệ mà Công ty sử dụng cho 04 nhà máy được cung cấp bởi Trung Quốc cho các thiết bị tổ máy (turbine, máy phát).

Nhìn chung so với các công nghệ cùng loại hiện hành, các máy móc thiết bị của nhà máy đều đáp ứng các tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật quốc tế. Các tính năng ưu việt của hệ thống phần mềm tự động hóa điều khiển nhà máy là đơn giản, dễ dàng cho các thao tác vận hành ở độ an toàn cao. Hệ thống điều khiển có khả năng tự kiểm tra các khu vực được điều khiển và báo động khi xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

hiện lỗi của bất cứ bộ phận nào trong hệ thống. Điều này cho phép người sử dụng biết trước các sự cố có thể hoặc sắp xảy ra để có phương án chuẩn bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo hành.

Bảng 11: Một số thông số kỹ thuật chính của các nhà máy

STT	Tên thiết bị	Đăk Nơ	Đăk Pliá	Đăk Bla 1	Tà Vi
1	Tourbin				
	Số lượng	3	2	2	2
	Công nghệ	Trung Quốc	Trung Quốc	Trung Quốc	Trung Quốc
	Kiểu	Trục ngang Fransis	Trục ngang cánh	Kaplan trục đứng	Fransis trục ngang
	Số vòng quay định mức	1000 V/phút	750 V/phút	214 V/phút	750v/phút
	Nhà cung cấp	Trùng Khánh- TQ	Thái Hào GiangTây – TQ	Vĩnh Bang-Hàng Châu-Trung Quốc	Shao Yang HengYuan Zijiang – TQ
2	Máy phát điện				
	Số lượng	3	2	2	2
	Công nghệ	Trung Quốc	Trung Quốc	Trung Quốc	Trung Quốc
	Kiểu	Trục ngang	Trục ngang	Trục đứng	Francis trục ngang
	Số vòng quay đồng bộ	1000 V/phút	750 V/phút	214V/phút	750v/phút
	Tần số định mức	50Hz	50Hz	50Hz	50Hz
	Nhà cung cấp	Trùng Khánh – TQ	Thái Hào – TQ	Vĩnh Bang-Hàng Châu-Trung Quốc	Shao Yang HengYuan Zijiang – TQ
3	Máy biến áp chính				
	Số lượng	01	01	01	02
	Công suất	10MVA	3,2MVA	25MVA	2MVA
	Tỷ số điện áp định mức	6,3/115±9*1,78%kV	6,3/24±2*2.5%kV	121±2*2,5%/kV	6.3/38.5-2x2,5%kV
	Nhà cung cấp	CTCP chế tạo thiết bị điện Đông Anh	Cty CP chế tạo biến thế và kỹ thuật Hà Nội	Cty TNHH MTV TK & CT Thiết bị điện-EEMC	CTCP chế tạo thiết bị điện Đông Anh

5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là trong ngành điện, sản phẩm của Công ty là điện. Công ty chú trọng sản xuất điện và không nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Công ty TNHH Trung Việt (Công ty con của Công ty) có ngành nghề kinh doanh khác là thi công các công trình thủy điện và buôn bán vật tư công trình xây dựng (chủ yếu là các công trình thủy điện). Đây là hoạt động mang tính chất ổn định lâu dài của Công ty trong việc tìm kiếm các nguồn

hàng từ việc thi công và làm Chủ đầu tư các dự án thủy điện, với đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu nhiều kinh nghiệm thi công các dự án thủy điện vừa và nhỏ ở khu vực Miền Trung Tây nguyên thi trong những năm tiếp theo Công ty sẽ hướng đến việc mở rộng tìm kiếm thị trường để có thể làm nhà thầu thi công các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong khu vực.

Công ty đang tiến hành nghiên cứu thêm về lĩnh vực điện mặt trời nhằm theo kịp xu hướng về nguồn năng mới. Theo báo cáo của IRENA (Cơ quan năng lượng tái tạo quốc tế), ngành công nghiệp năng lượng mặt trời đã sẵn sàng để bùng nổ trong 15 năm tới vì chi phí mua và lắp đặt pin mặt trời đã giảm đáng kể. Còn theo báo cáo của SolarPower Europe, tổng công suất điện mặt trời được lắp đặt trên thế giới cuối năm 2015 là 229W, gấp hơn 45 lần so với 10 năm trước. Tình hình nghiên cứu để tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Dự án điện mặt trời tới thời điểm hiện tại như sau:

- Dự án điện năng lượng mặt trời được dự kiến đặt tại khu đất đang còn trống của nhà máy thủy điện Đak Bla 1, do vậy dự án sẽ tiết kiệm được chi phí sử dụng đất.
- Hiện Ban Tổng Giám đốc đang tiến hành các thủ tục cần thiết để Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đầu tư và đã thực hiện được các bước sau:
 - Công ty đã trình Bộ Công Thương Quy hoạch dự án điện mặt trời và đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt.
 - Công ty đang chuẩn bị Báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình Bộ Tài Nguyên Môi Trường duyệt.
 - Công ty đang chờ Tổng Công Ty điện lực miền Trung cấp Thỏa thuận đầu nối.
- Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Ban Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét để Hội đồng Quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua thực hiện dự án.

5.7 *Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ*

Với hoạt động kinh doanh sản xuất điện, công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ luôn được Công ty chú trọng.

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Công ty áp dụng tiêu chuẩn TCVN 7995:2009 về điện áp tiêu chuẩn, TCVN 7447-5-55:2015 (tương đương IEC 60364-5-55:2012) về lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện, TCVN 8095-151:2010 (tương đương IEC 60050-151:2010) về thiết bị điện và điện tử cho 4 nhà máy. Các tiêu chuẩn này do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng đề nghị, Bộ khoa học và Công nghệ Công bố. Những tiêu chuẩn này giúp các nhà máy hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả.

- **Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:** Công ty có Phòng kỹ thuật điện chịu trách nhiệm kiểm tra công tác vận hành, quản lý thiết bị và bảo dưỡng định kỳ đối với 4 nhà máy điện. Bộ phận này có vai trò đảm bảo việc vận hành thực hiện đúng theo các quy trình liên quan đến vận hành, việc quản lý thiết bị và bảo dưỡng định kỳ được thực hiện đúng theo định kỳ để phòng tránh và phát hiện hư hại kịp thời để sửa chữa (nếu có), giảm thiểu tối đa rủi ro sự cố kỹ thuật trong công tác vận hành của nhà máy.

- **Công tác vận hành:** thường xuyên củng cố, chấn chỉnh công tác vận hành trên các mặt: Trực ca, kiểm tra thiết bị vận hành, thao tác xử lý sự cố thiết bị. Thực hiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành; ghi chép nhật ký vận hành, công tác báo cáo, công tác vệ sinh công nghiệp hàng ngày, định kỳ. Các nhà máy thủy điện của Công ty đều có Quy trình vận hành hồ chứa do Bộ Công Thương phê duyệt trên cơ sở căn nhắc các điều kiện về khí tượng thủy văn, luật phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, quy định của chính phủ về quản lý an toàn đập. Do vậy Công ty đảm bảo được việc vận hành an toàn và giảm thiểu việc gây ảnh hưởng đến người dân.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

- **Công tác quản lý thiết bị và bảo dưỡng định kỳ:** Lập và cập nhật lý lịch thiết bị để theo dõi vận hành sửa chữa, lập nhu cầu mua vận tư thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời những hư hỏng đảm bảo cho vận hành. Ngoài ra, chế độ bảo dưỡng và sửa chữa được thực hiện theo định kỳ.

5.8 Hoạt động Marketing

Việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Tổng công ty điện lực miền Trung trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Thời gian của hợp đồng này thường kéo dài từ 10 đến 25 năm. Chính vì vậy, Công ty không phát sinh các khoản chi phí marketing, xúc tiến thương mại và chi phí bán hàng. Đây là một trong những lợi thế của Công ty trong việc tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao lợi nhuận hàng năm.

5.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký nhãn hiệu thương mại độc quyền.

5.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 12: Các hợp đồng lớn đang thực hiện

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nhà máy	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Ngày hiệu lực	Số năm hiệu lực
1	Hợp đồng mua bán điện					
1.1	Đăk Ne	Tổng công ty Điện lực miền trung	Điện thương phẩm	Giá trị hợp đồng phụ thuộc vào sản lượng và giờ cung cấp điện. Do vậy hợp đồng không thể hiện giá trị.	01/06/2014	20
1.2	Đăk Pia	Tổng công ty Điện lực miền trung	Điện thương phẩm		19/09/2012	20
1.3	Tà Vi	Tổng công ty Điện lực miền trung	Điện thương phẩm		01/01/2017	20
1.4	Đăkbla 1	Tổng công ty Điện lực miền trung	Điện thương phẩm		15/06/2017	20
2	Hợp đồng thi công, hợp đồng lớn khác					
2.1	Plei Kần (*)	CTCP Đầu tư Xây dựng Tân Phước	Cung cấp vật liệu thi công xây dựng dự án: Sắt, thép, xi Kền măng, xăng dầu ...	Hợp đồng nguyên tắc (**)	01/10/2017	

(Nguồn: TTE)

(*) Đây là công trình nhà máy thủy điện mà CTCP đầu tư xây dựng Tân Phước thực hiện cho đối tác của CTCP đầu tư xây dựng Tân Phước.

(**) Công ty TNHH Trung Việt ký hợp đồng nguyên tắc với CTCP đầu tư xây dựng Tân Phước. Theo đó, Công ty TNHH Trung Việt sẽ chịu trách nhiệm về việc cung cấp vật liệu thi công xây dựng như: Sắt, thép, xi măng, xăng dầu Để thi công dự án Nhà máy thủy điện Plei Kần, hợp đồng có thời hạn cho đến khi hoàn tất công tác xây dựng Nhà máy. Hai công ty sẽ thực hiện quyết toán số lượng vật liệu thực tế Công ty TNHH Trung Việt đã cung cấp tại thời điểm 31/12/2018 và thanh toán theo số liệu trên bản quyết toán.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016		Năm 2017		9T/2018
		Giá trị	%/2015	Giá trị	%/2016	
1	Tổng tài sản	607.408.119	65,35%	594.896.055	-2,06%	582.874.066
2	Vốn chủ sở hữu	295.042.858	201,06%	303.319.106	2,81%	286.638.149
3	Doanh thu thuần	59.549.454	-3,24%	79.917.336	34,20%	55.202.586
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.469.756	-43,40%	10.957.925	4,66%	1.391.717
5	Lợi nhuận khác	(15.489)	N/A	(254.189)	N/A	(78.313)
6	Lợi nhuận trước thuế	10.454.267	-42,63%	10.703.736	2,39%	1.313.403
7	Lợi nhuận sau thuế	9.931.554	-29,83%	10.102.713	1,72%	799.500
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	6%	-	-
9	Tỷ lệ LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	5,05%	-	3,38%	-	0,27%

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016		Năm 2017		9T/2018
		Giá trị	%/2015	Giá trị	%/2016	
1	Tổng tài sản	1.019.844.161	177,6%	1.099.016.502	7,8%	1.071.589.181
2	Vốn chủ sở hữu	299.611.935	205,7%	315.316.056	5,2%	305.457.505
3	Doanh thu thuần	68.947.807	12,0%	121.699.612	76,5%	100.903.082
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.384.405	-38,5%	21.146.799	85,8%	9.029.770

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016		Năm 2017		9T/2018
		Giá trị	%/2015	Giá trị	%/2016	
5	Lợi nhuận khác	(263.933)	N/A	(1.107.950)	N/A	(119.362)
6	Lợi nhuận trước thuế	11.120.471	-39,0%	20.038.849	80,2%	8.910.408
7	Lợi nhuận sau thuế	10.478.302	-26,0%	17.530.586	67,3%	7.998.756
	<i>Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</i>	10.466.185	-26,1%	17.379.846	66,1%	7.853.134
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	6%	N/A	-
9	Tỷ lệ LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	5,26%	-	5,65%	7,4%	2,58%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện tăng vốn hai lần để hoán đổi phần vốn góp với cổ đông Công ty TNHH Trung Việt (đợt tăng vốn từ 83 tỷ đồng lên 253 tỷ đồng) và để mua nhà máy thủy điện Tà Vi từ Công ty Nước Vin (đợt tăng vốn từ 253 tỷ đồng lên 283 tỷ đồng). Việc tăng vốn trong năm 2016 đã nâng tổng giá trị tài sản công ty mẹ từ 367 tỷ đồng năm 2015 lên 607 tỷ đồng năm 2016, tăng 65,4% (tương đương tăng 240 tỷ đồng) so với năm 2015 và Vốn chủ sở hữu Công ty mẹ tăng từ 98 tỷ đồng năm 2015 lên 295 tỷ đồng năm 2016, tăng 201,1% (tương đương tăng 197 tỷ đồng) so với năm 2015. Tổng tài sản và nguồn vốn Công ty mẹ năm 2017 không biến động nhiều so với năm 2016, tương tự như vậy đối với số liệu 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty mẹ.

Kết quả của việc tăng vốn đầu tư để nắm giữ 98% Công ty TNHH Trung Việt và sở hữu nhà máy Tà Vi đã đem lại hiệu quả rõ rệt, thể hiện trong việc Doanh thu thuần hợp nhất và lợi nhuận hợp nhất từ hoạt động kinh doanh năm 2017 tăng lần lượt 76,51% (tương đương 52,8 tỷ đồng) và 85,75% (tương đương 9,8 tỷ đồng) so với năm 2016. Lợi nhuận thuần trước thuế và sau thuế hợp nhất năm 2017 lần lượt tăng 80,2% (tương đương 8,9 tỷ đồng) và 67,3% (tương đương 7,1 tỷ đồng) so với năm 2016.

Từ năm 2017, Công ty hoạch toán khoản thuế và phí dịch vụ môi trường vào Doanh thu và giá vốn của Công ty theo công văn số 2189/TCT-DNL của Tổng cục thuế gửi Cục thuế Kon Tum và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 4/6/2015 về việc ghi nhận thuế và phí dịch vụ môi trường vào giá bán điện. Do thuế và phí dịch vụ môi trường đều được hoạch toán vào giá bán điện nên Doanh thu tăng và giá vốn cũng tăng theo với số tiền như nhau, do vậy lợi nhuận Công ty không bị ảnh hưởng.

Thông tin liên quan đến việc mua nhà máy thủy điện Tà Vi:

- Ngày 18/3/2016 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2016/NQ-ĐAKNE nhằm thông qua việc mua Dự án thủy điện Tà Vi với giá trị chuyển nhượng không quá 110 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng). ĐHĐCĐ cũng ủy quyền Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đàm phán và ký hợp đồng mua bán với Công ty

TNHH Nước Vin (chủ sở hữu tại thời điểm đo của dự án thủy điện Tà Vi) theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Ngày 3/11/2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT-DAKNE trong đó thống nhất **giá trị chuyển nhượng dự án thủy điện Tà Vi là 112,2 tỷ đồng (giá trị đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng).**

Giá trị nhận chuyển nhượng dự án được HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đàm phán với Công ty TNHH Nước Vin dựa trên cân nhắc về giá trị đầu tư của nhà máy thủy điện Tà Vi cũng như nhu cầu của hai bên. Giá trị đã đầu tư vào dự án nhà máy thủy điện Tà Vi của Công ty TNHH Nước Vin:

STT	Nội dung	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Giá trị Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án nhà máy thủy điện Tà Vi	79.360.739.064	Báo cáo Kiểm toán về Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án ngày 10/10/2012 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
2	Giá trị quyết toán nâng cấp sửa chữa nhà máy thủy điện Tà Vi	58.436.077.900	Báo cáo Kiểm toán độc lập về Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành số 436/2016/BCKT-AFA ngày 16/11/2016 về việc sửa chữa nâng cấp nhà máy thủy điện Tà Vi của Công ty TNHH Kiểm toán AFA
3	Tổng giá trị Công ty TNHH Nước Vin đã đầu tư (3) = (1) + (2)	137.796.816.964	
4	Giá trị nhận chuyển nhượng được hai bên thống nhất chưa bao gồm thuế Giá trị Gia tăng	102.000.000.000	
5	Thuế Giá trị gia tăng	10.200.000.000	
6	Giá trị nhận chuyển nhượng có bao gồm thuế Giá trị gia tăng (6) = (4) + (5)	112.200.000.000	

Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2016 đã thể hiện việc mua nhà máy Tà Vi tại thuyết minh số 9. Theo đó, Nguyên giá của “Nhà cửa, vật kiến trúc” tăng do Mua trong năm là 103.168.867.145 đồng. Nguyên giá tài sản tăng do:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Mua nhà máy Tà vi (Không bao gồm thuế Giá trị Gia tăng)	102.000.000.000
2	Chi phí lãi vay được vốn hóa vào tài sản	1.168.867.145
	Tổng cộng	103.168.867.145

Nguồn tiền để mua nhà máy Tà Vi:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 (phát hành trong năm 2016)	17.000.000.000
2	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (phát hành trong năm 2016)	14.000.000.000
3	Vay từ ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (vay tháng 12/ 2016)	74.000.000.000
4	Vốn lưu động Công ty	7.200.000.000
	Tổng cộng	112.200.000.000

Thông tin liên quan đến việc mua Công ty con (Công ty TNHH Trung Việt) và hình thành lợi thế thương mại:

Trong năm 2016, Công ty phát hành 17.052.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ để hoán đổi phần vốn góp của Công ty TNHH Trung Việt. Sau khi hoán đổi cổ phần, Công ty nắm giữ 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt.

Cơ sở pháp lý:

- Biên bản họp ĐHCĐ Công ty số 04/2016/BB-ĐAKNE ngày 14/6/2016 về việc phát hành riêng lẻ hoán đổi phần vốn góp của Công ty TNHH Trung Việt;
- Nghị quyết ĐHCĐ Công ty số 04/2016/NQ-ĐAKNE ngày 14/06/2016 về việc phát hành riêng lẻ hoán đổi phần vốn góp của Công ty TNHH Trung Việt;
- Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Trung Việt số 02/2016/BB-TV ngày 09/6/2016 về việc chuyển nhượng phần vốn góp cho Công ty cổ phần Thủy điện ĐăkNe;
- Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Trung Việt số 09/2016/QĐ-TV ngày 09/6/2016 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

Xác định giá trị hợp lý của Công ty TNHH Trung Việt:

Tại ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng của Công ty TNHH Trung Việt tại ngày mua (ngày 15/06/2016), đồng thời áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty TNHH Trung Việt. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH Trung Việt tại ngày mua được xác định tạm thời như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.057.203.665
Các khoản phải thu ngắn hạn	190.479.358.859
Hàng tồn kho	3.133.574.571
Tài sản ngắn hạn khác	10.808.020.545
Các khoản phải thu dài hạn	
Tài sản cố định	53.938.351.432
Tài sản dở dang dài hạn	283.604.141.594
Đầu tư tài chính dài hạn	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (a)	544.020.650.666
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	19.542.445.663
Nợ dài hạn	351.591.649.258
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ (b)	371.134.094.921
TỔNG TÀI SẢN THUẦN (c = a-b)	172.886.555.745
TỶ LỆ CT TRƯỜNG THỊNH SỞ HỮU CT TRUNG VIỆT (d)	98%
GIÁ PHÍ HỢP NHẤT KINH DOANH (e)	170.520.000.000
LỢI THỂ THƯƠNG MẠI (f = e – c xd)	1.091.175.370

Theo quy định tại mục 53 Chuẩn mực kế toán số 11 về hợp nhất kinh doanh, ban hành và công bố theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì:

“*Lợi thể thương mại được ghi ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh (nếu giá trị nhỏ) hoặc phải được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính (nếu giá trị lớn). Thời gian sử dụng hữu ích phải phản ánh được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho doanh nghiệp. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thể thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận*”. Lợi thể thương mại với giá trị 1.091.175.370 đồng được Công ty đánh giá là giá trị lớn, nên được phân bổ dần với thời gian 10 năm theo quy định.

Lợi Thể thương mại năm tài chính 2016:

Nội dung	Số tiền (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2016	-
Tăng do mua Công ty con	1.091.175.370
Phân bổ trong năm (từ ngày 15/06/2016 đến 31/12/2016)	(59.105.332)
Số dư tại ngày 31/12/2016	1.032.070.038

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, do Công ty TNHH Trung Việt chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại cũng chưa có văn bản nào hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa đủ cơ sở để trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2016.

Theo quy định tại mục 61 Chuẩn mực kế toán số 11 về Hợp nhất kinh doanh, ban hành và công bố theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì:

“Nếu kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh chỉ có thể xác định một cách tạm thời vào cuối kỳ mà việc hợp nhất kinh doanh được thực hiện do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ có thể xác định một cách tạm thời, thì bên mua phải kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh bằng cách sử dụng các giá trị tạm thời đó. Bên mua phải ghi nhận các khoản điều chỉnh đối với những giá trị tạm thời như là kết quả của việc hoàn tất việc kế toán ban đầu:

a) Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua; và

b) Từ ngày mua. Do đó:

(i) Giá trị còn lại của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng được ghi nhận hoặc điều chỉnh theo kết quả có được từ việc kế toán ban đầu sẽ được tính là giá trị hợp lý của chúng được ghi nhận tại ngày mua.

ii) Từ thời điểm mua, lợi thế thương mại hoặc bất kỳ khoản thu nhập nào đã được ghi nhận theo quy định tại đoạn 55 sẽ được điều chỉnh tương ứng với khoản điều chỉnh theo giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng được ghi nhận hoặc được điều chỉnh.

(iii) Thông tin so sánh được trình bày trong các kỳ trước khi việc hạch toán của hợp nhất kinh doanh hoàn tất sẽ được trình bày như là việc kế toán ban đầu đã được hoàn thành từ ngày mua, có nghĩa là các khoản khấu hao hay các tác động đến lãi hoặc lỗ đều được ghi nhận như là kết quả có được từ việc kế toán ban đầu.”

Sang năm 2017, sau khi Công ty đã thực hiện xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 15/06/2016 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 01/06/2017. Việc xác định giá trị hợp lý khoản đầu tư của HĐQT được dựa theo Chứng thư thẩm định giá số 85/2017/CT-TGD/CPA VIETNAM ngày 01/06/2017 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM phát hành và Kết quả giá trị Doanh nghiệp của Công ty TNHH Trung Việt tại ngày 15/06/2016 là 172.891.670.195 đồng.

Đơn vị tính: Đồng

STT	Giá trị định giá	Giá trị sổ sách	Chênh lệch
1	172.891.670.195	172.886.555.746	5.114.450

Căn cứ:

- + Giá trị thực tế của Công ty TNHH Trung Việt tại ngày 15/06/2016 sau khi đánh giá lại cao hơn giá trị sổ sách 5.114.450 đồng, số chênh lệch này được xem là rất nhỏ so với giá trị tạm thời mà Công ty đã sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 và không gây ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã phát hành.
- + Tại thời điểm có kết quả định giá, Doanh nghiệp đã phát hành các báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2016, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016.
- + Kết quả định giá được xem là giá trị dùng để tham khảo tại thời điểm ngày 15/06/2016.

Như vậy, do giá trị chênh lệch không đáng kể và để đơn giản công tác kế toán, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định sử dụng phương pháp giá gốc làm cơ sở hạch toán để không làm ảnh hưởng đến các Báo cáo tài chính đã phát hành trước đó. Việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và phù hợp với nguyên tắc trọng yếu trong kế toán. Cụ thể:

- + Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung, đoạn 09 "*Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính*".
- + Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày Báo cáo tài chính, đoạn 24: "*Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu*".

Căn cứ các nội dung trên, Công ty không thực hiện điều chỉnh khoản chênh lệch 5.114.450 đồng vào giá trị Lợi thế thương mại đã ghi nhận khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017.

Ngoài ra, trong năm 2016, Công ty TNHH Trung Việt (Công ty con của CTCP Đầu tư năng lượng Trường Thịnh) đã điều chỉnh thời gian trích khấu hao của Nhà máy thủy điện ĐăkPia, thông tin về tài sản thay đổi thời gian trích khấu hao cụ thể như sau:

- Tên tài sản: Nhà máy thủy điện ĐăkPia
- Mã tài sản: E0000000002
- Thời gian đưa vào sử dụng: 01/10/2012
- Phương pháp tính khấu hao: Đường thẳng
- Thời gian trích khấu hao ban đầu: 144 tháng (12 năm).
- Số kỳ (tháng) đã trích khấu hao trước khi thay đổi : 39 tháng (3 năm 3 tháng)
- Lý do thay đổi khấu hao:

Năm 2012, khi Nhà máy ĐăkPia bắt đầu đi vào hoạt động, Công ty TNHH Trung Việt (khi chưa là Công ty con của CTCP Đầu tư năng lượng Trường Thịnh) đã quyết định thời gian khấu hao là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

12 năm thuộc khung khấu hao cho phép của cục Thuế đối với tài sản cố định nhà xưởng vật kiến trúc (Theo Mục G Phụ lục I thông tư 203/2009/TT-BTC thì khung khấu hao đối với nhà xưởng vật kiến trúc là từ 5 năm đến 50 năm).

Năm 2016, sau 04 năm đi vào hoạt động, nhà máy Đăk Pía đã cho thấy sự hiệu quả kinh tế, sự ổn định của nhà máy trong thời gian dài. Sau khi cân nhắc quy định về phân cấp công trình và độ bền vững của công trình, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Trung Việt đã quyết định đánh giá lại và thay đổi thời gian khấu hao của Nhà máy Đăk Pía căn cứ theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC (Thông tư 45/2013/TT-BTC thay thế Thông tư 203/2009/TT-BTC) ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Tuổi thọ kỹ thuật của Tài sản: theo quy định tại Mục II.5 Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP về Quản lý chất lượng và bảo trì Công trình xây dựng thì Nhà máy Thủy Điện Đăk Pía thuộc Công trình bậc 3 và theo Mục 2.2.1.8 của QCVN 03:2012/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị thì độ bền vững của Công trình bậc 3 là từ 20 – 50 năm. Do vậy, tuổi thọ kỹ thuật của Nhà máy thủy điện Đăk Pía là 20 đến 50 năm.
- Thời gian trích khấu hao thay đổi: 240 tháng (20 năm) (từ 144 tháng ban đầu thay đổi thành 240 tháng).
- Khung khấu hao cho phép của Nhà cửa vật kiến trúc theo Mục G Phụ lục I Thông tư 45/2013/TT-BTC là từ 5 năm đến 50 năm.
- Thời gian trích khấu hao còn lại sau khi thay đổi: 201 tháng (16 năm 9 tháng) (trước khi thay đổi khấu hao thì đã trích khấu hao 39 tháng).

Việc trích khấu hao ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty như sau:

Các ảnh hưởng khi thay đổi thời gian trích khấu hao nhà máy Đăk Pía năm 2016:

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	CHỈ TIÊU	Số liệu trước khi điều chỉnh khấu hao	Số liệu sau khi điều chỉnh khấu hao đã được kiểm toán	Chênh lệch
1	Giá vốn hàng bán	31.076.090	28.107.532	-2.968.558
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	8.151.912	11.120.470	2.968.558
3	Thuế TNDN hiện hành	522.713	642.168	119.455
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN (4=3-2)	7.629.199	10.478.301	2.849.102
5	Lợi nhuận sau thuế của CT mẹ	7.629.199	10.466.184	2.836.985
6	LNST của cổ đông không kiểm soát	0	12.117	12.117
7	Vốn chủ sở hữu đầu kỳ (năm 2015)	98.000.604	98.000.604	0
8	Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (năm 2016)	296.774.948	299.611.934	2.836.985
9	Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2016 (9 = (7+8)/2)	197.387.776	198.806.269	1.418.492
10	ROE 2016 (10 = 5/9)	3,87%	5,26%	

Các ảnh hưởng khi thay đổi thời gian trích khấu hao nhà máy ĐăkPia năm 2017:

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	CHỈ TIÊU	Số liệu trước khi điều chỉnh khấu hao	Số liệu sau khi điều chỉnh khấu hao đã được kiểm toán	Chênh lệch
1	Giá vốn hàng bán	66.400.006	63.431.448	-2.968.558
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	17.070.290	20.038.848	2.968.558
3	Thuế TNDN hiện hành	1.440.297	2.508.263	1.067.965
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN (4=3-2)	15.629.993	17.530.585	1.900.592
5	Lợi nhuận sau thuế của CT mẹ	15.517.265	17.379.845	1.862.580
6	LNST của cổ đông không kiểm soát	112.728	150.739	38.011
7	Vốn chủ sở hữu đầu kỳ (năm 2016)	296.774.948	299.611.934	2.836.985
8	Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (năm 2017)	310.616.489	315.316.055	4.699.566
9	Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2017 (9 = (7+8)/2)	303.695.718	307.463.995	3.768.276
10	ROE 2017 (10 = 5/9)	5,11%	5,65%	

Tháng 6/2016, Công ty cũng thực hiện phát hành 17.052.000 cổ phiếu để hoán đổi phần vốn góp với 2 cổ đông của Công ty TNHH Trung Việt, sau khi hoàn tất việc hoán đổi cổ phiếu, Công ty nắm giữ 98% của Công ty TNHH Trung Việt.

Tháng 8/2016, Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông hiện hữu với số lượng là 1.700.000 cổ phiếu) và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng 1.400.000 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành là 31 tỷ đồng, Công ty sử dụng số tiền này và vay ngân hàng Agribank để mua nhà máy thủy điện Tà Vi từ Công ty TNHH Nước Vin.

BCTC riêng lẻ và hợp nhất năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO có ý kiến chấp nhận toàn phần, trong đó có ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán về việc thay đổi thời gian khấu hao nhà máy ĐăkPia trên BCTC hợp nhất như sau:

“Như đã trình bày trong thuyết minh số 4, phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2016, Công ty đã thực hiện đánh giá lại thời gian trích khấu hao của một số tài sản cố định là nhà máy thủy điện Đăk Pía; Và thay đổi thời gian trích khấu hao của tài sản trên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 là 2.968.558.284 VND (giảm chi phí khấu hao hơn so với năm 2015). Tổng giám đốc đánh giá việc thay đổi thời gian trích khấu hao này phản ánh đúng thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty”

BCTC hợp nhất năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam có ý kiến chấp nhận toàn phần, trong đó có ý kiến về Vấn đề khác của kiểm toán về việc thay đổi thời gian khấu hao nhà máy ĐăkPia trên BCTC hợp nhất như:

“Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH VACO – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí

Minh, báo cáo kiểm toán độc lập số 120/VACO/BCKT.HCM phát hành ngày 11/05/2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần và nêu vấn đề cần nhấn mạnh việc trong năm Công ty đã thực hiện việc đánh giá lại thời gian trích khấu hao cho giá trị còn lại của tài sản đồ từ 105 tháng thành 201 tháng làm giảm chi phí khấu hao năm 2016 so với năm 2015. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi thời gian trích khấu hao này là phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.”

BCTC riêng lẻ năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam có ý kiến chấp nhận toàn phần, trong đó có ý kiến về Vấn đề khác của kiểm toán về việc số liệu báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

“Nhu đã trình bày tại Thuyết minh 7.3 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2017 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Báo cáo kiểm toán độc lập số 106/VACO/BCKT.HCM phát hành ngày 06/05/2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần.”

Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam đối với BCTC riêng lẻ và hợp nhất Soát xét 6T/2018 là ý kiến chấp nhận toàn phần.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

a. Thuận lợi

Nguyên liệu đầu vào: Đối với các nhà máy thủy điện, nguồn nguyên liệu đầu vào là nước, do đó nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào lượng trữ lượng nước trong hồ của nhà máy, phụ thuộc vào yếu tố thời tiết.

Trong khi đó, Việt Nam nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều, lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2000 mm và hệ thống sông ngòi Việt Nam rất đa dạng, phong phú trải khắp cả nước (có 2400 con sông có chiều dài lớn hơn 10 km).

Các dự án thủy điện của TTE được xây dựng tại tỉnh Kon Tum, là tỉnh miền núi có nhiều thung lũng và mạng lưới sông suối lớn. Hệ thống sông suối này là nguồn nguyên liệu đầu vào rất phù hợp để làm thủy điện.

Khách hàng: Hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân hàng ngày không thể thiếu. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu của người dân ngày càng tăng, vì vậy cầu về điện ngày càng tăng.

Cạnh tranh trong nội bộ ngành: Đặc điểm của ngành thủy điện của nước ta hiện nay, các nhà máy sản xuất điện có vốn đầu tư chủ yếu là nhà nước, cùng với đó là lượng điện sản xuất chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, sản lượng điện sản xuất ra đều được bán cho EVN, vì vậy không có sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

Sản phẩm thay thế: Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu sử dụng điện tăng cao, tuy nhiên hiện nay các nhà máy sản xuất điện vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nền kinh tế, tình trạng thiếu điện thường xuyên xảy ra. Các sản phẩm điện đến từ năng lượng mặt trời, năng lượng gió chưa thể đáp ứng được nhu cầu điện của cả nước do công suất thấp. Chính vì vậy, năng lượng đến từ các nhà máy thủy điện vẫn đang là nguồn năng lượng chủ yếu của cả nước.

Chính sách ưu đãi:

Ưu đãi thuế TNDN

Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 15, điểm a khoản 1 điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế doanh nghiệp, các dự án nhà máy xây mới thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn sẽ được hưởng các ưu đãi thuế TNDN như sau:

- Hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm.
- Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo

Dự án nhà máy Thủy điện Đăk Pía là Nhà máy thủy điện Đăk Pía trực thuộc Công ty TNHH Trung Việt, Đối với dự án này, Công ty không được ưu đãi thuế TNDN.

Đối với Nhà máy Thủy điện Tà Vi, là dự án Công ty mua lại từ Công ty TNHH Nước Vin. Do chưa có xác nhận miễn giảm thuế từ cơ quan có thẩm quyền nên Công ty hiện chưa tính phần ưu đãi thuế TNDN từ dự án này.

Nhà máy thủy điện Đăk Ne hiện còn hưởng các ưu đãi như sau:

- Hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm kể từ năm 2014

Hiện Nhà máy Đăk Bla 1 đang thực hiện các thủ tục đăng ký với cục thuế để nhận được ưu đãi theo quy định về thuế như sau:

- Hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm.
- Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo

Ngoài ra hiện Công ty đang được miễn thuế sử dụng đất đối với: tiền thuê đất đến 23/08/2022 đối với đất Nhà máy thủy điện Đăk Ne, tiền thuê đất đến tháng 7/2026 đối với đất nhà máy thủy điện Tà Vi, tiền thuê đất trong suốt vòng đời dự án đối với nhà máy thủy điện Đăk Pía. Đối với tiền thuê đất của nhà máy thủy điện Đăk Bla 1, theo công văn số 5559/TB-CT ngày 14/10/2015 của cục thuế tỉnh Kon Tum, tiền thuê đất của Công ty được cần trừ vào tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, và Công ty TNHH Trung Việt đã hoàn thành việc nộp tiền thuê đất tính từ tháng 03/2015 đến hết 01/08/2042.

Theo thống kê của Công ty, trong giai đoạn từ năm 2016 đến Quý 3 năm 2018, tổng thuế TNDN công ty được giảm trừ là 5.889.306.753 đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

	Năm 2016	Năm 2017	9T/2018
1. Thuế TNDN được hưởng ưu đãi	1.045.426.687	1.053.098.535	1.015.335.277
Nhà máy Đăk Ne	1.045.426.687	1.053.098.535	1.015.335.277
Nhà máy Đăk Bla 1	-	-	-
2. Thuế TNDN được miễn giảm	552.713.343	526.549.267	1.696.183.644
Nhà máy Đăk Ne	552.713.343	526.549.267	507.667.639
Nhà máy Đăk Bla 1	-	-	1.188.516.005
TỔNG	1.598.140.030	1.579.647.802	2.711.518.921

b. Khó khăn

Nhìn chung, hoạt động trong ngành điện mặc dù được nhiều thuận lợi nhưng khó khăn cũng luôn tồn tại. Có hai khó khăn chính ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh là chi phí đầu tư xây dựng và yếu tố thời tiết.

Chi phí đầu tư xây dựng: Ngành thủy điện không có chi phí cho nhiên liệu, và có thể thay đổi công suất nhanh theo yêu cầu phụ tải. Tuy nhiên, việc đầu tư các máy móc thiết bị vận hành hiện đại, đáp ứng đúng công suất thiết kế, cần mức vốn đầu tư không nhỏ. Ngoài ra, thời gian xây dựng lâu, có thể do thiếu vốn, thiếu nhân lực hoặc những bất cập về cơ chế, chính sách, v.v... khiến cho ngành có chi phí đầu tư ban đầu cao. Công ty đã phải chịu khoản chi phí lãi vay hàng năm khá cao do cần nguồn vốn lớn để đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện. Cụ thể chi phí lãi vay năm 2016, 2017 và 9 tháng 2018 của Công ty là:

Đơn vị tính: triệu đồng

Nhà máy	Chi phí lãi vay năm 2016	Chi phí lãi vay năm 2017	Chi phí lãi vay 9 tháng 2018	Tổng cộng
Nhà máy Đăk ne	25.447	23.205	17.826	66.478
Nhà máy Tà vi	-	7.417	5.447	12.864
Nhà máy Đăk pia (*)	2.169	3.480	2.576	8.225
Nhà máy Đăk bla I	-	-	15.932	15.932
Tổng cộng	27.616	34.102	41.781	103.499

(*) Lãi vay nhà máy Đăkpia năm 2016 tính từ thời điểm mua lại Công ty TNHH Trung Việt: lãi vay tính từ ngày 15/06/2016 đến 31/12/2016.

Yếu tố thời tiết: Sự ảnh hưởng của thời tiết đến hoạt động kinh doanh của CTCP Đầu tư năng lượng Trường Thịnh rất lớn. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng tích nước tích trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Hoặc ngược lại, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường xá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Trong năm 2017, Các tỉnh Tây Nguyên bị ảnh hưởng nặng nề của Con bão số 12, đây là cơn bão bất thường gây ra mưa to, gió lớn trên diện rộng đối với các tỉnh Tây Nguyên. Cùng với tâm lý chủ quan xưa nay Tây Nguyên không có bão, Con bão số 12 thực sự đã ảnh hưởng nặng nề đến đời sống, kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên. Tuy nhiên do đề cao cảnh giác phòng chống bão lũ, góp phần hạn chế thiệt hại đảm bảo vận hành liên tục và an toàn nhà máy. Cụ thể như sau:

- Nhà máy Thủy điện Đăk Ne: Các hạng mục đường như không bị quá ảnh hưởng bởi cơn bão, chỉ có Kênh dẫn bị sạt trôi đất lấp. Hiện tại nhà máy đã khắc phục tránh gây sạt đứt gãy kênh dẫn nước và vận hành bình thường.
- Nhà máy Thủy điện Đăk Pia: Hầu hết các hạng mục thuộc nhà máy Thủy điện Đăk Pia không bị ảnh hưởng, nhà máy hoạt động bình thường sau cơn bão.

- Nhà máy Thủy điện Tà Vi: Nhà máy đã phải dừng hoạt động trong khoảng 1 tháng để khắc phục hậu quả bão lũ vì tuyến kênh dẫn nước bị sạt lở 04 vị trí, trong đó 01 vị trí sạt lở nặng gây đứt gãy kênh dẫn, có tổng chiều dài đứt gãy khoảng 30m. Các hạng mục còn lại như Cụm đầu mối, nhà máy, trạm biến áp, đường dây, đường ống áp lực, bể áp lực không bị ảnh hưởng lớn. Sau khi hoạt động lại Công ty vẫn phải tiếp tục sửa chữa và việc vận hành ổn định chỉ bắt đầu từ tháng 8/2018. Chi phí cho việc sửa chữa này là 300 triệu đồng.
- Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1: Do chịu ảnh hưởng mực nước lưu vực thượng nguồn Đăk Bla, dẫn đến mực nước tại công trình thủy điện Đăk Bla 1 lên cao, vượt qua mực nước dự kiến đắp đê hạ lưu phòng chống lũ bão, gây ra ngập nước vào nhà máy nên tiến độ dự án bị ảnh hưởng. Tuy nhiên tháng 4/2018 nhà máy đã được đưa vào hoạt động và đem lại doanh thu 35,4 tỷ đồng cho Công ty trong giai đoạn 9 tháng năm 2018.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp trong cùng ngành và Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, là doanh nghiệp có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng thủy điện. Với mục tiêu tập trung đầu tư và kinh doanh các dự án điện, Trường Thịnh đang vận hành 04 nhà máy thủy điện tại khu vực Tây Nguyên với tổng công suất 28,3 MW/h và tổng sản lượng 176,6 triệu Kwh.

Các doanh nghiệp có sở hữu thủy điện nhỏ và cùng hưởng các ưu đãi từ chính sách khuyến khích phát triển thủy điện nhỏ như TTE đã niêm yết (HNX/HOSE) và giao dịch trên sàn UPCOM là: CTCP Thủy điện Nậm Mu – HJS (HNX), CTCP Thủy điện Đăk Đoa – HPD (UpCom), CTCP Thủy điện Sông Vàng – SVH (UpCom), CTCP Thủy điện Quế Phong – QPH (UpCom), CTCP Thủy điện Sông Chày 5 – SCH (UpCom), CTCP Thủy điện Điện lực 3 – DRL (HOSE). So với các doanh nghiệp này, TTE là một trong những doanh nghiệp có quy mô và chiến lược phát triển ấn tượng, cụ thể như sau:

- Về công suất lắp máy: Trường Thịnh đang vận hành 04 nhà máy thủy điện tại khu vực Tây Nguyên với tổng công suất 28,3 MW/h và tổng sản lượng 176,6 triệu Kwh. Tổng công suất lắp máy đang vận hành của Trường Thịnh lớn nhất trong số các doanh nghiệp cùng phân khúc.
- Về chiến lược kinh doanh: Trường Thịnh đặt kế hoạch mở rộng quy mô trong lĩnh vực Thủy điện nhỏ thông qua đầu tư mới và mua lại các thủy điện nhỏ khác. Trong khi đó các doanh nghiệp cùng phân khúc lại có xu hướng mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực khác hoặc chỉ duy trì hoạt động kinh doanh sẵn có.
- Về vốn điều lệ, quy mô tài sản: Trường Thịnh có vốn điều lệ lớn nhất trong nhóm các công ty cùng phân khúc, do đó có nhiều lợi thế hơn các công ty khác về khả năng huy động vốn đầu tư.
- Về doanh thu năm 2017: Trường Thịnh có doanh thu chỉ đứng sau CTCP Thủy điện Nậm Mu do nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 mới đi vào hoạt động từ tháng 4/2018.
- Về lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận ròng, ROE của Trường Thịnh thấp hơn so với một số doanh nghiệp khác cùng phân khúc do Các nhà máy của Công ty đều mới đi vào hoạt động nên chi phí khấu hao và chi phí lãi vay lớn, sau này khi vận hành một thời gian thì sẽ giảm chi phí lãi vay, ROE của Công ty sẽ tăng lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần Công ty chỉ đạt 14,40%, thấp hơn nhiều so với các Doanh nghiệp cùng quy mô trong ngành, nguyên nhân chính là do đặc thù ngành thủy điện, chi phí đầu tư tài sản cố định rất lớn, và Công ty chủ yếu sử dụng Công cụ nợ để đầu tư Tài sản cố định nên chi phí lãi vay cao, thêm vào đó, Giá trị còn lại của Tài sản cố định Công ty còn lớn, đang trong giai đoạn khấu hao tài sản. Do vậy làm giảm sức cạnh tranh về khả năng sinh lợi của Công ty so với các Doanh nghiệp cùng quy mô trong ngành.

- Cơ cấu vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản công ty là 29%, thấp hơn nhiều so với trung bình ngành, cơ cấu vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản trung bình các Doanh nghiệp cùng quy mô trong ngành là 54,5%. Điều này cho thấy Công ty sử dụng công cụ nợ để hỗ trợ hoạt động kinh doanh nhiều hơn các Doanh nghiệp cùng quy mô trong ngành. Điều cùng sở hữu các nhà máy thủy điện nhỏ, tuy nhiên TTE có tổng tài sản và tổng công suất thiết kế nhà máy thủy điện lớn nhất so với các Doanh nghiệp cùng quy mô trong ngành. Do vậy việc sử dụng Công cụ nợ nhiều hơn so với các Doanh nghiệp khác là điều dễ hiểu. Công ty không cần lo ngại về vấn đề thanh khoản, vì dòng tiền thu về từ các nhà máy thủy điện của Công ty đủ để trả các khoản lãi và gốc đúng hạn.

Bảng 15: So sánh một số doanh nghiệp thủy điện đã niêm yết và đang giao dịch trên thị trường UPCOM (số liệu tại 31/12/2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh nghiệp	CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh	CTCP Thủy điện Nậm Mu (Thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngâm và Nậm An)	CTCP Thủy điện Đăk Đoa (Thủy điện Đăk Đoa)	CTCP Thủy điện Sông Vàng (Nhà máy Thủy điện An Điền II)	CTCP Thủy điện Quế Phong (Nhà máy thủy điện Bản Cốc và Sao Va)	CTCP Thủy điện Sông Chảy 5 (Nhà máy Thủy điện Sông Chảy 5)	CTCP Thủy điện Điện lực 3 (Nhà máy Thủy điện Đray H'linh 2)
Mã CK	TTE	HJS	HPD	SVH	QPH	SCH	DRL
Công suất thiết kế (MW)	28,3	11,3	14	15,6	21	16	16
Tổng tài sản	1.099.017	467.502	229.720	309.686	440.320	360.233	153.272
Vốn điều lệ	284.904	209.999	83.066	148.207	185.831	150.000	95.000
Vốn CSH bình quân	307.464	284.650	110.322	61.364	259.032	156.230	135.267
Doanh thu năm 2017	121.700	166.704	51.999	67.324	115.912	73.294	100.519
LNST năm 2017	17.531	45.991	18.146	14.323	45.143	24.989	63.806
LNST năm 2017 của Cty mẹ	17.380	46.024	18.146	14.323	45.143	24.989	63.806
LNST/DT	14,40%	27,59%	34,90%	21,27%	38,95%	34,09%	63,48%
LNST Cty mẹ/DT	14,28%	27,61%	34,90%	21,27%	38,95%	34,09%	63,48%
ROE năm 2017	5,65%	16,17%	16,45%	23,34%	17,43%	15,99%	47,17%

Nguồn: NSI tổng hợp

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng lớn về thủy điện. Lãnh thổ Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, có lượng mưa trung bình hàng năm cao, khoảng 1.800 – 2.000mm. Với địa hình miền Bắc và biên giới miền Tây đồi núi cao, phía Đông là bờ biển dài trên 3.400km nên nước ta có hệ thống sông ngòi khá dày đặc, với hơn 3.450 hệ thống sông, suối lớn nhỏ có dòng chảy liên tục như hệ thống các sông Mã, Cà ở phía Đông Bắc, các nhánh sông Đà, Lô, Gám, Chảy đổ về sông Hồng ở miền Bắc; sông Mê công, Đồng Nai ở miền Nam; sông Vũ Giá, Thu Bồn ở khu vực đồng bằng; sông Se San, Srepok ở cao nguyên, và sông Ba ở vùng ven biển miền Trung. Và với điều kiện tự nhiên thuận lợi như vậy nên tiềm năng thủy điện của nước ta tương đối lớn.

Theo thông tin từ tạp chí Năng lượng Việt Nam, tổng công suất thủy điện của nước ta vào khoảng 35.000MW, trong đó 60% tập trung tại miền Bắc, 27% phân bố ở miền Trung và 13% thuộc khu vực miền Nam. Tiềm năng kỹ thuật (tiềm năng có thể khai thác khả thi) vào khoảng 26.000MW, tương ứng với gần 970 dự án được quy hoạch, hàng năm có thể sản xuất hơn 100 tỷ kWh, trong đó nói riêng thủy điện nhỏ có tới 800 dự án, với tổng điện năng khoảng 15 – 20 tỉ kWh/năm.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, nhu cầu điện trong xã hội ngày càng tăng cao. Hiện nay và trong ngắn hạn nguồn cung sản lượng điện trong nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện. Quy hoạch điện VII điều chỉnh xác định mục tiêu phát triển ngành điện là đáp ứng đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016-2030. Cụ thể nhu cầu về điện thương phẩm: Năm 2020 Khoảng 235 – 245 tỷ kWh; năm 2025 Khoảng 352 – 379 tỷ kWh; năm 2030 Khoảng 506 – 559 tỷ kWh và nhu cầu về Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 Khoảng 265 – 278 tỷ kWh; năm 2025 Khoảng 400 – 431 tỷ kWh và năm 2030 Khoảng 572 – 632 tỷ kWh.

Với nhu cầu tiêu thụ điện năng toàn quốc ngày càng tăng, Quy hoạch điện VII điều chỉnh cũng đã xác định ưu tiên phát triển ngành thủy điện nhằm đưa Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động được ưu đãi về thuế và chính sách nêngiảm thiểu được rủi ro đến từ thay đổi chính sách do đặc thù của ngành là phải đầu tư vốn lớn để xây dựng. - Có nhiều ưu đãi về thiên nhiên để phát triển thủy điện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư nhiều vốn và thời gian cho giai đoạn xây dựng. - Hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu.
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> - Có thị trường ngày càng phát triển do đời sống của người dân đang được cải thiện đáng kể. - Phục hồi của nền kinh tế đã thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh của các công ty trong ngành. - Hệ thống cơ sở hạ tầng còn thấp nên đòi hỏi cần có nguồn đầu tư lớn để tu sửa, thay thế nhằm giảm tiêu hao điện năng

Tỷ trọng thủy điện trong cơ cấu nguồn năng lượng của Việt Nam sẽ giảm trong thời gian tới.

Theo báo cáo của Bộ Công Thương ngày 19/03/2014 tại Hội thảo Việt Nam – Na Uy về thủy điện và cải cách thị trường điện, tỷ trọng thủy điện trong cơ cấu nguồn năng lượng của Việt Nam trong năm 2012 – 2013 lên tới khoảng 40% và dự kiến đạt tương ứng khoảng 36% và 25% vào các năm 2015 và 2020. Vì vậy, công tác vận hành hệ thống điện sẽ phải đối mặt với những khó khăn và thách thức liên quan tới công tác quản lý, phối hợp hài hòa và vận hành tối ưu các nhà máy thủy điện nhằm đáp ứng các mục tiêu phát điện, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống lũ hạ du, đồng thời đáp ứng các tiêu chí liên quan tới môi trường. Để bắt kịp với xu hướng phát triển nguồn năng lượng của Việt Nam, trong thời gian hiện tại, TTE triển khai đẩy mạnh công tác quản lý, phối hợp hài hòa và vận hành tối ưu các nhà máy thủy điện để đạt hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao hơn nữa. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện nghiên cứu nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió để theo kịp với xu hướng tới nguồn năng lượng tái tạo, để phát triển bền vững môi trường và xã hội.

Thủy điện vẫn là ngành quan trọng

Cũng theo đánh giá của Bộ Công Thương, thủy điện vẫn là nguồn năng lượng sạch, có khả năng tái tạo, giá thành rẻ hơn so với các nguồn điện khác. Quá trình đầu tư xây dựng và vận hành khai thác đã tạo nhiều việc làm cho các lực lượng lao động trong cả nước. Việc hình thành các hồ chứa thủy điện cũng góp phần quan trọng trong việc chủ động tích trữ để xả nước cho nhu cầu dân sinh, nông nghiệp và tham gia cắt giảm lũ cho hạ du, cải tạo môi trường, phát triển du lịch sinh thái, nuôi trồng thủy sản, giao thông thủy v.v. Đặc biệt, các hồ thủy điện đang là nguồn dung tích trữ nước cực kỳ quan trọng, trong những năm qua đã góp phần quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước.

7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**Mục tiêu:**

Mục tiêu đến năm 2019 Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trở thành một trong những công ty hàng đầu có tốc độ phát triển nhanh, bền vững về lĩnh vực thủy điện nhỏ. Theo quy định tại Điều 7 Thông tư 32/2014/TT-BCT của bộ công thương ngày 9/10/2014, thủy điện nhỏ là thủy điện có công suất đặt của nhà máy nhỏ hơn hoặc bằng 30MW. Cơ sở để thực hiện mục tiêu là Công ty hiện đang sở hữu 4 nhà máy thủy điện nhỏ và tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các nhà máy thủy điện nhỏ khác. Hiện TTE là Công ty có tổng công suất thiết kế cao hơn các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện nhỏ đang niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Công ty tập trung mọi nguồn lực đầu tư và kinh doanh hiệu quả tối đa công suất phát điện và tham gia đầu tư ở các công trình thủy điện khác thuộc hệ thống sông Đak Bla nhằm thu được lợi nhuận tối đa cho Cổ đông trên cơ sở đảm bảo lợi ích của người dân, đóng góp vào ngân sách góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực đảm bảo mỗi kỹ sư là một người giỏi về kỹ thuật, mỗi công nhân là một thợ lành nghề, mỗi cán bộ quản lý là một quản trị viên giỏi, mỗi thành viên là một chuyên gia và không có người thiếu việc trong Công ty.

Sứ mệnh:

Không ngừng sáng tạo, phấn đấu tạo ra những dịch vụ chất lượng cao với giá hợp lý, tối ưu hóa việc sản xuất điện để đem lại hiệu quả cao nhất. Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, đối tác và toàn xã hội.

Từ phân tích về triển vọng phát triển ngành điện như ở trên, có thể thấy định hướng hoạt động của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành điện, cũng như các chủ trương của Chính phủ về quy hoạch phát triển điện. Quy hoạch điện VII điều chỉnh ưu tiên phát triển ngành thủy điện nhằm đưa công suất các nguồn thủy điện tăng lên đồng thời ưu tiên phát triển các nguồn điện vừa và nhỏ tại các vùng, miền trong cả nước nhằm đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện tại chỗ và giảm tổn thất trên hệ thống điện quốc gia cũng như đảm bảo tính kinh tế của các dự án, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho từng vùng và cả nước.

8. Chính sách đối với người lao động

- ❖ Tổng số lượng lao động của Công ty đến thời điểm 30/09/2018 là 84 người
 - Công nhân vận hành: 47 người
 - Nhân viên văn phòng: 37 người
 - Lương bình quân là 7.940.000 đồng/người/tháng
- ❖ Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty

Bảng 16: Cơ cấu lao động tại Công ty

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
Theo trình độ		84	100%
1	Trên đại học	3	3,6%
2	Đại học và Cao đẳng	54	64,3%
3	Trung + Sơ cấp	27	32,1%
Theo giới tính		84	100%
1	Nam	67	79,8%
2	Nữ	17	20,2%

(Nguồn: TTE)

- ❖ Chính sách đối với người lao động
 - Một số chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định Công ty:
 - 100% CBCNV được tham gia bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
 - Bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ và thường xuyên nâng cao chất lượng bảo hộ lao động
 - Tổ chức cho người lao động được tham gia các phong trào văn thể mỹ, hoạt động thể thao của Công ty
 - Chế độ thưởng tháng 13, thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng 63ang kiến,... luôn được áp dụng

= 7 ~ T I A G I I =

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần (quà tặng ngày cưới, ốm đau, hiếu hi, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi, rằm trung thu,...)
- Công ty luôn cố gắng giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước;
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;
- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp.
- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp: hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với công hiến của họ cho Công ty. Đồng thời tạo động lực thu hút người tài, đáp ứng nguồn nhân lực bền vững của Công ty. Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng cho doanh nghiệp, được sở lao động thương binh xã hội tỉnh Kon Tum công nhận. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với hiệu quả lao động, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNB làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty luôn thực hiện tốt yêu cầu của bộ luật lao động. Xây dựng nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể được sở lao động thương binh và xã hội công nhận. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động như mua Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

9. Chính sách cổ tức

- ❖ Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:
 - Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
 - Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
 - Tuỳ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- ❖ Tình hình chi trả cổ tức tại Công ty:
- ❖

Năm	Tỷ lệ	Cơ sở	Ghi chú
2015	6,69545%/mệnh giá bằng cổ phiếu	Nghị quyết số 07/2016/NQ-ĐAKNE của Đại hội đồng cổ đông ngày 5/7/2016	Đã thực hiện tháng 8/2016
2016	Công ty không thực hiện chi trả cổ tức		
2017	6%/mệnh giá bằng tiền	Nghị quyết số 13/2018/NQ-TTE của Đại hội đồng cổ đông ngày 08/04/2018	Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết số 05/2016/NQ-ĐAKNE của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện trả cổ tức tính đến 30/6/2016 với tỷ lệ cổ tức là 6,69545% bằng cổ phiếu (tương đương 1.700.000 cổ phiếu phát hành thêm). Trong Nghị Quyết ĐHĐCĐ Công ty không thể hiện tỷ lệ mà thể hiện cụ thể số lượng cổ phiếu từng cổ đông được nhận.

Năm 2018, thực hiện nghị quyết số 13/2018/NQ-TTE của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trả cổ tức 6% với số tiền là: 17.094.240.000 đồng từ nguồn lợi nhuận phân phối năm 2017. Công ty hiện chưa chi trả cổ tức vì Công ty đang trong quá trình chuẩn bị hồ sơ niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, sau khi việc niêm yết hoàn tất, Công ty sẽ chi trả cổ tức năm 2017.

10. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản như sau:

Bảng 17: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Thời gian khấu hao: năm

Loại tài sản	Năm 2016		Năm 2017		Quý III/2018	
	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20	20	15-25	15-25	15-25	15-25
Máy móc và thiết bị	03	03-06	03-12	03-12	03-12	03-12
Phương tiện vận tải	06	06-07	06-10	06-10	06-10	06-10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03	03	03	03	03	03

Việc thay đổi khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định như trên của Công ty xuất phát từ việc mua sắm tài sản cố định trong năm, và tách bạch giữa Chi phí khấu hao nhà máy thù

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

điện Đăkne với Chi phí nâng cấp nhà máy thủy điện Đăk Ne (thuộc CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh). Công ty khẳng định và cam kết việc thay đổi khung thời gian khấu hao trên đã phản ánh trung thực hiện trạng sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Công ty mà **Không làm thay đổi** chi phí khấu hao hàng năm của tài sản cố định đang sử dụng. Cụ thể như sau:

- **Trong năm 2017** khung thời gian khấu hao trong báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ có sự thay đổi so với năm 2016 là do:

+ Đối với nhà xưởng và vật kiến trúc: Công ty trình bày lại khoản nâng cấp nhà máy thủy điện Đăkne, theo đó ngày 01.08.2015 khi hoàn thành việc nâng cấp nhà máy thủy điện Đăkne thì kế toán ghi nhận tăng giá trị tài sản nhà máy thủy điện Đăkne lên theo quy định và trích khấu hao theo thời gian còn lại của Nhà máy thủy điện Đăkne là 15 năm. Do vậy, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 ghi nhận khung thời gian khấu hao theo thời gian khấu hao của nhà máy thủy điện Đăkne là 20 năm (bao gồm phần nâng cấp nhà máy với thời gian khấu hao 15 năm), còn trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 Công ty thể hiện thời gian khấu hao từ 15 năm (chứ không phải 20 năm gộp chung với giá trị tài sản cũ khi chưa nâng cấp) là để trình bày rõ hơn khoảng thời gian khấu hao cho phần nâng cấp tài sản cố định là nhà máy Thủy điện Đăkne là 15 năm. Việc trình bày rõ ra như vậy sẽ giúp cho người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ hơn thời gian khấu hao cho nhà máy thủy điện là từ 15 năm (đối với phần nâng cấp tài sản cố định là nhà máy thủy điện Đăkne), chứ không thay đổi thời gian hay giá trị khấu hao so với năm 2016. Trong năm 2017 Công ty mua nhà máy thủy điện Tà Vi và thời gian khấu hao nhà máy thủy điện Tà Vi là 25 năm.

+ Đối với máy móc và thiết bị: Công ty Mua thêm Biến áp đo lường 1 pha, công suất 100/100VA

+ Đối với phương tiện vận tải: Công ty Mua thêm ô tô Landcruiser

- **Thay đổi đối với báo cáo tài chính Công ty mẹ:**

Tài sản cố định hữu hình	Thời điểm bắt đầu tính khấu hao	Thời gian khấu hao trong BCTC riêng lẻ năm 2016	Thời gian khấu hao trong BCTC riêng lẻ năm 2017	Lý do
Nhà xưởng và vật kiến trúc		20	15-25	
+ <i>Nâng cấp nhà máy thủy điện Đăkne (thuộc Công ty mẹ) với tổng giá trị nâng cấp là : 119.258trđ và gồm:</i> - Cùm đầu mối: 28.884trđ - Kênh dẫn: 34.464 trđ - Bể áp lực: 7.324trđ - Đường ống áp lực: 3.950trđ - Kênh xả: 6.536 trđ - Đường QLVH: 21.030trđ - Cầu vận hành: 6.528trđ - Nhà QLVH: 1.546trđ - Nhà máy: 1.472trđ - Nhà điều khiển trên đập: 136 trđ - Nhà điều khiển bể áp lực: 736trđ - Thiết bị cơ khí: 6.652trđ	Từ 01.08.2015	<i>Thời gian khấu hao nhà máy là 20 năm, thời gian khấu hao còn lại của nhà máy là 15 năm, nên gộp thời gian khấu hao phần nâng cấp vào cùng thời gian khấu hao nhà máy và không trình bày rõ ra thời gian khấu hao đối với nhà máy hay phần nâng cấp</i>	<i>Tách riêng thời gian khấu hao đối với phần nâng cấp nhà máy thủy điện Đăkne và thời gian khấu hao đối với phần nâng cấp này là 15 năm</i>	

Tài sản cố định hữu hình	Thời điểm bắt đầu tính khấu hao	Thời gian khấu hao trong BCTC riêng lẻ năm 2016	Thời gian khấu hao trong BCTC riêng lẻ năm 2017	Lý do
+ Mua thêm Nhà máy thủy điện Tà Vi (thuộc Công ty mẹ)	Từ 01.01.2017	Không có	25	Mua nhà máy Tà Vi từ công ty TNHH Nước Vìn (mua bằng tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2016 và tiền vay ngân hàng Agribank)
Máy móc và thiết bị		03	03-12	
+ Mua thêm Biến áp đo lường 1 pha, công suất 100/100VA (thuộc C.Ty mẹ)	Từ 01.09.2017	Không có	12	Mua mới
Phương tiện vận tải		06	06-10	
+ Mua thêm ô tô Landcruiser prado (thuộc Công ty mẹ)	Từ 01.03.2017	Không có	10	Mua mới

- Thay đổi đối với BCTC hợp nhất:

Tài sản cố định hữu hình	Thời điểm bắt đầu tính khấu hao	Thời gian khấu hao trong BCTC hợp nhất năm 2016	Thời gian khấu hao trong BCTC hợp nhất năm 2017	Lý do
Nhà xưởng và vật kiến trúc		20	15-25	
+ Nâng cấp nhà máy thủy điện Đăkne (thuộc Công ty mẹ)	Từ 01.08.2015	Thời gian khấu hao nhà máy là 20 năm, thời gian khấu hao còn lại của nhà máy là 15 năm, nên gộp thời gian khấu hao phần nâng cấp vào cùng thời gian khấu hao nhà máy và không trình bày rõ ra thời gian khấu hao đối với nhà máy hay phần nâng cấp	15 (đây là thời gian khấu hao đối với phần nâng cấp nhà máy thủy điện Đăkne)	Tách riêng thời gian khấu hao đối với phần nâng cấp nhà máy thủy điện Đăkne và thời gian khấu hao đối với phần nâng cấp này là 15 năm
+ Mua thêm Nhà máy thủy điện Tà Vi (thuộc Công ty mẹ)	Từ 01.01.2017	Không có	25	Mua nhà máy Tà Vi từ công ty TNHH Nước Vìn (mua bằng tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2016 và tiền vay ngân hàng Agribank)

Tài sản cố định hữu hình	Thời điểm bắt đầu tính khấu hao	Thời gian khấu hao trong BCTC hợp nhất năm 2016	Thời gian khấu hao trong BCTC hợp nhất năm 2017	Lý do
Máy móc và thiết bị		03-06	03-12	
+ Mua thêm Biến áp đo lường 1 pha, công suất 100/100VA (thuộc Công ty mẹ)	Từ 01.09.2017	Không có	12	Mua mới
Phương tiện vận tải		06-07	06-10	
+ Mua thêm ô tô Landeruiser prado (thuộc Công ty mẹ)	Từ 01.03.2017	Không có	10	Mua mới

❖ **Mức lương bình quân**

Mức lương bình quân của Cán bộ CNV Công ty trong năm 2017 là 7.940.000đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty tương đối cao so với các Doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tính đến thời điểm 30/09/2018, Công ty không có các khoản nợ đến hạn nào phải thanh toán, các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định. Đến thời điểm hiện tại, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh hiện đang quản lý vận hành 04 nhà máy thủy điện. Hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, trong đó chủ yếu các nhà máy thủy điện đóng tại địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, Công ty phải nộp một số khoản thuế, phí như sau:

- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**

Chính sách về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với các thu nhập từ dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm a khoản 1 điều 15 và điểm a khoản 1 điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế doanh nghiệp. Cụ thể các khoản ưu đãi như sau:

- Hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2014.
- Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh hiện đang quản lý vận hành 04 dự án nhà máy thủy điện, trong đó việc áp dụng các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà máy cụ thể như sau:

- Nhà máy thủy điện Đắk Ne: Theo Biên bản làm việc giữa Cục thuế tỉnh Kon Tum ngày 19/08/2016, thu nhập từ Nhà máy thủy điện Đắk Ne được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 11 năm kể từ năm 2014, được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.
- Nhà máy thủy điện Đắk Pia: đã hết ưu đãi thuế

- Nhà máy thủy điện Tà Vi: chưa có xác nhận miễn giảm thuế từ cơ quan có thẩm quyền nên Công ty hiện chưa tính phần ưu đãi thuế TNDN từ dự án này
- Nhà máy thủy điện Đăkbla 1: được hưởng tất cả các ưu đãi đối với dự án đầu tư mới theo quy định của Pháp luật: Hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2014; miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014. Hiện Công ty đang thực hiện các thủ tục đăng ký với cục thuế để nhà máy Đak Bla 1 nhận được ưu đãi theo quy định.

- Thuế Tài nguyên

Theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 10/12/2015 về việc ban hành mức thuế suất thuế tài nguyên có hiệu lực từ 01/07/2016 thì mức thuế suất thuế tài nguyên đối với Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện là 5% tính trên giá bán điện thương phẩm bình quân.

Theo Quyết định số 4495/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 30/11/2017 quyết định về việc công bố giá bán điện thương phẩm bình quân áp dụng làm giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên sản xuất điện là 1.720,65 đồng/Kwh.

- Phí môi trường rừng

Theo nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 có hiệu lực từ 01/01/2017 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quy định mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất thủy điện là 36 đồng/1kwh điện thương phẩm. Sản lượng điện để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là sản lượng điện của các cơ sở sản xuất thủy điện bán cho bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện.

Bảng 18: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Quý 3/2018	
	C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất
Thuế GTGT	-	-		903.908	2.825.192	6.004.907
Thuế thu nhập doanh nghiệp	522.713	788.329	744.929	2.771.625	657.809	1.324.256
Thuế thu nhập cá nhân	1.603	7.530	20.403	26.412	13.498	15.957
Thuế tài nguyên	381.241	501.387	1.399.162	1.524.573	2.305.099	5.547.060
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	5.514.410	5.877.095	617.567	750.913	927.952	2.312.332
Tổng	6.419.967	7.174.341	2.782.061	5.977.431	6.729.550	15.204.512

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

(*) Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác chủ yếu là thuế dịch vụ môi trường rừng.

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 19: Lợi nhuận đã trích lập các quỹ
Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Quý 3/2018	
	C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất
Lợi nhuận đã trích lập các quỹ (Quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-	105.120	105.120	144.966	473.315
Tổng nợ	-	-	105.120	105.120	144.966	473.315

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018
❖ Tổng dư nợ vay

TTE luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Tính đến thời điểm hiện nay thì TTE không có nợ quá hạn nào. Đây cũng là một thuận lợi của TTE trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi.

Bảng 20: Vay và nợ thuê tài chính
Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Quý 3/2018	
	C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17.600	20.720	20.950	40.950	10.950	31.500
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	287.279	684.819	266.629	676.793	258.950	665.964
Tổng nợ	304.879	705.539	287.579	717.743	269.900	697.464

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

Mục đích của việc vay và nợ thuê tài chính dài hạn là để đầu tư vào nhà máy thủy điện Đăk Ne và nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và thủy điện Đăk Pía.

Bảng 21: Thông tin các khoản vay tại ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngân hàng vay	Hợp đồng vay	Dư vay dài hạn	Nợ đến hạn trả
Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Kon Tum	Hợp đồng Tín dụng số 5100-LAV-300900523 ngày 12 tháng 6 năm 2009 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng tín dụng, với thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhằm mục đích đầu tư dự án thủy điện Đăk Pia. Nợ gốc bắt đầu được trả từ ngày 25/6/2013. Khoản vay này chịu lãi suất cho vay có điều chỉnh, được tính bằng lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam (VND) kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của Chi nhánh Ngân hàng NN &PTNT tỉnh Kon Tum cộng 3%/năm, Lãi suất được điều chỉnh tối đa 03 tháng 01 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăk Pia	32.014	550
Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Kon Tum	Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016, với thời hạn cho vay là 144 tháng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại Nhà máy thủy điện Tà Vi. Lãi suất thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi	68.850	1.650
Ngân hàng TMCP Việt Á – CN Hà Nội	Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay là 144 tháng, nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăk Ne. Lãi suất 11,2%/năm. Tài sản đảm bảo: Nhà máy thủy điện Đăk Ne	190.100	9.300
Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Buôn Ma Thuột	Hợp đồng Tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTDHDN ngày 15 tháng 5 năm 2015 với thời hạn vay là 14 năm kể từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/5/2029 nhằm mục đích đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1. Thời hạn trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 15/5/2018. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	375.000	20.000

Nguồn: BCTC Quý 3/2018

- ❖ **Tình hình công nợ hiện nay**
- ✓ **Các khoản phải thu**

Bảng 22: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Quý 3/2018	
		C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất
I	Phải thu ngắn hạn	24.134.852	196.520.071	23.061.490	63.926.776	17.398.351	29.645.389
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.037.752	8.012.908	7.853.634	39.922.234	3.850.916	11.871.223
1.1	TCT Điện lực miền trung	6.037.752	8.012.908	7.853.634	9.728.071	3.850.916	11.871.223
1.2	CTCP Xây dựng Tân Phước	-	-	-	30.194.163	-	-
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.835.000	167.774.156	10.306.446	13.053.979	11.413.284	14.157.826
2.1	Công ty cổ phần Tấn Phát	15.780.000	110.177.156	10.109.570	10.109.570	10.029.570	10.029.570
2.2	Các đối tượng khác	55.000	57.597.000	196.876	2.944.409	1.383.714	4.128.256
3	Phải thu ngắn hạn khác	2.262.100	20.733.007	4.901.410	10.950.563	2.134.151	3.616.340
3.1	Tạm ứng	1.293.432	18.441.082	3.929.795	8.655.300	2.134.151	3.616.340
	Nguyễn Ngọc Tường	1.277.694	1.277.694				
	Nguyễn Công Thành	-	-	3.173.940	6.835.808	-	-
	Nguyễn Văn Quân	-	442.063	127.000	256.959	124.788	331.747
	Hồ Thanh Tiến	-	5.700	30.198	30.198	33.698	208.678
	Trần Quang Chung	-	-	175.058	175.058	54.957	55.857
	Lê Văn Khoa	-	15.401.992	132.047	376.808	67.976	278.737
	Võ Quốc Vương	-	-	-	-	-	-
	Bùi Thị Thanh Huyền	-	-	31.167	31.167	55.036	-
	Đỗ Văn Tuyết	-	-	-	-	1.352.510	1.352.510
	Các đối tượng khác	15.738	1.314.631	260.385	949.301	446.185	1.388.811
3.2	Phải thu khác	968.668	2.291.926	971.615	2.295.263	-	-
	Công ty TNHH Nước Vín	968.668	968.668	968.668	968.668	-	-
	Thu khác	-	-	-	390	-	-
	Nguyễn Thị Hiền	-	-	2.947	2.947	-	-
	Đỗ Thị Bích Huyền	-	1.323.258	-	-	-	-
	Nguyễn Công Thành	-	-	-	1.323.258	-	-
II	Phải thu dài hạn	173.433	173.433	12.784.358	14.699.358	211.033	5.203.100
III	Tổng phải thu	24.308.285	196.693.504	35.845.848	78.626.135	17.609.384	34.848.100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

Công ty không có khoản nợ phải thu nào quá hạn nên không phải trích lập dự phòng nợ quá hạn khó đòi.

✓ Các khoản phải trả

Bảng 23: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng năm 2018	
		C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất	C.ty mẹ	Hợp nhất
I	Nợ ngắn hạn	25.086.342	35.413.283	24.948.030	106.907.528	37.285.917	100.167.676
1	Phải trả người bán ngắn hạn	166.456	458.770	229.451	42.319,041	147.586	14.549.058
2	Người mua trả tiền trước					75.000	75.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	6.419.967	7.174.341	2.782.061	5.977.431	6.729.550	15.204.512
4	Phải trả người lao động	326.686	595.269	653.980	1.082.016	622.034	1.254.112
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	500.000	6.036.762	-	16.157.819	1.187.416	19.464.104
6	Phải trả ngắn hạn khác	73.233	428.142	227.418	316.101	17.429.365	17.647.575
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17.600.000	20.720.000	20.950.000	40.950.000	10.950.000	31.500.000
8	Quỹ KT Phúc lợi	-	-	105.120	105.120	144.966	473.315
II	Nợ dài hạn	287.278.919	684.818.943	266.628.919	676.792.919	258.950.000	665.964.000
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	287.278.919	684.818.943	266.628.919	676.792.919	258.950.000	665.964.000
	Tổng nợ	312.365.261	720.232.227	291.576.949	783.700.447	296.160.917	766.056.675

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Quý 3/2018

(*) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước hợp nhất 9 tháng năm 2018 là 15,2 tỷ đồng. Nguyên nhân chính chính từ tháng 4/2018 nhà máy Đak Bla 1 được đưa vào hoạt động, đóng góp 35,4 tỷ đồng vào doanh thu thuần hợp nhất Công ty giai đoạn 9 tháng năm 2018. Do vậy tiền thuế phải nộp nhà nước tăng lên. Từ 30/9/2018 đến thời điểm hiện tại, Công ty đã chi trả hơn 5 tỷ đồng tiền thuế.

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Tính đến thời điểm hiện tại Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào. Đây cũng là một thuận lợi cho Công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với các chi phí ưu đãi.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Công ty	Hợp nhất	Công ty	Hợp nhất
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,89	6,35	1,77	0,87
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,89	6,35	1,77	0,87
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,51	0,71	0,49	0,71
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,06	2,40	0,96	2,49
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho (*)	vòng	-	-	-	-
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,12	0,10	0,13	0,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	16,68%	15,20%	12,64%	14,28%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,05%	5,26%	3,38%	5,65%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,04%	1,51%	1,68%	1,64%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	17,58%	16,51%	13,71%	17,38%

Nguồn: NSI tổng hợp

(*) Do sản phẩm của Công ty là điện, sản xuất ra là bán cho Tổng Công ty điện lực miền trung nên không có vòng quay hàng tồn kho. Đối với phần kinh doanh thương mại trong năm 2017, Công ty thực hiện bán vật tư xây dựng trực tiếp từ kho nhà cung cấp sang kho khách hàng nên không có số dư hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Nhìn chung các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2016, 2017 khá ổn định, phản ánh đầy đủ và hợp lý quá trình phát triển của công ty.

- Do Công ty không có hàng tồn kho nên Chỉ số về khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty là bằng nhau. Chỉ số thanh toán ngắn hạn hợp nhất trong năm 2017 là 6,35 lần giảm mạnh so với năm chỉ số thanh toán ngắn hạn hợp nhất năm 2016 (0,87 lần). Năm 2016 Công ty ứng trước tiền cho nhà cung cấp để đầu tư vào nhà máy thủy điện Đắk Bla 1 và số tiền ứng trước này đã được quyết toán trong năm 2017, do đó tài sản ngắn hạn hợp nhất 2017 giảm mạnh so với tài sản ngắn hạn hợp nhất 2016. Thêm vào đó, trong năm 2017, với việc đẩy mạnh thi công nhà máy thủy điện Đắk Bla 1 đã gia tăng các khoản nợ ngắn hạn với các nhà cung cấp và nợ ngắn hạn là khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Buôn

Ma Thuột, năng nợ ngắn hạn 2017 tăng cao so với năm 2016. Chính vì vậy chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán ngắn hạn tại báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2017 đã có sự giảm sút đáng kể so với năm 2016.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn cho thấy tỷ trọng sử dụng nợ tài trợ hoạt động kinh doanh của Công ty đang ở mức cao, gấp 2,4 lần so với Vốn chủ sở hữu.

Năm 2016, Công ty thực hiện tăng 2 đợt tăng vốn với tổng giá trị vốn điều lệ tăng thêm 201,52 tỷ (đợt 1 tăng 170,52 tỷ đồng và đợt 2 tăng 31 tỷ đồng). Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng nợ vay xấp xỉ 3 lần (từ 231 tỷ đồng năm 2015 lên 685 tỷ đồng năm 2016) khiến hệ số Nợ/VCSH duy trì ở mức cao. Nguồn nợ vay được sử dụng để tài trợ cho dự án sửa chữa nhà máy Đăk Ne, đầu tư xây dựng dự án nhà máy Đăk Bla 1. Năm 2017, Nợ và Vốn chủ sở hữu Công ty không biến động nhiều nên hệ số Nợ/VCSH năm 2017 Công ty không thay đổi nhiều so với hệ số Nợ/VCSH năm 2016.

- Vòng quay tổng tài sản của Công ty duy trì ổn định ở mức thấp và phù hợp với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện, do chi phí đầu tư nhà máy rất cao. Công ty không có hàng tồn kho nên không có vòng quay hàng tồn kho.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:
 - o Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng sinh lời Công ty mẹ năm 2017 có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2016, nguyên nhân chính là do năm 2017 Công ty phải chịu chi phí lãi vay cao hơn năm 2016. Do cuối năm 2016 Công ty đã vay 74 tỷ đồng để đầu tư vào dự án thủy điện Tà Vi, điều này ảnh hưởng đến chi phí lãi vay và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trong năm 2017.
 - o Các chỉ tiêu về lợi nhuận trên doanh thu hợp nhất năm 2017 giảm nhẹ so với năm 2016, nguyên nhân cũng như đối với công ty mẹ, do chi phí lãi vay công ty năm 2017 cao hơn nên ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Các chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2017 tăng nhẹ so với năm 2016, nguyên nhân chính là do tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của năm 2017 cao hơn tốc độ tăng khi tổng tài sản bình quân và vốn chủ sở hữu bình quân của năm 2017.

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng
➤ Hội đồng quản trị
Bảng 25: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
1	Ông Trần Quang Chung	Chủ tịch HĐQT	1983	001083004464
2	Ông Nguyễn Ngọc Tường	Thành viên HĐQT	1973	233201729
3	Ông Lê Văn Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1982	233060161
4	Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	1978	012871671
5	Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1985	186162021
6	Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên HĐQT	1986	125181309
7	Ông Vũ Văn Trung	Thành viên HĐQT độc lập	1979	001079007865

Ông Trần Quang Chung - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	31-10-1983
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	001083004464 cấp ngày: 23/10/2014 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 7 ngõ 178 ngách 49 phố Thái Hà; Phường Trung Liệt; Quận Đống Đa; Hà Nội
Số điện thoại công ty:	Số điện thoại di động: 0986176686
Địa chỉ email:	chungtran.tqc@gmail.com
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
+ Từ Năm 2012 – 2014:	Phụ trách Phòng khách hàng doanh nghiệp lớn Ngân Hàng TMCP Á Châu
+ Từ Năm 2014 – Nay:	+ Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên

- + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Trung Việt
- + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân.
- + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
- + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Habada.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- + Chức vụ tại tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh Chủ tịch Hội đồng quản trị
- + Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Trung Việt
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân.
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Habada.

Tổng số CP nắm giữ, trong đó:

1.038.900 cổ phần, chiếm 3,65% vốn điều lệ

+ Đại diện phần vốn:

0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

1.038.900 cổ phần, chiếm 3,65% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ :

Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Ngọc Nga	100	Vợ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông Nguyễn Ngọc Tường – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1973

Nơi sinh: Trà Bình, Trà Bồng, Quảng Ngãi

CMND: 233201729, ngày cấp 18/01/2011, nơi cấp: CA Kon Tum

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Lô T2, KCN Hòa Bình, P.Lê Lợi, Tp.Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
- Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động:0905.99.22.88
- Địa chỉ email: tuongtpg@yahoo.com.vn
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- + Từ 2010 đến tháng 7/2016: *Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tấn Phát trước đây là công ty TNHH Trung Đông*
 - + Từ 7/2016 đến nay: *Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tấn Phát*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
- + *Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:* *Thành viên HĐQT*
 - + *Chức vụ tại tổ chức khác:* *Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tấn Phát*
- Tổng số CP nắm giữ, trong đó: 1.400.000 cổ phần, chiếm 4,91 % vốn điều lệ
- + Đại diện phần vốn: *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
 - + Cá nhân sở hữu: *1.400.000 cổ phần, chiếm 4,91 % vốn điều lệ*
- Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	SL CP	Mối quan hệ
1	Nguyễn Ngọc Trung	1.000	Em trai

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Lê Văn Khoa – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1982

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Nơi sinh: Xuân Trường – Thọ Xuân – Thanh Hóa

CMND: 233060161, ngày cấp 24/04/2014, nơi cấp: CA Kon Tum

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 87 Nguyễn Huy Lung, P. Thắng Lợi, TP Kon tum, Tỉnh Kon Tum

Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động:0906.578.677

Địa chỉ email: Khoa_kt82@yahoo.com.vn

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

+ Từ năm 2006 đến tháng 07/2016: *Kế toán trưởng Công ty CP Tấn Phát*

+ Từ tháng 08/2016 đến nay: *Phó TGD Công ty CP Tấn Phát*

Các chức vụ công tác hiện nay:

+ *Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:* + *Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc*

+ *Chức vụ tại tổ chức khác:* *Phó TGD Công ty CP Tấn Phát*

Tổng số CP nắm giữ, trong đó: 50 cổ phần, chiếm 0.00018% vốn điều lệ

+ *Đại diện phần vốn:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*

+ *Cá nhân sở hữu:* *50 cổ phần, chiếm 0,00018 % vốn điều lệ*

Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP	Mối quan hệ
1	Phạm Thị Kim Thuận	50	Vợ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Trần Văn Hải – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh:	17/09/1978
Nơi sinh:	Tỉnh Bắc Giang
CMND:	012871671 Ngày cấp: 16/05/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 7/153, Phố Cầu Cốc, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Số điện thoại công ty:	Số điện thoại di động: 0916125656
Địa chỉ email:	haitv@vpg.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế; Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý
Quá trình công tác:	
07/2001– 04/2004	<i>Kế toán trưởng tại Công ty CDIT</i>
05/2005– 06/2006	<i>Trưởng phòng quản trị tài chính khách hàng tại Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư thương mại công nghiệp Việt Á</i>
07/2006– 05/2010	<i>Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Phát triển điện lực Việt Á</i>
06/2010– 08/2013	<i>Trưởng phòng Tài chính tại Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Việt Phương</i>
08/2013– nay	<i>Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Linh</i>
12/2016–nay	<i>Thành viên BKS tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP</i>
7/2017 – nay	<i>Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh</i>
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ <i>Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>
+ <i>Chức vụ tại tổ chức khác:</i>	+ <i>Chủ tịch HĐQT – Công ty CP phát triển Bất động sản Hà Linh</i>
	+ <i>Thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP</i>
Tổng số CP nắm giữ, trong đó:	1.250.000 cổ phần, chiếm 4,39 % vốn điều lệ
+ <i>Đại diện phần vốn:</i>	<i>0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ</i>
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	<i>1.250.000 cổ phần, chiếm 4,39 % vốn điều lệ</i>

Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP	Mối quan hệ
1	Võ Thị Thanh Trà	800	Vợ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Nguyễn Công Thành – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/04/1985

Nơi sinh: Xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

CMND: 186162021, ngày cấp 09/05/2016, nơi cấp: Công An tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Quế Sơn, Quế Phong, Nghệ An

Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 01.664.666.668

Địa chỉ email: mrthanh.tpg.kt@gmail.com

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi – thủy điện

Quá trình công tác:

- + Từ 2006 - 2008 *Công tác tại công ty cổ phần xây dựng Miền Trung – chỉ huy trưởng thi công các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt.*
- + Từ năm 2008 đến 2013: *Công tác tại công ty TNHH TVXD Bắc Châu – chủ nhiệm tư vấn thiết kế, giám sát các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt.*
- + Từ năm 2013 đến 5/2016: *Công tác tại công ty TNHH TVXD Minh Tâm – chủ nhiệm tư vấn thiết kế, giám sát các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt.*
- + Từ năm 5/2016 đến nay: *Công tác tại công ty cổ phần Tấn Phát – quản lý phòng*

Kinh tế Xây dựng.

Các chức vụ công tác hiện nay:

+ Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm
+ Phó tổng giám đốc

+ Chức vụ tại tổ chức khác:

Công tác tại công ty cổ phần Tấn Phát – quản lý phòng Kinh tế Xây dựng .

Tổng số CP nắm giữ, trong đó:

50 cổ phần, chiếm 0,00018 % vốn điều lệ

+ Đại diện phần vốn:

0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

50 cổ phần, chiếm 0,00018 % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không có

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Ông Nguyễn Đình Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

22/02/1986

Nơi sinh:

Xã Phú Lương, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh

CMND:

125181309, ngày cấp 27/3/2009, nơi cấp: Bắc Ninh

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Địa chỉ thường trú:

Thôn Phú Lâu, Xã Phú Lương, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh

Số điện thoại công ty:

Số điện thoại di động: 0905543340

Địa chỉ email:

mrhungp22@gmail.com

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Máy và Tự động Thủy khí

Quá trình công tác:

- + Từ 2010 - 2015 *Kỹ sư tại tổ Cơ khí thủy công, phòng Thiết bị công nghệ nhà máy điện, Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1 (PECC1)*
 - + Từ năm 2015 đến nay: *Chuyên viên tại Khối Năng Lượng, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương (VPG)*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
- + *Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:* *Thành viên Hội đồng quản trị*
 - + *Chức vụ tại tổ chức khác:* *Chuyên viên tại Khối Năng Lượng, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương (VPG)*
- Tổng số CP nắm giữ, trong đó:
- + *Đại diện phần:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
 - + *Cá nhân sở hữu:* *1.200.000 cổ phần, chiếm 4,21 % vốn điều lệ*
- Các cam kết nắm giữ: *Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Dịu	600	Em gái

- Những khoản nợ đối với Công ty: *Không*
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không*

Ông Vũ Văn Trung – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Giới tính: *Nam*
- Ngày tháng năm sinh: *14/07/1979*
- Nơi sinh: *Thôn Phượng Vũ, Xã Phượng Dực, Huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội*
- CMND: *001079007865, Cấp ngày 15 tháng 09 năm 2015, Do công an Tp Hà Nội*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Địa chỉ thường trú:	Thôn Phượng Vũ, Xã Phượng Dục, Huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội
Số điện thoại công ty:	Điện thoại di động: 0983.8515.55
Địa chỉ email:	Trungvv@vpg.vn hoặc Quangtrunght.vu1@gmail.com
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Thủy lợi, thủy điện - Ngành xây dựng công trình
Quá trình công tác:	
+ Từ 06/2004 đến 06/2006:	<i>Chuyên viên Phòng Thiết kế II Công Ty Tư Vấn & Chuyển Giao Công Nghệ trường Đại Học Thủy Lợi.</i>
+ Từ T06/2006 đến 05/2008:	<i>Chuyên viên Xưởng thiết kế II Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36</i>
+ Từ T06/2008 đến 10/2013:	<i>Trưởng phòng Thiết kế Công trình, Công ty Cổ phần Tư vấn điện & xây dựng Đông Á.</i>
+ Từ T11/2013 đến 03/2014:	+ <i>Chỉ huy trưởng công trình Xử lý cấp bách sạt lở đê Bờ Tả Sông Lương, sông Duy Tiên</i> + <i>Chủ trì khảo sát, thiết kế công trình thủy điện Cẩm Thủy 1</i>
+ Từ T04/2014 đến 07/2015:	<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Giao thông (INTRACOM)</i> + <i>Chủ trì khảo sát, thiết kế công trình thủy điện Cẩm Thủy 1</i> + <i>Chủ nhiệm dự án công trình Thủy điện Tà Lơi 1</i>
+ Từ T08/2015 đến nay:	<i>Chuyên viên Khối Năng lượng Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương</i> <i>CT HĐQT kiêm TGD tại CTCP Năng lượng Điện Biên-Sông Hồng</i>
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ <i>Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>
+ <i>Chức vụ tại tổ chức khác:</i>	<i>Chuyên viên Khối Năng lượng Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương</i> <i>CT HĐQT kiêm TGD tại CTCP Năng lượng Điện Biên-Sông Hồng</i>
Tổng số CP nắm giữ, trong đó:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ <i>Đại diện phần vốn:</i>	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ :	Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

➤ **Ban kiểm soát**

Bảng 26: Thành viên Ban kiểm soát của Công ty

STT	Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng BKS
2	Ông Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên BKS
3	Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên BKS

Ông Hoàng Minh Sang – Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/11/1978
Nơi sinh:	Tam Ngọc, Tam Kỳ, Quảng Nam
CMND:	205425918, ngày cấp 03/4/2010, nơi cấp: CA Quảng Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Tổ 47, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại công ty:	Số điện thoại di động: 0905530774
Địa chỉ email:	sanghm@dientrumthinh.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	

11210023/1411

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

+ Từ năm 2005 đến năm 2007:	KTT- Chi nhánh Công ty CP DVHK Sân Bay Đà Nẵng tại Sân bay Cam Ranh.
+ Từ năm 2007 đến năm 2013:	Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn thuế ATAX.
+ Từ năm 2013 đến năm 2015:	Kế toán TH – Công ty TNHH Khởi Phát
+ Từ năm 2015 đến năm 2016	Kế toán trưởng – Công ty TNHH Vàng Bông Miêu Kế toán trưởng – Công ty TNHH Besra Việt Nam
+ Từ năm 2016 đến năm 2017	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần PAVNC
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:	Trưởng Ban kiểm soát
+ Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số CP nắm giữ, trong đó:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ:	Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Ông Lê Nhất Minh Xuân – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	25/03/1987
Nơi sinh:	Quy Nhơn – Bình Định
CMND:	233089894, ngày cấp 24/02/2003, nơi cấp: CA Kon Tum
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Địa chỉ thường trú:	191 Thi Sách, P.Thắng Lợi, TP.Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
Số điện thoại công ty:	Số điện thoại di động:0901 125 225
Địa chỉ email:	lenhatminhxuan@gmail.com
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân quản trị kinh doanh Chuyên ngành: Tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 10/2011 đến tháng 03/2016:	<i>Chuyên viên phòng kinh doanh – Công ty TNHH MTV cao su Kon Tum</i>
+ Từ tháng 04/2016 đến nay:	<i>Phó phòng kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam</i>
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ <i>Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:</i>	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>
+ <i>Chức vụ tại tổ chức khác:</i>	<i>Phó phòng kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam</i>
Tổng số CP nắm giữ, trong đó:	<i>1.100.000 cổ phần, chiếm 3,86 % vốn điều lệ</i>
+ <i>Đại diện phần vốn:</i>	<i>0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ</i>
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	<i>1.100.000 cổ phần, chiếm 3,86 % vốn điều lệ</i>
Các cam kết nắm giữ :	Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Bà Lê Thị Hạnh – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	20/02/1985
Nơi sinh:	Xã Diễn Xuân, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An
CMND:	186270118, ngày cấp: 27/06/2006, nơi cấp: Nghệ An

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Xóm 8, xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Số điện thoại công ty:	Số điện thoại di động: 0984147331
Địa chỉ email:	lehanhtc2410@gmail.com
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Chứng chỉ kế toán tổng hợp
Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 08/2007 đến tháng 2/2010:	<i>Chuyên viên Quản lý dự án tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa</i>
+ Từ tháng 03/2010 đến tháng 10/2015:	<i>Chuyên viên tài chính tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương</i>
+ Từ tháng 03/2010 đến tháng 04/2018:	<i>Phụ trách Quản lý danh mục đầu tư tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương</i>
+ Từ tháng 05/2018 đến nay	<i>Phó phòng kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương</i>
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh:	+ Thành viên Ban kiểm soát + Người phụ trách công bố thông tin
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	<i>Phó phòng kiểm soát nội bộ - Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương</i>
Tổng số CP nắm giữ, trong đó:	1.250.000 cổ phần, chiếm 4,39 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	1.250.000 cổ phần, chiếm 4,39 % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ:	Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

➤ **Ban Tổng giám đốc**

Ông Lê Văn Khoa – Tổng Giám đốc

Xem thông tin chi tiết tại Phần Hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Công Thành – Phó Tổng giám đốc

Xem thông tin chi tiết tại Phần Hội đồng quản trị.

➤ **Kế toán trưởng**

Ông Hoàng Hữu Điền – Kế toán trưởng

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/07/1982
Nơi sinh:	An Trú, Triệu Tài, Triệu Phong, Quảng Trị.
CMND:	197107066 cấp ngày 31/07/2007, nơi cấp: CA tỉnh Quảng Trị
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Phòng 2302, Tòa HHB - Khu đô thị Tân Tây Đô, Đan Phượng, Hà Nội
Số điện thoại công ty:	Số điện thoại di động: 0977.593.593
Địa chỉ email:	Dienhh@dientruongthinh.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
<i>Từ tháng 05/2005 đến 8/2008</i>	<i>Kế toán viên tại CTCP Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất</i>
<i>Tháng 09/2008 đến tháng 05/2010</i>	<i>Phó phòng Tài chính kế toán tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất</i>
<i>Từ tháng 01/06/2010 đến 28/02/2011</i>	<i>Phụ trách Phòng kế toán dự án tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất</i>
<i>Từ tháng 03/2011 đến Tháng 08/2013</i>	<i>Kế toán trưởng tại CTCP Đầu tư Xây dựng công nghiệp đô thị</i>
<i>Từ tháng 09/2013 đến tháng 11/2015</i>	<i>Kế toán trưởng tại CTCP Mangan Việt Bắc (Tập đoàn VID)</i>
<i>Từ tháng 12/2015 đến tháng 06/2018</i>	<i>Chuyên viên kế toán tại CTCP Tập đoàn đầu tư Việt Phương</i>
<i>Từ tháng 04/2016 đến tháng 06/2017</i>	<i>Kiểm nhiệm phụ trách kế toán tại Công ty Cổ phần thủy điện Bảo Nhai (Tập đoàn VPG)</i>
<i>Từ tháng 03/2017 đến tháng 08/2017</i>	<i>Kiểm nhiệm phụ trách kế toán tại Công ty cổ phần khoáng sản Lào Việt (Tập đoàn VPG)</i>
<i>Từ tháng 09/2017 đến nay</i>	<i>Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Các chức vụ công tác hiện nay:

+ Chức vụ tại tổ chức niêm yết -
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng
lượng Trường Thịnh: *Kế toán trưởng*

+ Chức vụ tại tổ chức khác: *Không có*

Tổng số CP nắm giữ, trong đó: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Đại diện phần vốn: *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*

+ Cá nhân sở hữu: *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*

Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu trong 06 tháng và 50% cổ phiếu trong thời gian 01 năm kể từ ngày cổ phiếu niêm yết

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Hòa	300	Vợ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

12. Tài sản

Tài sản chính của Công ty là giá trị đầu tư các nhà máy thủy điện. Tính đến thời điểm 30/06/2018, tình hình tài sản của Công ty như sau:

Bảng 27: Tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá		Khấu hao lũy kế		Giá trị còn lại	
		Công ty	Hợp nhất	Công ty	Hợp nhất	Công ty	Hợp nhất
I	Tài sản cố định hữu hình	474.457	1.143.953	125.907	164.211	348.549	979.741
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	468.661	1.136.607	124.237	161.660	344.424	974.947
2	Máy móc, thiết bị	249	637	112	405	137	232
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5.497	6.586	1.508	2.051	3.988	4.536
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	50	123	50	97	0	26
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	474.457	1.143.953	125.908	164.211	348.549	979.741

(Nguồn: Báo cáo tài chính Quý 3/2018)

- Tình hình đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng như sau:

Bảng 28: Hiện trạng đất đai của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Thửa đất	Diện tích đất (m ²)	Hình thức thuê đất	Thời hạn sử dụng	Hiện trạng đất
1	Tiểu khu 454,457, xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy, Kon Tum	49.052	Được miễn tiền thuê đất đến hết 13/11/2059	13/11/2059	Nhà máy thủy điện Đăk Pia
2	Xã Đăk Tô Lung & Tân Lập, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, Kon Tum	532.002	Thuê đất trả tiền hàng năm, Miễn tiền thuê đất đến ngày 23/08/2022	23/08/2057	Nhà máy thủy điện Đăk Ne
3	Thôn 12, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, Kon Tum	87.877,72	Thuê đất trả tiền hàng năm, được cân trừ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào thuê đất đến 01/08/2042	01/08/2042	Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1
4	Xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, Quảng Nam	197.293	Thuê đất trả tiền hàng năm, Miễn tiền thuê đất đến tháng 7/2026	Tháng 9/2059	Nhà máy thủy điện Tà Vi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận trong năm tiếp theo

Căn cứ:

- Nghị quyết số 13/2018/NQ-TTE ngày 08/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty phần lớn đến từ hoạt động bán điện. Công ty mẹ có 2 nhà máy thủy điện và công ty con (công ty mẹ nắm giữ 98%) có 02 nhà máy thủy điện. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất được xây dựng dựa trên kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của từng nhà máy thủy điện. Do đó, Công ty không xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Công ty mẹ cho giai đoạn 2018 – 2019.

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018-2019 như sau:

Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh (hợp nhất) của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng
Sản lượng điện	Kwh	90.559.766	17,62%	139.420.101	53,95%	177.199.011	27,10%
NMTĐ Đăk Ne	Kwh	67.228.038	-0,84%	68.426.914	1,78%	69.358.971	1,36%
NMTĐ Đăk Pía	Kwh	12.155.245	32,21%	10.402.921	-14,42%	11.884.365	14,24%
NMTĐ Tà Vi	Kwh	11.176.483		13.954.458	24,86%	13.954.458	0,00%
NMTĐ Đăk Bla 1	Kwh			46.635.808		82.001.217	75,83%
Doanh thu thuần	Tr.đ	121.699	76,51%	146.066	20,02%	166.508	14,0%
NMTĐ Đăk Ne	Tr.đ	66.621	11,88%	62.033	-6,89%	61.183	-1,4%
NMTĐ Đăk Pía	Tr.đ	14.333	128,79%	11.567	-19,30%	11.345	-1,9%
NMTĐ Tà Vi	Tr.đ	13.296		15.541	16,88%	15.238	-1,9%
NMTĐ Đăk Bla 1	Tr.đ			56.926		78.742	38,3%
Doanh thu khác (*)		27.449					
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	17.531	67,31%	20.616	17,60%	26.880	30,38%
Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	315.316	5,24%	315.917	0,19%	316.518	0,19%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		14,40%		14,11%	-1,95%	16,14%	14,38%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		5,65%		6,53%	15,50%	8,49%	30,14%
Cổ tức/mệnh giá		6%		6%	-	6%	

(Nguồn: TTE)

() Do nguồn Doanh thu khác không ổn định nên Công ty không đưa vào kế hoạch kinh doanh năm 2018 và năm 2019*

- **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Tháng 6 năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đã hoàn thành việc mua lại 98% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Trung Việt, qua đó Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh nắm quyền quản lý và vận hành nhà máy Thủy điện Đăk Ne và nhà máy Thủy điện Đăk Pia.

Nhà máy Thủy điện Đăk Ne và Nhà máy Thủy điện Đăk Pia được đưa vào vận hành từ năm 2010 và năm 2012 Với việc đầu tư trang thiết bị đồng bộ, hệ thống cơ sở hạ tầng chất lượng cùng với đội ngũ cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm đã góp phần đáng kể và việc duy trì sự ổn định và hiệu quả phát điện cao của các nhà máy. Cùng với các hợp đồng mua bán điện dài hạn, được điều chỉnh tăng giá theo chính sách giá bán điện của nhà nước đã góp phần tạo ra nguồn doanh thu ổn định của Công ty.

Tháng 4 năm 2018, Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1 đã chính thức đi vào vận hành thương mại. Tính đến hết quý III/2018, doanh thu từ Nhà máy đã đạt trên 35,4 tỷ đồng, dự kiến cả năm sẽ đạt trên 56,9 tỷ đồng doanh thu, tương ứng sản lượng dự kiến: 46.635.808 kwh, góp phần đáng kể vào việc hoàn thành thành kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thủy điện vừa và nhỏ do đó biểu phí tránh được của Bộ Công Thương ban hành hàng năm có xu hướng tăng lên do giá bán điện thương phẩm cho hộ dân tăng lên hàng năm. Do vậy với điều kiện thời tiết ổn định thì doanh thu hàng năm của Công ty sẽ tăng trưởng tương ứng với mức tăng của biểu phí.

Cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện khác, chi phí hoạt động của công ty mang tính ổn định cao. Bên cạnh đó Công ty cũng đã xây dựng được định mức chi phí và thực thi triệt để chính sách tiết kiệm trong cán bộ công nhân viên; công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được công ty chú trọng; công tác xử lý các sự cố đã đi vào nề nếp qua đó góp phần đáng kể trong việc hoạch định và kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty.

Cùng với việc tăng cường quản lý chi phí, trong những năm tới Công ty kỳ vọng chi phí lãi vay (cơ cấu chi phí lớn nhất của Công ty là lãi suất và khấu hao) sẽ được giảm dần tương ứng với mức giảm nợ vay ngân hàng, đó là nhân tố quan trọng góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty. Cơ sở của việc kỳ vọng này là do lãi vay được tính dựa trên số nợ gốc, Công ty sử dụng tiền thu về từ hoạt động kinh doanh để trả bớt nợ gốc, do đó chi phí lãi vay sẽ được giảm theo. Thêm vào đó, khi tài sản hết khấu hao thì giá vốn sẽ không bao gồm chi phí khấu hao, do vậy khi tài sản hết khấu hao thì lợi nhuận Công ty sẽ tăng lên.

Với những hợp đồng bán điện đã ký kết (thời hạn hợp đồng 20 năm) và khả năng quản lý, vận hành một cách bài bản, có kiểm soát, trường hợp không có những sự cố đáng kể xảy ra thì kế hoạch kinh doanh của Công ty là hoàn toàn khả thi.

- **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:** Tới thời điểm hiện tại Công ty chưa có kế hoạch đầu tư, dự án nào được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua
- **Kế hoạch tăng vốn điều lệ:** Tới thời điểm hiện tại Công ty chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp và độc lập, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

trọng và hợp lý về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh.

Với đà phát triển liên tục và ổn định của TTE, trong bối cảnh tiềm năng phát triển của ngành và định hướng hỗ trợ cho thủy điện nhỏ theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, NSI cho rằng các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và mục tiêu phát triển của Công ty là hoàn toàn khả thi nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng tác động đến hoạt động.

Chúng tôi xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn tài chính trung gian, đảm bảo tính khách quan, độc lập căn cứ trên những thông tin do Doanh nghiệp cung cấp mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán được niêm yết cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Nhà đầu tư cần tự mình đưa ra quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm với quyết định của mình dựa trên sự phân tích đầy đủ về tình hình hoạt động của Công ty.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Đại hội Đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc chia cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 6% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/2018/NQ -TTE ngày 08/04/2018. Tuy nhiên tới thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện chia cổ tức vì Công ty đang trong quá trình chuẩn bị hồ sơ niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), Hội đồng Quản trị Công ty chưa sắp xếp được việc chi trả cổ tức năm 2017, Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 sau khi việc niêm yết trên HOSE được hoàn tất

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phần phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 28.490.400 cổ phần
4. **Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:** 284.904.000.000 (Hai trăm tám mươi tư tỷ chín trăm lẻ tư triệu) đồng
5. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng**

Theo điểm d khoản 1 điều 54 nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết trên là **7.239.000 cổ phiếu**, chiếm **25,4%** vốn điều lệ của Công ty.

Bảng 30: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại TTE	Số lượng cổ phần sở hữu		Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
			Tổng	Số CP bị hạn chế chuyển nhượng	
1	Trần Quang Chung	Chủ tịch HĐQT	1.038.900	1.038.900	06 tháng, kể từ ngày niêm yết
				519.450	01 năm, kể từ ngày niêm yết
2	Nguyễn Ngọc Tường	TV HĐQT	1.400.000	1.400.000	06 tháng, kể từ ngày niêm yết
				700.000	01 năm, kể từ ngày niêm yết
3	Lê Văn Khoa	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	50	50	06 tháng, kể từ ngày niêm yết
				25	01 năm, kể từ ngày niêm yết
4	Trần Văn Hải	TV HĐQT	1.250.000	1.250.000	06 tháng, kể từ ngày niêm yết
				625.000	01 năm, kể từ ngày niêm yết
5	Nguyễn Công Thành	TV HĐQT	50	50	06 tháng, kể từ ngày niêm yết
				25	01 năm, kể từ ngày niêm yết

11/01/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ tại TTE	Số lượng cổ phần sở hữu		Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
			Tổng	Số CP bị hạn chế chuyển nhượng	
6	Nguyễn Đình Hùng	TV HĐQT	1.200.000	1.200.000	06 tháng, kể từ ngày niêm yết
				600.000	01 năm, kể từ ngày niêm yết
7	Lê Thị Hạnh	TV BKS	1.250.000	1.250.000	06 tháng, kể từ ngày niêm yết
				625.000	01 năm, kể từ ngày niêm yết
8	Lê Nhất Minh Xuân	TV BKS	1.100.000	1.100.000	06 tháng, kể từ ngày niêm yết
				550.000	01 năm, kể từ ngày niêm yết
Tổng cộng				7.239.000	

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được căn cứ trên:

- Phương pháp giá trị sổ sách (Book Value).
- Phương pháp so sánh theo chỉ số P/E (Price/Earnings – Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết.
- Phương pháp so sánh theo chỉ số P/B (Price/Book Value – Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết.

➤ Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu Công ty (BV):

Vốn chủ sở hữu

$$\text{Giá trị sổ sách/cp} = \frac{\text{(Không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát và nguồn kinh phí và quỹ khác)}}{\text{Tổng số cổ phần}}$$

Tổng số cổ phần

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán các năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2018, thì giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu Công ty như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/9/2018
Tổng vốn chủ sở hữu (đồng)	299.611.934.562	315.316.055.620	305.457.505.114
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (đồng)	3.481.140.131	3.631.879.941	3.769.961.831
Nguồn kinh phí và quỹ khác (đồng)	-	-	-
SLCP lưu hành cuối kỳ (Cp)	28.490.400	28.490.400	28.490.400
Giá trị sổ sách TTE (đồng/cổ phiếu)	10.394	10.940	10.589

➤ Phương pháp so sánh theo chỉ số P/E và P/B

Tính EPS tại thời điểm 30/09/2018

$$\text{EPS chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (lũy kế 4 quý)}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành bình quân}}$$

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (lũy kế 4 quý) tính đến 30/9/2018 được xác định như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Căn cứ xác định
1	Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2017 của Công ty mẹ	9.323.504.612	Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2018
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty mẹ	17.379.845.943	Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017
3	Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty mẹ	7.853.134.143	Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2018
4	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ lũy kế 4 quý tính đến 30/9/2018	15.909.475.474	(4) = (2) - (1) + (3)

EPS tính đến 30/9/2018:

$$\text{EPS chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế} = \frac{15.909.475.474}{28.490.400} = 558 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Nhóm công ty có cùng hoạt động kinh doanh thủy điện lựa chọn so sánh:

Lựa chọn nhóm 5 công ty có sở hữu thủy điện nhỏ để xác định giá trị bình quân P/E, P/B. P/E, P/B sẽ được tính bình quân gia quyền theo tỷ trọng vốn hóa của từng công ty trong nhóm 5 công ty được lựa chọn so sánh (do CTCP Thủy điện Sông Cháy 5 mã SCH đã hủy niêm yết kể từ tháng 4/2018 nên không có thông tin tại ngày 30/9/2018); cụ thể:

Bảng 31: Bảng tính giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/E (tại ngày 30/9/2018)

Tên công ty	Mã Ck	Số lượng CP lưu hành bình quân	Thị giá tại ngày 16/11/2018 (VNĐ/cổ phiếu)	Lợi nhuận sau thuế lũy kế 4 quý tính đến 30/9/2018 (VNĐ)	P/E
Thủy điện - Điện lực 3	DRL	9.500.000	41.400	52.255.910.816	7,53
Thủy điện Nậm Mu	HJS	20.999.900	24.500	46.392.911.471	11,09
Thủy điện Quế Phong	QPH	18.583.100	25.900	47.919.059.568	10,04
Thủy điện Sông Vàng	SVH	14.820.662	13.300	5.342.393.614	36,90
CTCP Thủy điện Đắk Đoa	HPD	8.306.590	15.900	22.382.523.005	5,90
P/E bình quân gia quyền phương pháp so sánh P/E					12,54
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS) (đồng/cổ phiếu)					558
Giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/E (đồng/cổ phiếu) (P = EPS * P/E bình quân)					6.997

Nguồn: NSI tổng hợp

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập trên một cổ phiếu (chưa trừ chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế)
- P/E bình quân: Được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty trong lĩnh vực năng lượng có nhiều sự tương đồng nhất với TTE đang giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bảng 332: Bảng tính giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/B (tại ngày 30/9/2018)

Tên công ty	Mã Ck	Số lượng CP lưu hành bình quân	Thị giá tại ngày 16/11/2018 (VNĐ/cổ phiếu)	Vốn CSH tại 30/9/2018 (triệu VNĐ)	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại 30/9/2018 (triệu VNĐ)	Giá trị sổ sách tại 30/9/2018 (VNĐ/cổ phiếu)	P/B
Thủy điện - Điện lực 3	DRL	9.500.000	41.400	114.489	-	12.051	3,44
Thủy điện Nậm Mu	HJS	20.999.900	24.500	295.047	7.866	13.675	1,79
Thủy điện Quế Phong	QPH	18.583.100	25.900	301.560	-	16.228	1,60
Thủy điện Sông Vàng	SVH	14.820.662	13.300	70.408	-	4.751	2,80
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	HPD	8.306.590	15.900	112.768	-	13.576	1,17
P/B bình quân gia quyền phương pháp so sánh P/B							2,18
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)							10.589
Giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/B (đồng/cổ phiếu)							23.084
(P = BV * P/B bình quân)							

Nguồn: NSI tổng hợp

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BV: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân: Được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong lĩnh vực năng lượng có nhiều sự tương đồng nhất với TTE đang giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Giá tham khảo theo các phương pháp:

STT	Phương pháp tính giá	Giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)
1	Giá sổ sách	10.589
2	Giá theo phương pháp so sánh P/E	6.997
3	Giá theo phương pháp so sánh P/B	23.084
	Giá bình quân của ba phương pháp trên	13.557

CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh quyết định sẽ lấy giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TTE tại SGDK TP. Hồ Chí Minh bằng 13.500 đồng/cổ phiếu, dựa trên bình quân ba phương pháp: giá sổ sách, giá theo phương pháp so sánh P/E, giá theo phương pháp so sánh P/B.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Theo Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác. Nghị định 60 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2015.

Hiện nay, Công ty có ngành nghề kinh doanh “Sản xuất, truyền tải và phân phối điện – mã ngành 3510” thuộc danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư. Tuy nhiên hiện chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu của nước ngoài. Căn cứ quy định của Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015, và các quy định pháp luật hiện hành, nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Do đó, tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh là 49%.

Hiện tại, tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty là 0%.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- **Thuế Giá trị gia tăng:** áp dụng thuế suất 10%
- **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:** Chính sách về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với các thu nhập từ dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm a khoản 1 điều 15 và điểm a khoản 1 điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế doanh nghiệp. Cụ thể các khoản ưu đãi như sau:
 - Hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2014.
 - Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh hiện đang quản lý vận hành 04 dự án nhà máy thủy điện, trong đó việc áp dụng các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà máy cụ thể như sau:

- Nhà máy thủy điện Đăk Ne: Theo Biên bản làm việc giữa Cục thuế tỉnh Kon Tum ngày 19/08/2016, thu nhập từ Nhà máy thủy điện Đăk Ne được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 11 năm kể từ năm 2014, được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.
- Nhà máy thủy điện Đăk Pía: đã hết ưu đãi thuế
- Nhà máy thủy điện Tà Vi: chưa có xác nhận miễn giảm thuế từ cơ quan có thẩm quyền nên Công ty hiện chưa tính phần ưu đãi thuế TNDN từ dự án này
- Nhà máy thủy điện Đăkbla 1: được hưởng tất cả các ưu đãi đối với dự án đầu tư mới theo quy định của Pháp luật: Hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2014; miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014. Hiện Công ty đang thực hiện các thủ tục đăng ký với cục thuế để nhà máy Đăk Bla 1 nhận được ưu đãi theo quy định.

- **Thuế Tài nguyên**

Theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 10/12/2015 về việc ban hành mức thuế suất thuế tài nguyên có hiệu lực từ 01/07/2016 thì mức thuế suất thuế tài nguyên đối với Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện là 5% tính trên giá bán điện thương phẩm bình quân.

Theo Quyết định số 4495/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 30/11/2017 quyết định về việc công bố giá bán điện thương phẩm bình quân áp dụng làm giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên sản xuất điện là 1.720,65 đồng/Kwh.

- **Phí môi trường rừng**

Theo nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 có hiệu lực từ 01/01/2017 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Quy định mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất thủy điện là 36 đồng/1kwh điện thương phẩm. Sản lượng điện để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là sản lượng điện của các cơ sở sản xuất thủy điện bán cho bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành

8.2. Các loại thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán**❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Cụ thể như sau:

➤ Mức thuế suất:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - + Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - + Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - + Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

➤ Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đồng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0.1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

a) Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 024 39 445 474 - Fax: 024 39 445 475 - Website: nsi.com.vn

b) Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ: Lầu 1 Tòa nhà 105-107 đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 38217262 - Fax: (84-28) 38217305

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Địa chỉ: Lầu 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 phố Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: (84-24) 3783 2121 Fax: (08-24) 3783 2122

Website: www.epvietnam.vn

Công ty TNHH Kiểm toán Vaco – Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-8) 3840 6618 Fax: (08-8) 3840 6616

Website: www.vaco.com.vn

3. PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép hoạt động điện lực của 04 (bốn) nhà máy
3. Công văn số 3675/UBCK-GSĐC của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ngày 11/06/2018 về việc đăng ký công ty đại chúng
4. Bản chính Biên bản họp và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số 09/2017/NQ-TTE ngày 30/7/2017 thông qua việc niêm yết cổ phiếu
5. Cam kết sửa đổi Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty
6. Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty
7. BCTC riêng lẻ và hợp nhất được kiểm toán năm 2016, 2017, soát xét 6 tháng năm 2018 và Quý 3/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

8. Công văn ủy quyền ký BCTC của Công ty TNHH kiểm toán VACO
9. Giải trình BCTC năm 2016 có xác nhận của kiểm toán
10. Giải trình BCTC năm 2017, soát xét 6 tháng năm 2018 có xác nhận của kiểm toán
11. Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh Quý 3/2018
12. Giải trình Khấu hao có xác nhận của kiểm toán (có đính kèm các hồ sơ khấu hao)
13. Giải trình về việc mua Công ty con và hình thành lợi thế thương mại có xác nhận của kiểm toán
14. Giải trình về việc mua nhà máy thủy điện Tà Vi.
15. Cam kết về cơ cấu Hội đồng Quản trị

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	TÀI LIỆU
1	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
2	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
3	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008
4	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
5	Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
6	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
7	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
8	Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
9	Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
10	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
11	Luật bảo vệ môi trường 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014
12	Luật điện lực 28/2004/QH 11 ngày 03/12/2004
13	Luật số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực
14	Quyết định số 428/QĐ-Ttg được Thủ tướng chính phủ ban hành ban hành ngày 18/3/2016 về Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có tính đến năm 2030 điều chỉnh (gọi tắt là Quy hoạch điện VII điều chỉnh)
15	Các văn bản khác

Kon Tum, ngày 20... tháng 11 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

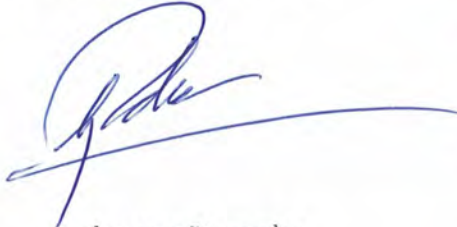
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**HOÀNG MINH SANG
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRẦN QUANG CHUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**



HOÀNG HỮU ĐIỀN

LÊ VĂN KHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ ANH DŨNG